

BỘ XÂY DỰNG

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /QĐ-BXD

Hà Nội, ngày 31 tháng 12 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ trong lĩnh vực
đăng kiểm thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Xây dựng**

BỘ TRƯỞNG BỘ XÂY DỰNG

Căn cứ Nghị định số 33/2025/NĐ-CP ngày 25 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Đăng kiểm Việt Nam.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ trong lĩnh vực đăng kiểm thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Xây dựng.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Bộ, các Vụ trưởng, Cục trưởng Cục Đăng kiểm Việt Nam, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Các Thứ trưởng Bộ Xây dựng;
- Cục KSTTHC (VPCP);
- UBND các tỉnh, thành phố thuộc TW;
- Công TTĐT Bộ Xây dựng;
- Lưu: VT, KSTTHC.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

Nguyễn Xuân Sang

**THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG, BÃI BỎ TRONG LĨNH
VỰC ĐĂNG KIỂM THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ
CỦA BỘ XÂY DỰNG**

(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-BXD ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng)

PHẦN I. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

1. Danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung

STT	Số hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính	Tên VBQPPL quy định nội dung sửa đổi, bổ sung	Cơ quan thực hiện
I. Thủ tục hành chính do trung ương giải quyết				
1.	1.001364	Cấp Giấy chứng nhận thẩm định thiết kế phương tiện thủy nội địa và Giấy chứng nhận thẩm định thiết kế sản phẩm công nghiệp sử dụng cho phương tiện thủy nội địa	Thông tư số 59/2025/TT-BXD ngày 29 tháng 12 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư trong lĩnh vực hàng hải, đường thủy và đăng kiểm	Cục Đăng kiểm Việt Nam, Chi cục Đăng kiểm
2.	1.004424	Công nhận đăng kiểm viên (lần đầu) phương tiện thủy nội địa		Cục Đăng kiểm Việt Nam
3.	1.004423	Công nhận lại đăng kiểm viên phương tiện thủy nội địa		Cục Đăng kiểm Việt Nam
4.	2.000121	Công nhận nâng hạng đăng kiểm viên phương tiện thủy nội địa		Cục Đăng kiểm Việt Nam
5.	1.004422	Công nhận đăng kiểm viên phương tiện thủy nội địa trong trường hợp đặc biệt		Cục Đăng kiểm Việt Nam
6.	1.000336	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng kiểm viên phương tiện thủy nội địa		Cục Đăng kiểm Việt Nam
7.	1.004977	Cấp Giấy chứng nhận thẩm định thiết kế cho thiết bị xếp dỡ, nồi hơi và thiết bị áp lực sử dụng trong giao thông vận tải		Cục Đăng kiểm Việt Nam
8.	1.004976	Cấp Giấy chứng nhận chất lượng an toàn kỹ thuật cho thiết bị xếp dỡ, nồi hơi và thiết bị áp lực nhập khẩu sử dụng trong giao thông vận tải		Cục Đăng kiểm Việt Nam hoặc Chi cục Đăng kiểm
9.	1.004932	Cấp Giấy chứng nhận chất lượng an toàn kỹ thuật cho thiết bị xếp dỡ, nồi hơi và thiết		Cục Đăng kiểm Việt Nam hoặc

STT	Số hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính	Tên VBQPPL quy định nội dung sửa đổi, bổ sung	Cơ quan thực hiện
		bị áp lực sản xuất, hoán cải sử dụng trong giao thông vận tải		Chi cục Đăng kiểm
10.	2.00009	Kiểm định và chứng nhận chất lượng an toàn kỹ thuật và phòng ngừa ô nhiễm môi trường cho công-te-nơ, máy, vật liệu, trang thiết bị sử dụng cho tàu biển trong chế tạo, lắp ráp, nhập khẩu, sửa chữa phục hồi, hoán cải		Cục Đăng kiểm Việt Nam hoặc Chi cục Đăng kiểm
11.	1.004318	Cấp Giấy chứng nhận thẩm định thiết kế phương tiện, thiết bị thăm dò, khai thác và vận chuyển dầu khí trên biển (công trình biển)		Cục Đăng kiểm Việt Nam
12.	2.000087	Thẩm định thiết kế tàu biển		Cục Đăng kiểm Việt Nam

II. Thủ tục hành chính do trung ương và địa phương giải quyết

1.	1.001284	Cấp Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường cho phương tiện thủy nội địa	Thông tư số 59/2025/TT-BXD ngày 29 tháng 12 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư trong lĩnh vực hàng hải, đường thủy và đăng kiểm	Chi cục Đăng kiểm, Đơn vị Đăng kiểm thuộc Sở Xây dựng
2.	1.001131	Cấp giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường cho phương tiện nhập khẩu		Chi cục Đăng kiểm, Đơn vị Đăng kiểm thuộc Sở Xây dựng
3.	1.005091	Cấp giấy chứng nhận sản phẩm công nghiệp sử dụng cho phương tiện thủy nội địa		Chi cục Đăng kiểm, Đơn vị Đăng kiểm thuộc Sở Xây dựng
4.	1.004337	Cấp Giấy chứng nhận chất lượng an toàn kỹ thuật cho thiết bị xếp dỡ, nồi hơi và thiết bị áp lực đang khai thác sử dụng trong giao thông vận tải		Tổ chức hoạt động kiểm định kỹ thuật an

STT	Số hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính	Tên VBQPPL quy định nội dung sửa đổi, bổ sung	Cơ quan thực hiện
				toàn lao động
5.	1.000300	Cấp Giấy chứng nhận thợ hàn		Chi cục Đăng kiểm
6.	1.000010	Đánh giá, chứng nhận năng lực cơ sở thử nghiệm, cung cấp dịch vụ kiểm tra, thử trang thiết bị an toàn và cơ sở chế tạo liên quan đến chất lượng an toàn kỹ thuật và phòng ngừa ô nhiễm môi trường tàu biển		Chi cục Đăng kiểm
7.	1.000305	Kiểm định, cấp hồ sơ đăng kiểm cho tàu biển		Chi cục Đăng kiểm

2. Danh mục thủ tục hành chính được bãi bỏ

STT	Số hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính	Tên VBQPPL quy định nội dung bãi bỏ	Cơ quan thực hiện
1	1.000229	Cấp giấy chứng nhận huấn luyện nghiệp vụ cán bộ quản lý an toàn công ty tàu biển	Thông tư số 59/2025/TT-BXD ngày 29 tháng 12 năm 2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư trong lĩnh vực hàng hải, đường thủy và đăng kiểm	Trung tâm chuyển đổi số, dữ liệu phương tiện quốc gia và tập huấn nghiệp vụ (DTTC) hoặc cơ sở đào tạo, huấn luyện thuyền viên

PHẦN II. NỘI DUNG CỤ THỂ CỦA TỪNG THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

I. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH DO TRUNG ƯƠNG GIẢI QUYẾT

1. Cấp Giấy chứng nhận thẩm định thiết kế phương tiện thủy nội địa và Giấy chứng nhận thẩm định thiết kế sản phẩm công nghiệp sử dụng cho phương tiện thủy nội địa

1.1. Trình tự thực hiện:

a) Nộp hồ sơ TTHC:

- Tổ chức, cá nhân gửi hồ sơ đề nghị thẩm định hồ sơ thiết kế đến Cục Đăng kiểm Việt Nam hoặc Chi cục Đăng kiểm.

b) Giải quyết TTHC:

- Cục Đăng kiểm Việt Nam hoặc Chi cục Đăng kiểm tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ; trường hợp hồ sơ không đầy đủ theo quy định thì hướng dẫn hoàn thiện ngay trong ngày làm việc (đối với trường hợp nộp trực tiếp) hoặc hướng dẫn hoàn thiện trong 01 (một) ngày làm việc (đối với trường hợp nộp hồ sơ qua hệ thống bưu chính hoặc qua cổng dịch vụ công trực tuyến); nếu hồ sơ đầy đủ thì hẹn thời gian trả kết quả.

- Kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, trong thời hạn 13 (mười ba) ngày làm việc (đối với thiết kế loại phương tiện đóng bằng vật liệu mới, công dụng mới hoặc các phương tiện hoạt động tuyến vận tải đường thủy nội địa ven biển, từ bờ ra đảo, giữa các đảo; phương tiện chở khí hóa lỏng, chở xô hóa chất nguy hiểm; tàu dầu có nhiệt độ chớp cháy nhỏ hơn hoặc bằng 60°C, có trọng tải toàn phần từ 500 tấn trở lên; tàu cao tốc chở khách, tàu đệm khí; nhà hàng nổi, khách sạn nổi, tàu thủy lưu trú du lịch ngủ đêm, tàu chở khách có sức chở từ 100 khách trở lên) hoặc trong thời hạn 05 (năm) ngày làm việc (đối với thiết kế không phải là loại kể trên và tài liệu hướng dẫn), Cục Đăng kiểm Việt Nam hoặc Chi cục Đăng kiểm hoàn thành thẩm định hồ sơ thiết kế, tài liệu hướng dẫn, nếu đạt thì cấp giấy chứng nhận thẩm định thiết kế theo quy định, cấp thông báo thẩm định tài liệu hướng dẫn, thiết kế theo mẫu quy định (nếu có); nếu không đạt thì thông báo bằng văn bản cho tổ chức, cá nhân để khắc phục các tồn tại.

- Trong thời hạn 01 (một) ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ thiết kế đã khắc phục các tồn tại, nếu đạt thì cấp giấy chứng nhận thẩm định thiết kế; nếu không đạt thì trả lời cho tổ chức, cá nhân để khắc phục lại các tồn tại.

- Tổ chức, cá nhân đề nghị thẩm định hồ sơ thiết kế, tài liệu hướng dẫn nộp giá dịch vụ, lệ phí theo quy định và nhận kết quả trực tiếp tại Cục Đăng kiểm Việt Nam hoặc Chi cục Đăng kiểm hoặc qua hệ thống bưu chính hoặc thông qua cổng dịch vụ công trực tuyến.

1.2. Cách thức thực hiện:

- Gửi trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu chính hoặc qua cổng dịch vụ công trực tuyến.

1.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ:

*** Đối với hồ sơ thiết kế đóng mới, hoán cải, sửa đổi, thiết kế lập hồ sơ cho phương tiện đã đóng không có sự giám sát của đăng kiểm**

- 01 bản chính hoặc biểu mẫu điện tử Giấy đề nghị thẩm định thiết kế theo mẫu quy định;

01 bản sao điện tử có giá trị pháp lý (đối với trường hợp nộp thông qua cổng dịch vụ công trực tuyến) hoặc 03 bản chính (đối với trường hợp nộp trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu chính hoặc hình thức phù hợp khác) các tài liệu sau: bản tính, bản vẽ, thuyết minh và các tài liệu kỹ thuật (nếu có) theo quy định của quy chuẩn kỹ thuật quốc gia, tiêu chuẩn quốc gia áp dụng cho phương tiện. Có thể sử dụng ngôn ngữ trong thuyết minh, bản tính là tiếng Việt hoặc tiếng Anh có kèm theo bản dịch bằng tiếng Việt; trong bản vẽ là tiếng Việt hoặc tiếng Anh;

- Bản sao có chứng thực hoặc bản sao điện tử có giá trị pháp lý Hợp đồng đóng mới phương tiện hoặc các giấy tờ chứng minh phương tiện là tài sản hợp pháp của chủ phương tiện và chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp của tài sản đó (đối với thiết kế lập hồ sơ của phương tiện đã đóng không có sự giám sát của đăng kiểm);

- Trường hợp hồ sơ thiết kế hoán cải cho phương tiện nhập khẩu và giữ nguyên công dụng hoặc có sức chở người từ 12 người trở xuống, đã được tổ chức đăng kiểm nước ngoài kiểm tra, chứng nhận an toàn kỹ thuật, tùy theo nội dung thiết kế hoán cải, hồ sơ nộp bao gồm:

+ 01 (một) bản sao có xác nhận của đơn vị nhập khẩu hoặc bản sao điện tử có giá trị pháp lý hồ sơ chứng nhận an toàn kỹ thuật của các tổ chức đăng kiểm nước ngoài cấp cho phương tiện, tài liệu hướng dẫn vận hành;

+ 01 (một) bản sao điện tử có giá trị pháp lý (đối với trường hợp nộp thông qua cổng dịch vụ công trực tuyến) hoặc 03 (ba) bản chính (đối với trường hợp nộp trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu chính) các tài liệu sau: bản vẽ bố trí chung của tàu, mạn khô, tín hiệu, cứu sinh, cứu hỏa;

+ Thuyết minh về hệ thống máy tàu, điện tàu, trang bị an toàn theo quy chuẩn kỹ thuật quốc gia, tiêu chuẩn quốc gia áp dụng cho phương tiện.

*** Đối với hồ sơ thiết kế mẫu định hình**

- 01 bản chính hoặc biểu mẫu điện tử Giấy đề nghị thẩm định mẫu định hình phương tiện thủy nội địa theo mẫu quy định;

- 01 bản sao điện tử có giá trị pháp lý (đối với trường hợp nộp thông qua cổng dịch vụ công trực tuyến) hoặc 03 bản chính (đối với trường hợp nộp trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu chính hoặc hình thức phù hợp khác) các tài liệu sau: bản tính, bản vẽ, thuyết minh theo quy định của quy chuẩn kỹ thuật quốc gia, tiêu chuẩn quốc gia áp dụng cho phương tiện.

*** Đối với sao và thẩm định mẫu định hình, hồ sơ bao gồm:** 01 bản chính hoặc biểu mẫu điện tử Giấy đề nghị sử dụng mẫu định hình phương tiện thủy nội địa theo mẫu quy định.

*** Đối với thiết kế lập hồ sơ cho phương tiện nhập khẩu (trừ mô tô nước nhập khẩu để sử dụng cho mục đích thể thao, vui chơi giải trí), lập 01 (một) bộ hồ sơ thiết kế bao gồm:**

- 01 (một) bản chính hoặc biểu mẫu điện tử Giấy đề nghị thẩm định hồ sơ thiết kế theo mẫu quy định;

- 01 (một) bản sao điện tử có giá trị pháp lý (đối với trường hợp nộp thông qua cổng dịch vụ công trực tuyến) hoặc 03 (ba) bản chính (đối với trường hợp nộp trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu chính) các tài liệu sau: bản tính, bản vẽ, thuyết minh và các tài liệu kỹ thuật khác (nếu có) theo quy định của quy chuẩn kỹ thuật quốc gia, tiêu chuẩn quốc gia và văn bản quy phạm pháp luật áp dụng cho phương tiện; các tài liệu kỹ thuật của tổ chức nước ngoài cấp cho phương tiện (nếu có). Có thể sử dụng ngôn ngữ trong thuyết minh, bản tính là tiếng Việt hoặc tiếng Anh có kèm theo bản dịch bằng tiếng Việt; trong bản vẽ là tiếng Việt hoặc tiếng Anh;

- Trường hợp phương tiện nhập khẩu về Việt Nam và giữ nguyên công dụng hoặc có sức chở người từ 12 người trở xuống, đã được tổ chức đăng kiểm nước ngoài kiểm tra, chứng nhận an toàn kỹ thuật, hồ sơ nộp bao gồm:

- + 01 (một) bản sao có xác nhận của đơn vị nhập khẩu hoặc bản sao điện tử có giá trị pháp lý hồ sơ chứng nhận an toàn kỹ thuật của tổ chức đăng kiểm nước ngoài cấp cho phương tiện, tài liệu hướng dẫn vận hành;

- + 01 (một) bản sao điện tử có giá trị pháp lý (đối với trường hợp nộp thông qua cổng dịch vụ công trực tuyến) hoặc 03 (ba) bản chính (đối với trường hợp nộp trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu chính) các tài liệu sau: bản vẽ bố trí chung của tàu, mạn khô, tín hiệu, cứu sinh, cứu hỏa; thuyết minh về hệ thống máy tàu, điện tàu, trang bị an toàn theo quy chuẩn kỹ thuật quốc gia, tiêu chuẩn quốc gia áp dụng cho phương tiện;

- Bản sao có xác nhận của đơn vị nhập khẩu hoặc bản sao điện tử có giá trị pháp lý hồ sơ xác định tuổi của phương tiện (thể hiện trên hồ sơ đăng kiểm hoặc trên giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa (CO) do cơ quan quản lý quốc gia hoặc tổ chức được cơ quan quản lý quốc gia ủy quyền hoặc phòng thương mại quốc tế hoặc các hồ sơ khác do cơ quan quản lý của quốc gia mà phương tiện được đóng đã cấp cho phương tiện).

*** Đối với hồ sơ thiết kế sản phẩm công nghiệp sản xuất, chế tạo trong nước, lập 01 (một) bộ hồ sơ thiết kế bao gồm:**

- 01 (một) bản chính hoặc biểu mẫu điện tử Giấy đề nghị thẩm định hồ sơ thiết kế theo mẫu quy định;

- 01 (một) bản sao điện tử có giá trị pháp lý (đối với trường hợp nộp thông qua cổng dịch vụ công trực tuyến) hoặc 03 (ba) bản chính (đối với trường hợp nộp trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu chính) các tài liệu sau: bản tính, bản vẽ, thuyết minh và các tài liệu kỹ thuật (nếu có) theo quy định của quy chuẩn kỹ thuật quốc gia, tiêu chuẩn quốc gia áp dụng cho sản phẩm.

*** Đối với hồ sơ thiết kế các loại tàu thuyền không phải là phương tiện thủy nội địa chuyển đổi thành phương tiện thủy nội địa, lập 01 (một) bộ hồ sơ thiết kế bao gồm:**

- 01 (một) bản chính hoặc biểu mẫu điện tử Giấy đề nghị thẩm định thiết kế theo mẫu quy định;

- 01 (một) bản sao điện tử có giá trị pháp lý (đối với trường hợp nộp thông qua cổng dịch vụ công trực tuyến) hoặc 03 (ba) bản chính (đối với trường hợp nộp trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu chính hoặc hình thức phù hợp khác) các tài liệu sau: bản tính, bản vẽ, thuyết minh và các tài liệu kỹ thuật (nếu có) theo quy định của quy chuẩn kỹ thuật quốc gia, tiêu chuẩn quốc gia áp dụng cho phương tiện.

*** Đối với tài liệu hướng dẫn, hồ sơ bao gồm:**

- 01 bản chính hoặc biểu mẫu điện tử Giấy đề nghị thẩm định tài liệu hướng dẫn theo mẫu quy định;

- 01 bản sao điện tử có giá trị pháp lý (đối với trường hợp nộp thông qua cổng dịch vụ công trực tuyến) hoặc 03 bản chính (đối với trường hợp nộp trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu chính hoặc hình thức phù hợp khác) tài liệu hướng dẫn.

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

1.4. Thời hạn giải quyết:

- Đối với thiết kế loại phương tiện đóng bằng vật liệu mới, công dụng mới hoặc các phương tiện hoạt động tuyến vận tải đường thủy nội địa ven biển, từ bờ ra đảo, giữa các đảo; phương tiện chở khí hóa lỏng, chở xô hóa chất nguy hiểm; tàu dầu có nhiệt độ chớp cháy nhỏ hơn hoặc bằng 60°C, có trọng tải toàn phần từ 500 tấn trở lên; tàu cao tốc chở khách, tàu đệm khí; nhà hàng nổi, khách sạn nổi, tàu thủy lưu trú du lịch ngủ đêm, tàu chở khách có sức chở từ 100 khách trở lên: trong thời hạn 13 (mười ba) ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.

- Đối với thiết kế không phải là loại kể trên và tài liệu hướng dẫn: trong thời hạn 05 (năm) ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.

- Đối với hồ sơ không đạt: trong thời hạn 01 (một) ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ thiết kế đã khắc phục các tồn tại theo thông báo.

1.5. Đối tượng thực hiện TTHC:

- Tổ chức, cá nhân.

1.6. Cơ quan thực hiện TTHC:

- Cơ quan có thẩm quyền giải quyết: Cục Đăng kiểm Việt Nam, Chi cục Đăng kiểm;
- Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không có;
- Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Cục Đăng kiểm Việt Nam, Chi cục Đăng kiểm;
- Cơ quan phối hợp: Không có.

1.7. Kết quả của việc thực hiện TTHC:

- Giấy chứng nhận thẩm định thiết kế;
- Thông báo thẩm định tài liệu hướng dẫn/thiết kế.

1.8. Phí, lệ phí:

- Lệ phí: 50.000 đồng /01 giấy chứng nhận.
- Giá thẩm định thiết kế tính theo biểu giá ban hành kèm theo Thông tư số 237/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ Tài chính về việc quy định về giá kiểm định an toàn kỹ thuật và chất lượng phương tiện thủy nội địa.

1.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính; mẫu kết quả giải quyết TTHC; mẫu kết quả giải quyết TTHC:

- Giấy đề nghị thẩm định thiết kế;
- Giấy đề nghị thẩm định mẫu định hình phương tiện thủy nội địa;
- Giấy đề nghị sử dụng mẫu định hình phương tiện thủy nội địa;
- Giấy chứng nhận thẩm định thiết kế phương tiện thủy nội địa;
- Giấy chứng nhận thẩm định thiết kế sửa đổi phương tiện thủy nội địa;
- Giấy chứng nhận thẩm định thiết kế mẫu phương tiện thủy nội địa;
- Giấy chứng nhận sao và thẩm định thiết kế phương tiện thủy nội địa theo mẫu.

1.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC:

- Hồ sơ thiết kế phải được lập đầy đủ theo quy định tại Điều 8 Thông tư 48/2015/TT-BGTVT.
- Hồ sơ thiết kế phải sử dụng tiếng Việt; trường hợp sử dụng tiếng nước ngoài phải kèm theo bản dịch tiếng Việt theo Khoản 3 Điều 8 Thông tư 48/2015/TT-BGTVT.

1.11. Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Thông tư số 48/2015/TT-BGTVT ngày 22/9/2015 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về đăng kiểm phương tiện thủy nội địa và các sửa đổi;
- Thông tư số 16/2023/TT-BGTVT ngày 30/6/2023 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư trong lĩnh vực đăng kiểm;

- Thông tư 20/2022/TT-BGTVT ngày 29/7/2022 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về các biểu mẫu giấy chứng nhận, sổ an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường cấp cho tàu biển, ụ nổi, kho chứa nổi, giàn di động, phương tiện thủy nội địa và sản phẩm công nghiệp sử dụng cho phương tiện thủy nội địa;

- Thông tư số 26/2024/TT-BGTVT ngày 02/7/2024 đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 20/2022/TT-BGTVT ngày 29/7/2022 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về các biểu mẫu giấy chứng nhận, sổ an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường cấp cho tàu biển, ụ nổi, kho chứa nổi, giàn di động, phương tiện thủy nội địa và sản phẩm công nghiệp sử dụng cho phương tiện thủy nội địa;

- Thông tư số 199/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý lệ phí cấp giấy chứng nhận bảo đảm chất lượng, an toàn kỹ thuật đối với máy, thiết bị, phương tiện giao thông vận tải có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn;

- Thông tư số 237/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về giá dịch vụ kiểm định an toàn kỹ thuật và chất lượng phương tiện thủy nội địa.

- Thông tư số 59/2025/TT-BXD ngày 29/12/2025 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư trong lĩnh vực hàng hải, đường thủy và đăng kiểm.

MẪU GIẤY ĐỀ NGHỊ THẨM ĐỊNH HỒ SƠ THIẾT KẾ / TÀI LIỆU HƯỚNG DẪN /
SẢN PHẨM CÔNG NGHIỆP

ĐƠN VỊ ĐỀ NGHỊ THẨM ĐỊNH CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

....., ngày ... tháng ... năm

**GIẤY ĐỀ NGHỊ THẨM ĐỊNH HỒ SƠ THIẾT KẾ / TÀI LIỆU HƯỚNG DẪN / SẢN
PHẨM CÔNG NGHIỆP**

Kính gửi:

Đơn vị đề nghị thẩm định:

Địa chỉ:

Số điện thoại: Số Fax:

Đề nghị Cơ quan Đăng kiểm thẩm định hồ sơ thiết kế sau:

Tên tàu, tên sản phẩm, tài liệu hướng dẫn/Ký hiệu thiết kế:

Loại thiết kế(*):

Tên tàu, tên sản phẩm/ký hiệu thiết kế ban đầu (**):/.....

Số ĐKHC/ Số Đăng kiểm (**):/.....

Nội dung thiết kế:.....

Dùng cho thiết kế phương tiện có:

Chiều dài (Lmax/L):(m); Chiều rộng: (Bmax/B):(m);

Chiều cao mạn (D): (m); Chiều chìm (d):(m);

Tổng dung tích (GT):; Trọng tải TP/Lượng hàng:(tấn);

Số lượng thuyền viên: ... (người); Số lượng hành khách/người khác:/.....(người);

Vật liệu thân tàu:

Máy chính (số lượng, kiểu, công suất): ;

Kiểu và công dụng của tàu: ;

Cấp thiết kế dự kiến:; Vùng hoạt động:

Chủ sử dụng thiết kế:

Địa chỉ chủ sử dụng thiết kế:

Nơi dự kiến thi công:

Đơn vị giám sát dự kiến:

Số lượng thi công dự kiến: (chiếc) Nội dung khác (nếu có):

Chúng tôi xin cam đoan và chịu trách nhiệm về tính hợp lệ, hợp pháp của các nội dung nêu trên về hồ sơ thiết kế và tài liệu hướng dẫn, về tính hợp lệ, hợp pháp của các hồ sơ, tài liệu gửi kèm theo, đồng thời cam kết hồ sơ thiết kế phù hợp với quy chuẩn kỹ thuật quốc gia, tiêu chuẩn quốc gia mà phương tiện/sản phẩm công nghiệp áp dụng.

Đơn vị đề nghị
(Ký tên & đóng dấu)

(*) Điền loại thiết kế, ví dụ: “Đóng mới”, “hoán cải”,
“sửa đổi”, “tài liệu hướng dẫn”, “sản phẩm công nghiệp”, “lập hồ sơ”.

(**) Áp dụng cho thiết kế hoán cải, sửa đổi.

MẪU GIẤY ĐỀ NGHỊ THẨM ĐỊNH MẪU ĐỊNH HÌNH

Đơn vị đề nghị thẩm định mẫu

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

, ngày... tháng.... năm 20

GIẤY ĐỀ NGHỊ THẨM ĐỊNH MẪU ĐỊNH HÌNH

Kính gửi: Cục Đăng kiểm Việt Nam

Đơn vị đề nghị thẩm định mẫu:

Địa chỉ:

Đơn vị xây dựng mẫu:

Địa chỉ:

Đề nghị Cục Đăng kiểm Việt Nam thẩm định mẫu định hình có thông số kỹ thuật như sau:

Kiểu và công dụng của phương tiện: Vật
liệu thân tàu:

Chiều dài thiết kế từ: (m); đến: (m)

Chiều rộng thiết kế từ: (m); đến: (m)

Chiều cao mạn từ: (m); đến: (m)

Chiều chìm từ: (m); đến: (m)

Trọng tải toàn phần từ: (tấn); đến: (tấn)

Số lượng khách từ: (người); đến: (người)

Kiểu lắp đặt máy chính:; Công suất từ: đến (sức ngựa)

Vùng hoạt động:

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu đơn vị.

ĐƠN VỊ ĐỀ NGHỊ

(Ký tên & đóng dấu)

MẪU GIẤY ĐỀ NGHỊ SỬ DỤNG MẪU ĐỊNH HÌNH PHƯƠNG TIỆN THỦY NỘI ĐỊA
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày.....tháng.....năm.....

GIẤY ĐỀ NGHỊ SỬ DỤNG MẪU ĐỊNH HÌNH PHƯƠNG TIỆN THỦY NỘI ĐỊA

Kính gửi:

Tên người đề nghị sử dụng mẫu:

Địa chỉ:

Số CCCD/Mã số thuế: /.....

Số điện thoại: Số Fax:

Đề nghị Cơ quan Đăng kiểm sao và thẩm định thiết kế mẫu phương tiện thủy nội địa đề:

Đóng mới phương tiện:

Lập hồ sơ cho phương tiện:

Hoán cải cho phương tiện:

Có các thông số như sau:

Chiều dài ($L_{\max}/L$):/.....(m); Chiều rộng: ($B_{\max}/B$):/..... (m);

Chiều cao mạn (D):(m); Chiều chìm (d): (m);

Trọng tải toàn phần:.....(tấn); Số lượng hành khách/người khác:...../. (người);

Vật liệu thân tàu:

Ký hiệu máy chính:; Công suất máy chính: (sức ngựa);

Kiểu lắp đặt:

Vùng hoạt động:

Đơn vị dự kiến thi công:

Số lượng thi công: (chiếc)

Chúng tôi đồng ý trả đầy đủ phí và lệ phí cấp giấy chứng nhận theo quy định hiện hành.

Đơn vị (cá nhân) đề nghị

(Ký, ghi rõ họ tên & đóng dấu nếu có)

MẪU GIẤY CHỨNG NHẬN THẨM ĐỊNH THIẾT KẾ PHƯƠNG TIỆN THỦY NỘI ĐỊA



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG NHẬN
THẨM ĐỊNH THIẾT KẾ PHƯƠNG TIỆN THỦY NỘI ĐỊA

Số:

..... CHỨNG NHẬN: (*)

Tên/ký hiệu thiết kế: /

Loại thiết kế:

Kiểu và công dụng của tàu:.....

Vật liệu thân tàu:.....

Chiều dài (Lmax/L):(m); Tổng dung tích (GT):

Chiều rộng (Bmax/B):(m); Trọng tải toàn phần (DW):(tấn)

Chiều cao mạn (D):.....(m); Số thuyền viên:(người)

Chiều chìm thiết kế (d):.....(m); Số hành khách/người khác:/..... (người)

Ký hiệu máy chính:; Số lượng:(chiếc); Công suất:..... (sức ngựa)

Cấp tàu:.....

Vùng hoạt động:

Đã được thiết kế phù hợp với:

Số thẩm định:.....

Giấy đề nghị thẩm định thiết kế số:.....Ngày:.....

Đơn vị thiết kế:

Chủ sử dụng thiết kế:

Số lượng đóng:(chiếc); Nơi đóng:.....

Đơn vị đăng kiểm giám sát:.....

Những lưu ý: /.

Cấp tại , ngày tháng năm

NGƯỜI CÓ THẨM QUYỀN

TK01-TNĐ

(*) Tên cơ quan, đơn vị có thẩm quyền



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG NHẬN
THẨM ĐỊNH THIẾT KẾ SỬA ĐỔI PHƯƠNG TIỆN THỦY NỘI ĐỊA

Số:

..... CHỨNG NHẬN: (*)

Căn cứ Giấy đề nghị số:.....Ngày:.....

Của:.....

Về việc sửa đổi thiết kế có tên/ký hiệu:

.....

Đã được cấp Giấy chứng nhận thẩm định thiết kế số:..... Ngày:.....

Số thẩm định:.....

Các sửa đổi sau được chấp nhận:

.....

.....

Đã được thiết kế phù hợp với:

Số thẩm định mới:.....

Ký hiệu của thiết kế sửa đổi:.....

Những lưu ý:/.

Cấp tại , ngày tháng năm

NGƯỜI CÓ THẨM QUYỀN

TK02-TNĐ

(*) Tên cơ quan, đơn vị có thẩm quyền



Mẫu số III.06

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG NHẬN
THẨM ĐỊNH THIẾT KẾ HOÁN CẢI PHƯƠNG TIỆN THỦY NỘI ĐỊA

Số:

..... CHỨNG NHẬN: (*)

Tên tàu/ký hiệu thiết kế ban đầu: /

Số Đăng kiểm/Phân cấp:.....

Đã được:.....thẩm định thiết kế; Ngày thẩm định:

Số thẩm định thiết kế ban đầu:.....

Tên tàu/ký hiệu thiết kế sau hoán cải:

Thông số cơ bản của tàu sau hoán cải

Chiều dài (Lmax/L):(m); Tổng dung tích (GT):

Chiều rộng (Bmax/B):(m); Trọng tải toàn phần (DW):(tấn)

Chiều cao mạn (D):.....(m); Số thuyền viên:(người)

Chiều chìm thiết kế (d):.....(m); Số hành khách/người khác:/..... (người)

Kiểu tàu và công dụng:.....

Ký hiệu máy chính:; Số lượng: (chiếc); Công suất:.....(sức ngựa)

Cấp tàu:.....

Vùng hoạt động:

Nội dung hoán cải:

.....

Đã được thiết kế phù hợp với:

Số thẩm định thiết kế hoán cải:.....

Công văn đề nghị thẩm định số:.....Ngày:.....

Đơn vị thiết kế:

Chủ sử dụng thiết kế:

Nơi thi công:

Đơn vị đăng kiểm giám sát:.....

Những lưu ý:/.

Cấp tại , ngày tháng năm

NGƯỜI CÓ THẨM QUYỀN

TK03-TNĐ

(*) Tên cơ quan, đơn vị có thẩm quyền



Mẫu số III.07

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG NHẬN
THẨM ĐỊNH THIẾT KẾ MẪU PHƯƠNG TIỆN THỦY NỘI ĐỊA

Số:

..... CHỨNG NHẬN: (*)

Tên/ký hiệu mẫu phương tiện: /

Đơn vị đề nghị thẩm định mẫu:

Giấy đề nghị thẩm định thiết kế số: Ngày:

Đơn vị xây dựng mẫu:

Kiểu và công dụng của phương tiện:

Vật liệu thân tàu:

Chiều dài từ:(m); đến:(m)

Chiều rộng từ:(m); đến:(m)

Chiều cao mạn từ:(m); đến:(m)

Chiều chìm từ:(m); đến:(m)

Trọng tải toàn phần từ:(tấn); đến:(tấn)

Số lượng khách từ:(người); đến:(người)

Kiểu lắp đặt máy chính:; Công suất từ:đến.....(sức ngựa)

Đã được tính toán và kiểm tra phù hợp với:

Cấp tàu:

Vùng hoạt động:

Số thẩm định mẫu: Ngày thẩm định:

Đơn vị ĐK sử dụng mẫu:

Những lưu ý: /.

Cấp tại , ngày tháng năm
NGƯỜI CÓ THẨM QUYỀN

TK01-TNĐ

(*) Tên cơ quan, đơn vị có thẩm quyền



Mẫu số III.08

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG NHẬN

SAO VÀ THẨM ĐỊNH THIẾT KẾ PHƯƠNG TIỆN THỦY NỘI ĐỊA THEO MẪU

Số:

Tên phương tiện:

Chủ phương tiện:

Địa chỉ:

Vật liệu:.....; Công dụng:.....

Chiều dài (Lmax/L):(m); Chiều rộng (Bmax/B):.....(m)

Chiều cao mạn (D):.....(m); Trọng tải TP/Lượng hàng:/ (tấn)

Chiều chìm (d):.....(m); Số người chở:(người)

Mạn khô (F):.....(mm); Số thuyền viên: (người)

Máy chính/kiểu lắp đặt:; Công suất:..... (sức ngựa)

Căn cứ mẫu tàu định hình, ký hiệu mẫu tàu:đã được Cục Đăng kiểm Việt

Nam thẩm định thiết kế, số thẩm định mẫu tàu: Ngày thẩm định:.....

Tên đơn vị đăng kiểm sao thẩm định.....

Chứng nhận phương tiện nêu trên nằm trong phạm vi mẫu định hình đã được Cục Đăng kiểm Việt Nam thẩm định;

Vùng hoạt động:

Số sao và thẩm định thiết kế theo mẫu tàu:; Số lượng:..... (chiếc)

Đơn vị đăng kiểm giám sát:.....

Những lưu ý:/.

Cấp tại , ngày tháng năm

NGƯỜI CÓ THẨM QUYỀN

TK01STĐM-TNĐ

Lưu ý: Mẫu này chỉ dùng để sao và thẩm định các mẫu định hình đã được Cục ĐKVN công nhận

MẪU THÔNG BÁO THẨM ĐỊNH TÀI LIỆU HƯỚNG DẪN/THIẾT KẾ

TB 01-TNĐ



CƠ QUAN ĐĂNG KÝ
THÔNG BÁO THẨM ĐỊNH TÀI LIỆU HƯỚNG DẪN/THIẾT KẾ

Số:/.....

Ngày:/...../20.....

Về việc:

Tên/ký hiệu thiết kế:.....

Đơn vị thiết kế:.....

Cấp tại , ngày tháng năm

NGƯỜI CÓ THẨM QUYỀN (*)

Nơi nhận:

- Đơn vị thiết kế: 01
- Đơn vị ĐKGS: 01
- Lưu nơi thẩm định: 01

(*) Người có thẩm quyền là Lãnh đạo Cục Đăng kiểm Việt Nam hoặc Lãnh đạo Phòng tham mưu hoặc Lãnh đạo Chi cục Đăng kiểm.

2. Công nhận đăng kiểm viên (lần đầu) phương tiện thủy nội địa

2.1. Trình tự thực hiện:

a) Nộp hồ sơ TTHC:

Đơn vị đăng kiểm nộp hồ sơ đến Cục Đăng kiểm Việt Nam.

b) Giải quyết TTHC:

(1) Cục Đăng kiểm Việt Nam tiếp nhận, kiểm tra thành phần hồ sơ; trong thời hạn 01 (một) ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ, nếu thành phần hồ sơ không đầy đủ thì hướng dẫn cho đơn vị đăng kiểm để bổ sung theo quy định.

(2) Trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, Cục Đăng kiểm Việt Nam thống nhất với đơn vị đăng kiểm về thời gian, địa điểm và phân công đăng kiểm viên để tiến hành kiểm tra thực tế năng lực thực hành nghiệp vụ đối với người được đề nghị công nhận đăng kiểm viên. Trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc sau khi hoàn thành kiểm tra thực tế năng lực thực hành nghiệp vụ của người được đề nghị công nhận đăng kiểm viên, đăng kiểm viên và đơn vị đăng kiểm phải hoàn thành biên bản kiểm tra thực tế năng lực thực hành nghiệp vụ đăng kiểm viên. Thời gian hoàn thành việc kiểm tra thực tế năng lực thực hành nghiệp vụ tối đa 03 (ba) tháng, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.

(3) Trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc sau khi Cục Đăng kiểm Việt Nam nhận được biên bản kiểm tra, Hội đồng công nhận đăng kiểm viên căn cứ tiêu chuẩn đăng kiểm viên và kết quả kiểm tra thực tế năng lực thực hành nghiệp vụ: nếu đạt yêu cầu thì đề nghị Cục trưởng Cục Đăng kiểm Việt Nam quyết định công nhận đăng kiểm viên, cấp Giấy chứng nhận đăng kiểm viên; nếu không đạt yêu cầu thì thông báo bằng văn bản cho đơn vị đăng kiểm đề nghị công nhận đăng kiểm viên.

(4) Đơn vị đăng kiểm được quyền đề nghị Cục Đăng kiểm Việt Nam kiểm tra lại năng lực thực hành nghiệp vụ đối với người được đề nghị công nhận đăng kiểm viên sau thời gian tối thiểu 01 (một) tháng kể từ ngày kiểm tra không đạt. Đơn vị đăng kiểm nộp 01 Giấy đề nghị của đơn vị đăng kiểm theo mẫu đến Cục Đăng kiểm Việt Nam. Cục Đăng kiểm Việt Nam thực hiện trình tự, thủ tục công nhận đăng kiểm viên theo quy định tại mục (2) và (3) trên đây.

2.2. Cách thức thực hiện:

- Nộp hồ sơ trực tiếp; hoặc
- Qua hệ thống bưu chính; hoặc
- Qua cổng dịch vụ công trực tuyến.

2.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ:

- Giấy đề nghị của đơn vị đăng kiểm theo mẫu (bản chính);
- Lý lịch chuyên môn của đăng kiểm viên theo mẫu (bản chính);
- Bản sao có chứng thực hoặc bản sao được cấp từ sổ gốc hoặc bản sao điện tử được cấp từ sổ gốc hoặc bản sao điện tử được chứng thực từ bản chính báo cáo thực tập nghiệp vụ của người được đề nghị công nhận đăng kiểm viên theo mẫu.

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

2.4. Thời hạn giải quyết:

- Thời hạn Cục Đăng kiểm Việt Nam thống nhất với đơn vị đăng kiểm về thời gian, địa điểm và phân công đăng kiểm viên để tiến hành kiểm tra thực tế năng lực thực hành nghiệp vụ đối với người được đề nghị công nhận đăng kiểm viên: trong 03 (ba) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ;

- Thời hạn hoàn thành việc kiểm tra thực tế năng lực thực hành nghiệp vụ: tối đa 03 (ba) tháng, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định;

- Thời hạn cấp Giấy chứng nhận đăng kiểm viên, nếu đạt yêu cầu: trong 03 (ba) ngày làm việc, kể từ ngày Cục Đăng kiểm Việt Nam nhận được biên bản kiểm tra.

2.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức.

2.6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền giải quyết: Cục Đăng kiểm Việt Nam
- Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không có.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Cục Đăng kiểm Việt Nam.

- Cơ quan phối hợp: Không có.

2.7. Kết quả của việc thực hiện thủ tục hành chính:

- Quyết định công nhận đăng kiểm viên;
- Giấy chứng nhận đăng kiểm viên.

2.8. Phí, lệ phí: Không có.

2.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính; mẫu kết quả giải quyết TTHC; mẫu kết quả giải quyết TTHC:

- Giấy đề nghị của đơn vị đăng kiểm.
- Lý lịch chuyên môn của đăng kiểm viên.
- Báo cáo thực tập của người được đề nghị công nhận đăng kiểm viên.

- Giấy chứng nhận đăng kiểm viên.

2.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

- Có trình độ chuyên môn phù hợp với hạng đăng kiểm viên đề nghị công nhận theo Điều 5, Điều 6, Điều 7 Thông tư 49/2015/TT-BGTVT.
- Đã hoàn thành tập huấn nghiệp vụ đăng kiểm viên theo chương trình do Cục Đăng kiểm Việt Nam tổ chức hoặc chấp thuận, theo Khoản 1 Điều 21 Thông tư 49/2015/TT-BGTVT.
- Đã thực tập nghiệp vụ đăng kiểm đủ thời gian theo hạng tương ứng quy định tại Điều 20 Thông tư 49/2015/TT-BGTVT.
- Đạt yêu cầu kiểm tra năng lực thực hành nghiệp vụ đăng kiểm viên theo Khoản 2 Điều 21 Thông tư 49/2015/TT-BGTVT, được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư 02/2024/TT-BGTVT.

2.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Thông tư số 49/2015/TT-BGTVT ngày 22/9/2015 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về tiêu chuẩn, nhiệm vụ, quyền hạn của lãnh đạo, đăng kiểm viên, nhân viên nghiệp vụ của đơn vị đăng kiểm phương tiện thủy nội địa;
- Thông tư số 42/2018/TT-BGTVT ngày 30/7/2018 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của các thông tư trong lĩnh vực đăng kiểm;
- Thông tư số 02/2024/TT-BGTVT ngày 02/02/2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư quy định về tiêu chuẩn, nhiệm vụ và quyền hạn của lãnh đạo, đăng kiểm viên và nhân viên nghiệp vụ của đơn vị đăng kiểm phương tiện thủy nội địa.
- Thông tư số 59/2025/TT-BXD ngày 29 tháng 12 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư trong lĩnh vực hàng hải, đường thủy và đăng kiểm.

**MẪU GIẤY ĐỀ NGHỊ CÔNG NHẬN/CÔNG NHẬN LẠI/CÔNG NHẬN NÂNG
HẠNG ĐĂNG KIỂM VIÊN PHƯƠNG TIỆN THỦY NỘI ĐỊA**

**ĐƠN VỊ CHỦ QUẢN
ĐƠN VỊ ĐĂNG KIỂM**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:.....

, ngày tháng năm

**GIẤY ĐỀ NGHỊ
CÔNG NHẬN/ CÔNG NHẬN LẠI/ CÔNG NHẬN NÂNG HẠNG
ĐĂNG KIỂM VIÊN PHƯƠNG TIỆN THỦY NỘI ĐỊA**

Kính gửi:

1. Đơn vị đăng kiểm:
 2. Địa chỉ:
 3. Số điện thoại:.....Số Fax:
 4. Đề nghị Cục Đăng kiểm Việt Nam đánh giá để công nhận/công nhận lại/công nhận nâng hạng (*) đăng kiểm viên phương tiện thủy nội địa cho ông (bà):
Họ và tên:
Ngày tháng năm sinh:
Số CCCD/CMND:
Trình độ chuyên môn nghiệp vụ:.....
Hiện đang là đăng kiểm viên (**): (đã hoàn thành chương trình tập huấn Giấy chứng nhận số (đăng kiểm viên công nhận lần đầu, nâng hạng)/Giấy chứng nhận đăng kiểm viên số (đăng kiểm viên công nhận lại, nâng hạng)).
 5. Hạng đăng kiểm viên đề nghị đánh giá công nhận:
- Hồ sơ gửi kèm:

Đơn vị đăng kiểm
(Ký tên & đóng dấu)

(*) Gạch bỏ những phần không thích hợp;

(**) Ghi: Đăng kiểm viên thực tập hoặc hạng đăng kiểm viên đang giữ.

MẪU LÝ LỊCH CHUYÊN MÔN CỦA NGƯỜI ĐƯỢC ĐỀ NGHỊ CÔNG NHẬN ĐĂNG KIỂM VIÊN

LÝ LỊCH CHUYÊN MÔN

Phần I

TỰ THUẬT VỀ BẢN THÂN

Họ và tên:..... Nam, Nữ:.....
 Ngày tháng, năm sinh:..... Nơi sinh:.....
 Dân tộc:..... Tôn giáo:.....
 Chỗ ở hiện nay:.....
 Đơn vị công tác:.....
 Trình độ: + Chuyên môn:.....
 + Ngoại ngữ:.....
 Đã được đào tạo bổ sung những chuyên ngành khác:
 1. Vô tàu thủy " 2. Máy, điện tàu thủy " 3. Vô tuyến điện "
 Đã hoàn thành chương trình đào tạo nghiệp vụ Đăng kiểm viên phương tiện thủy nội địa hạng:
 do Cục Đăng kiểm Việt Nam tổ chức từ ngày đến ngày/...../.....
 tại.....
 Kết quả đạt loại:.....

Quá trình công tác chuyên môn, nghiệp vụ

TT	Chức danh	Chức vụ	Thời gian		Đơn vị công tác
			Từ	Đến	

1. Đào tạo nghiệp vụ

Tên khóa đào tạo	Địa điểm	Nơi đào tạo	Thời gian (từ --- đến)	Kết quả

2. Khen thưởng kỷ luật:

TT	Hình thức khen thưởng, kỷ luật	Ngày ra quyết định	Thời hạn kỷ luật	Cơ quan ra quyết định khen thưởng, kỷ luật

Phần II

TỰ ĐÁNH GIÁ BẢN THÂN

Đối chiếu với tiêu chuẩn Đăng kiểm viên phương tiện thủy nội địa hạng..... tôi tự xác định như sau:
 Về phẩm chất đạo đức Về chuyên môn.....
 Về trình độ ngoại ngữ Về trình độ nghiệp vụ Đăng kiểm.....
 Tôi xin cam đoan những lời khai trên là đúng, nếu có gì sai tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm.

**MẪU BÁO CÁO THỰC TẬP
CỦA NGƯỜI ĐƯỢC ĐỀ NGHỊ CÔNG NHẬN ĐĂNG KIỂM VIÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

BÁO CÁO THỰC TẬP HÀNG NGÀY

Nơi thực tập:.....

Đăng kiểm viên thực tập:.....

Đăng kiểm viên hướng dẫn:.....

Địa điểm và thời gian:.....

Tên tàu:.....

Loại tàu:.....

I- Nội dung thực hiện của Đăng kiểm viên thực tập: *(Bao gồm cả lý thuyết và thực hành)*

1. Hạng mục kiểm tra/nội dung đào tạo:

.....
.....

2- Quy phạm, tiêu chuẩn, hướng dẫn áp dụng *(Ghi rõ mục, điều, chương)*:

.....
.....

3- Kết quả kiểm tra: *(tốt/đạt/chưa đạt- Nêu lý do đưa ra kết quả-cách khắc phục những khiếm khuyết nếu có)*:.....

.....

II- Đánh giá của Đăng kiểm viên hướng dẫn:

1- Quy phạm, tiêu chuẩn, hướng dẫn áp dụng *(phù hợp/chưa phù hợp)*:

.....
.....

2- Nhận xét thực hành nhiệm vụ của Đăng kiểm viên thực tập *(tốt, đạt, chưa đạt)*:

.....
.....

3- Yêu cầu Đăng kiểm viên thực tập cần thực hiện:

.....
.....

Giám đốc/Phó giám đốc

(Ký, ghi rõ họ tên)

**Đăng kiểm viên
hướng dẫn**

(Ký, ghi rõ họ tên)

Đăng kiểm viên thực tập

(Ký, ghi rõ họ tên)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BÁO CÁO KẾT QUẢ THỰC TẬP

Họ và tên Đảng kiểm viên thực tập:..... Đơn vị đăng kiểm.....

Họ và tên Đảng kiểm viên hướng dẫn:..... Hạng Đảng kiểm viên.....

Thời gian thực tập từ ngàyđến ngày tại:.....

I. Nội dung và quá trình thực tập

TT	Chủ đề thực tập	Ngày thực hiện	Kết quả
1			
2			
3			
....			

II. Đánh giá chung quá trình thực tập

1. Tự nhận xét của Đảng kiểm viên thực tập:

(Ghi rõ những nội dung đã làm được, những nội dung chưa làm được và kiến nghị)

.....

.....

2. Nhận xét chung của Đảng kiểm viên hướng dẫn:

(về tính mẫn cán, khả năng tiếp thu, kết quả đào tạo thực hành của học viên, những học viên có khả năng làm độc lập và những kiến nghị)

.....

.....

III. Nhận xét của Thủ trưởng đơn vị đăng kiểm hướng dẫn:

(Nhận xét theo khả năng, trình độ của học viên)

.....

.....

....., ngày tháng năm

Đảng kiểm viên hướng dẫn

Thủ trưởng đơn vị đăng kiểm hướng dẫn

(Ký tên & đóng dấu)

**MẪU GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KIỆM VIÊN
PHƯƠNG TIỆN THỦY NỘI ĐỊA**

*(Kèm theo Thông tư số 02 /2024/TT-BGTVT
ngày 02 tháng 02 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)*

**BỘ XÂY DỰNG
CỤC ĐĂNG KIỆM VIỆT NAM**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

....., ngày..... tháng năm

**GIẤY CHỨNG NHẬN
ĐĂNG KIỆM VIÊN PHƯƠNG TIỆN THỦY NỘI ĐỊA**

CỤC TRƯỞNG CỤC ĐĂNG KIỆM VIỆT NAM CHỨNG NHẬN

Họ và tên:

Ngày tháng năm sinh:

Số CCCD/CMND:

Số đăng kiểm viên:

Được công nhận là: Đăng kiểm viên phương tiện thủy nội địa

Được thực hiện công việc nêu trong (các) phụ lục kèm theo Giấy chứng nhận này.

Giấy chứng nhận này có hiệu lực đến ngày

NGƯỜI CÓ THẨM QUYỀN (*)
(Ký tên & đóng dấu)

Số Giấy chứng nhận:

() Người có thẩm quyền là Cục trưởng hoặc Phó Cục trưởng được ủy quyền.*

**MẪU GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KIỂM VIÊN PHƯƠNG TIỆN THỦY NỘI ĐỊA
THỰC HIỆN CÔNG TÁC KIỂM TRA HẠNG...**

Số

Họ và tên: Chuyên ngành:

Ngày cấp phụ lục:

Chúng nhận rằng đăng kiểm viên có tên trên được phép thực hiện:

I. Phạm vi và loại hình kiểm tra theo chuyên ngành

II. Phạm vi và loại hình kiểm tra theo chuyên ngành được đào tạo bổ sung
(nếu có)

III. Phạm vi kiểm tra, chứng nhận sản phẩm công nghiệp (nếu có)

NGƯỜI CÓ THẨM QUYỀN (*)
(Ký tên & đóng dấu)

() Người có thẩm quyền là Cục trưởng hoặc Phó Cục trưởng được ủy quyền.*

3. Công nhận lại đăng kiểm viên phương tiện thủy nội địa

3.1. Trình tự thực hiện:

a) Nộp hồ sơ TTHC:

Đơn vị đăng kiểm nộp hồ sơ đến Cục Đăng kiểm Việt Nam.

b) Giải quyết TTHC:

- Cục Đăng kiểm Việt Nam tiếp nhận, kiểm tra thành phần hồ sơ; trong thời hạn 01 (một) ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ, nếu thành phần hồ sơ không đầy đủ thì hướng dẫn cho đơn vị đăng kiểm để bổ sung theo quy định.

- Trường hợp Giấy chứng nhận của đăng kiểm viên đã hết hiệu lực nhưng tối đa không quá 18 (mười tám) tháng, thì trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ theo quy định, Hội đồng công nhận đăng kiểm viên đề nghị Cục trưởng Cục Đăng kiểm Việt Nam quyết định công nhận lại đăng kiểm viên, cấp Giấy chứng nhận đăng kiểm viên.

- Với các trường hợp: giấy chứng nhận của đăng kiểm viên đã hết hiệu lực quá 18 (mười tám) tháng; công nhận lại cho đăng kiểm viên đề nghị bổ sung phạm vi và loại hình kiểm tra nhưng không thay đổi hạng đăng kiểm viên; đăng kiểm viên bị thu hồi Giấy chứng nhận thì thủ tục công nhận lại thực hiện như sau:

(1) Cục Đăng kiểm Việt Nam tiếp nhận, kiểm tra thành phần hồ sơ; trong thời hạn 01 (một) ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ, nếu thành phần hồ sơ không đầy đủ thì hướng dẫn cho đơn vị đăng kiểm để bổ sung theo quy định.

(2) Trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, Cục Đăng kiểm Việt Nam thống nhất với đơn vị đăng kiểm về thời gian, địa điểm và phân công đăng kiểm viên để tiến hành kiểm tra thực tế năng lực thực hành nghiệp vụ đối với người được đề nghị công nhận đăng kiểm viên. Trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc sau khi hoàn thành kiểm tra thực tế năng lực thực hành nghiệp vụ của người được đề nghị công nhận đăng kiểm viên, đăng kiểm viên và đơn vị đăng kiểm phải hoàn thành biên bản kiểm tra thực tế năng lực thực hành nghiệp vụ đăng kiểm viên. Thời gian hoàn thành việc kiểm tra thực tế năng lực thực hành nghiệp vụ tối đa 03 (ba) tháng, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.

(3) Trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc sau khi Cục Đăng kiểm Việt Nam nhận được biên bản kiểm tra, Hội đồng công nhận đăng kiểm viên căn cứ tiêu chuẩn đăng kiểm viên và kết quả kiểm tra thực tế năng lực thực hành nghiệp vụ: nếu đạt yêu cầu thì đề nghị Cục trưởng Cục Đăng kiểm Việt Nam quyết định công nhận đăng kiểm viên, cấp Giấy chứng nhận đăng kiểm viên; nếu không đạt yêu cầu thì thông báo bằng văn bản cho đơn vị đăng kiểm đề nghị công nhận đăng kiểm viên.

(4) Đơn vị đăng kiểm được quyền đề nghị Cục Đăng kiểm Việt Nam kiểm tra lại năng lực thực hành nghiệp vụ đối với người được đề nghị công nhận đăng kiểm viên sau thời gian tối thiểu 01 (một) tháng kể từ ngày kiểm tra không đạt. Đơn vị đăng kiểm nộp 01 Giấy đề

ng nghị của đơn vị đăng kiểm theo mẫu đến Cục Đăng kiểm Việt Nam. Cục Đăng kiểm Việt Nam thực hiện trình tự, thủ tục công nhận đăng kiểm viên theo quy định tại mục (2) và (3) trên đây.

3.2. Cách thức thực hiện:

- Nộp hồ sơ trực tiếp; hoặc
- Qua hệ thống bưu chính; hoặc
- Qua cổng dịch vụ công trực tuyến.

3.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ:

- Giấy đề nghị của đơn vị đăng kiểm theo mẫu (bản chính);
- Lý lịch chuyên môn của đăng kiểm viên theo mẫu (bản chính) nếu có thay đổi so với Hồ sơ công nhận đăng kiểm viên lần đầu.

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

3.4. Thời hạn giải quyết:

- Thời hạn cấp lại Giấy chứng nhận đăng kiểm viên trường hợp Giấy chứng nhận của đăng kiểm viên đã hết hiệu lực nhưng tối đa không quá 18 (mười tám) tháng: trong 03 (ba) ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.

- Thời hạn cấp lại Giấy chứng nhận đăng kiểm viên trường hợp Giấy chứng nhận của đăng kiểm viên đã hết hiệu lực quá 18 (mười tám) tháng; trường hợp công nhận lại cho đăng kiểm viên đề nghị bổ sung phạm vi và loại hình kiểm tra nhưng không thay đổi hạng đăng kiểm viên; trường hợp đăng kiểm viên bị thu hồi Giấy chứng nhận:

- Thời hạn Cục Đăng kiểm Việt Nam thống nhất với đơn vị đăng kiểm về thời gian, địa điểm và phân công đăng kiểm viên để tiến hành kiểm tra thực tế năng lực thực hành nghiệp vụ đối với người được đề nghị công nhận đăng kiểm viên: trong 03 (ba) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ;

- Thời hạn hoàn thành việc kiểm tra thực tế năng lực thực hành nghiệp vụ: tối đa 03 (ba) tháng, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định;

- Thời hạn cấp Giấy chứng nhận đăng kiểm viên, nếu đạt yêu cầu: trong 03 (ba) ngày làm việc, kể từ ngày Cục Đăng kiểm Việt Nam nhận được biên bản kiểm tra.

3.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức.

3.6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền giải quyết: Cục Đăng kiểm Việt Nam
- Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không có.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Cục Đăng kiểm Việt Nam.
- Cơ quan phối hợp: Không có.

3.7. Kết quả của việc thực hiện thủ tục hành chính:

- Giấy chứng nhận đăng kiểm viên

3.8. Phí, lệ phí: Không có.

3.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính; mẫu kết quả giải quyết TTHC:

- Giấy đề nghị của đơn vị đăng kiểm.
- Lý lịch chuyên môn của đăng kiểm viên.
- Giấy chứng nhận đăng kiểm viên.

3.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

- Là đăng kiểm viên đã được Cục Đăng kiểm Việt Nam công nhận trước đó theo Khoản 1 Điều 24 Thông tư 49/2015/TT-BGTVT được sửa đổi bổ sung bởi TT 02/2024/TT-BGTVT.
- Trường hợp đăng kiểm viên không thực hiện nhiệm vụ đăng kiểm quá 18 tháng hoặc Giấy chứng nhận đã hết hiệu lực thì phải kiểm tra lại năng lực thực hành nghiệp vụ theo Khoản 2 Điều 24 Thông tư 49/2015/TT-BGTVT được sửa đổi bổ sung bởi TT 02/2024/TT-BGTVT.

3.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Thông tư số 49/2015/TT-BGTVT ngày 22/9/2015 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về tiêu chuẩn, nhiệm vụ, quyền hạn của lãnh đạo, đăng kiểm viên, nhân viên nghiệp vụ của đơn vị đăng kiểm phương tiện thủy nội địa;
- Thông tư số 42/2018/TT-BGTVT ngày 30/7/2018 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của các thông tư trong lĩnh vực đăng kiểm;
- Thông tư số 02/2024/TT-BGTVT ngày 02/02/2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư quy định về tiêu chuẩn, nhiệm vụ và quyền hạn của lãnh đạo, đăng kiểm viên và nhân viên nghiệp vụ của đơn vị đăng kiểm phương tiện thủy nội địa.
- Thông tư số 59/2025/TT-BXD ngày 29/12/2025 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư trong lĩnh vực hàng hải, đường thủy và đăng kiểm.

**MẪU GIẤY ĐỀ NGHỊ CÔNG NHẬN/CÔNG NHẬN LẠI/CÔNG NHẬN NÂNG
HẠNG ĐĂNG KIỂM VIÊN PHƯƠNG TIỆN THỦY NỘI ĐỊA**

**ĐƠN VỊ CHỦ QUẢN
ĐƠN VỊ ĐĂNG KIỂM**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:.....

, ngày tháng năm

**GIẤY ĐỀ NGHỊ
CÔNG NHẬN/ CÔNG NHẬN LẠI/ CÔNG NHẬN NÂNG HẠNG
ĐĂNG KIỂM VIÊN PHƯƠNG TIỆN THỦY NỘI ĐỊA**

Kính gửi:

1. Đơn vị đăng kiểm:
 2. Địa chỉ:
 3. Số điện thoại:.....Số Fax:
 4. Đề nghị Cục Đăng kiểm Việt Nam đánh giá đề công nhận/công nhận lại/công nhận nâng hạng (*) đăng kiểm viên phương tiện thủy nội địa cho ông (bà):
 Họ và tên:
 Ngày tháng năm sinh:
 Số CCCD/CMND:
 Trình độ chuyên môn nghiệp vụ:.....
 Hiện đang là đăng kiểm viên (**): (đã hoàn thành chương trình tập huấn
 Giấy chứng nhận số (đăng kiểm viên công nhận lần đầu, nâng hạng)/Giấy
 chứng nhận đăng kiểm viên số (đăng kiểm viên công nhận lại, nâng
 hạng)).
 5. Hạng đăng kiểm viên đề nghị đánh giá công nhận:
- Hồ sơ gửi kèm:

Đơn vị đăng kiểm
(Ký tên & đóng dấu)

(*) Gạch bỏ những phần không thích hợp;

(**) Ghi: Đăng kiểm viên thực tập hoặc hạng đăng kiểm viên đang giữ.

MẪU LÝ LỊCH CHUYÊN MÔN CỦA NGƯỜI ĐƯỢC ĐỀ NGHỊ CÔNG NHẬN ĐĂNG KIỂM VIÊN

LÝ LỊCH CHUYÊN MÔN

Phần I

TỰ THUẬT VỀ BẢN THÂN

Họ và tên:..... Nam, Nữ:.....
 Ngày tháng, năm sinh:..... Nơi sinh:.....
 Dân tộc..... Tôn giáo:.....
 Chỗ ở hiện nay:.....
 Đơn vị công tác:.....
 Trình độ: + Chuyên môn:.....
 + Ngoại ngữ:.....

Đã được đào tạo bổ sung những chuyên ngành khác:

1. Vô tàu thủy " 2. Máy, điện tàu thủy " 3. Vô tuyến điện "

Đã hoàn thành chương trình đào tạo nghiệp vụ Đăng kiểm viên phương tiện thủy nội địa hạng:
 do Cục Đăng kiểm Việt Nam tổ chức từ ngày đến ngày/...../.....
 tại.....

Kết quả đạt loại.....

Quá trình công tác chuyên môn, nghiệp vụ

TT	Chức danh	Chức vụ	Thời gian		Đơn vị công tác
			Từ	Đến	

1. Đào tạo nghiệp vụ

Tên khóa đào tạo	Địa điểm	Nơi đào tạo	Thời gian (từ --- đến)	Kết quả

2. Khen thưởng kỷ luật:

TT	Hình thức khen thưởng, kỷ luật	Ngày ra quyết định	Thời hạn kỷ luật	Cơ quan ra quyết định khen thưởng, kỷ luật

Phần II

TỰ ĐÁNH GIÁ BẢN THÂN

Đối chiếu với tiêu chuẩn Đăng kiểm viên phương tiện thủy nội địa hạng..... tôi tự xác định như sau:

Về phẩm chất đạo đức Về chuyên môn.....

Về trình độ ngoại ngữ Về trình độ nghiệp vụ Đăng kiểm.....

Tôi xin cam đoan những lời khai trên là đúng, nếu có gì sai tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm.

**MẪU GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KIỆM VIÊN
PHƯƠNG TIỆN THỦY NỘI ĐỊA**

*(Kèm theo Thông tư số 02 /2024/TT-BGTVT
ngày 02 tháng 02 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)*

**BỘ XÂY DỰNG
CỤC ĐĂNG KIỆM VIỆT NAM**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

....., ngày..... tháng năm

**GIẤY CHỨNG NHẬN
ĐĂNG KIỆM VIÊN PHƯƠNG TIỆN THỦY NỘI ĐỊA**

CỤC TRƯỞNG CỤC ĐĂNG KIỆM VIỆT NAM CHỨNG NHẬN

Họ và tên:

Ngày tháng năm sinh:

Số CCCD/CMND:

Số đăng kiểm viên:

Được công nhận là: Đăng kiểm viên phương tiện thủy nội địa

Được thực hiện công việc nêu trong (các) phụ lục kèm theo Giấy chứng nhận này.

Giấy chứng nhận này có hiệu lực đến ngày

NGƯỜI CÓ THẨM QUYỀN (*)
(Ký tên & đóng dấu)

Số Giấy chứng nhận:

() Người có thẩm quyền là Cục trưởng hoặc Phó Cục trưởng được ủy quyền.*

**MẪU GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KIỂM VIÊN PHƯƠNG TIỆN THỦY NỘI ĐỊA
THỰC HIỆN CÔNG TÁC KIỂM TRA HẠNG...**

Số

Họ và tên: Chuyên ngành:

Ngày cấp phụ lục:

Chúng nhận rằng đăng kiểm viên có tên trên được phép thực hiện:

I. Phạm vi và loại hình kiểm tra theo chuyên ngành

II. Phạm vi và loại hình kiểm tra theo chuyên ngành được đào tạo bổ sung
(nếu có)

III. Phạm vi kiểm tra, chứng nhận sản phẩm công nghiệp (nếu có)

NGƯỜI CÓ THẨM QUYỀN (*)
(Ký tên & đóng dấu)

() Người có thẩm quyền là Cục trưởng hoặc Phó Cục trưởng được ủy quyền.*

4. Công nhận nâng hạng đăng kiểm viên phương tiện thủy nội địa

4.1. Trình tự thực hiện:

a) Nộp hồ sơ TTHC:

Đơn vị đăng kiểm nộp hồ sơ đến Cục Đăng kiểm Việt Nam.

b) Giải quyết TTHC:

(1) Cục Đăng kiểm Việt Nam tiếp nhận, kiểm tra thành phần hồ sơ; trong thời hạn 01 (một) ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ, nếu thành phần hồ sơ không đầy đủ thì hướng dẫn cho đơn vị đăng kiểm để bổ sung theo quy định.

(2) Trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, Cục Đăng kiểm Việt Nam thống nhất với đơn vị đăng kiểm về thời gian, địa điểm và phân công đăng kiểm viên để tiến hành kiểm tra thực tế năng lực thực hành nghiệp vụ đối với người được đề nghị công nhận đăng kiểm viên. Trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc sau khi hoàn thành kiểm tra thực tế năng lực thực hành nghiệp vụ của người được đề nghị công nhận đăng kiểm viên, đăng kiểm viên và đơn vị đăng kiểm phải hoàn thành biên bản kiểm tra thực tế năng lực thực hành nghiệp vụ đăng kiểm viên. Thời gian hoàn thành việc kiểm tra thực tế năng lực thực hành nghiệp vụ tối đa 03 (ba) tháng, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.

(3) Trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc sau khi Cục Đăng kiểm Việt Nam nhận được biên bản kiểm tra, Hội đồng công nhận đăng kiểm viên căn cứ tiêu chuẩn đăng kiểm viên và kết quả kiểm tra thực tế năng lực thực hành nghiệp vụ: nếu đạt yêu cầu thì đề nghị Cục trưởng Cục Đăng kiểm Việt Nam quyết định công nhận đăng kiểm viên, cấp Giấy chứng nhận đăng kiểm viên; nếu không đạt yêu cầu thì thông báo bằng văn bản cho đơn vị đăng kiểm đề nghị công nhận đăng kiểm viên.

(4) Đơn vị đăng kiểm được quyền đề nghị Cục Đăng kiểm Việt Nam kiểm tra lại năng lực thực hành nghiệp vụ đối với người được đề nghị công nhận đăng kiểm viên sau thời gian tối thiểu 01 (một) tháng kể từ ngày kiểm tra không đạt. Đơn vị đăng kiểm nộp 01 Giấy đề nghị của đơn vị đăng kiểm theo mẫu đến Cục Đăng kiểm Việt Nam. Cục Đăng kiểm Việt Nam thực hiện trình tự, thủ tục công nhận đăng kiểm viên theo quy định tại mục (2) và (3) trên đây.

4.2. Cách thức thực hiện:

- Nộp hồ sơ trực tiếp; hoặc
- Qua hệ thống bưu chính; hoặc
- Qua cổng dịch vụ công trực tuyến.

4.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ:

- Giấy đề nghị của đơn vị đăng kiểm theo mẫu (bản chính);

- Lý lịch chuyên môn của người được đề nghị nâng hạng đăng kiểm viên theo mẫu (bản chính);

- Bản sao có chứng thực hoặc bản sao được cấp từ sổ gốc hoặc bản sao điện tử được cấp từ sổ gốc hoặc bản sao điện tử được chứng thực từ bản chính báo cáo thực tập nghiệp vụ của người được đề nghị nâng hạng đăng kiểm viên theo mẫu.

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

4.4. Thời hạn giải quyết:

- Thời hạn Cục Đăng kiểm Việt Nam thống nhất với đơn vị đăng kiểm về thời gian, địa điểm và phân công đăng kiểm viên để tiến hành kiểm tra thực tế năng lực thực hành nghiệp vụ đối với người được đề nghị công nhận đăng kiểm viên: trong 03 (ba) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ;

- Thời hạn hoàn thành việc kiểm tra thực tế năng lực thực hành nghiệp vụ: tối đa 03 (ba) tháng, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định;

- Thời hạn cấp Giấy chứng nhận đăng kiểm viên, nếu đạt yêu cầu: trong 03 (ba) ngày làm việc, kể từ ngày Cục Đăng kiểm Việt Nam nhận được biên bản kiểm tra.

4.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức.

4.6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền giải quyết: Cục Đăng kiểm Việt Nam.

- Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện:

Không có.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Cục Đăng kiểm Việt Nam.

- Cơ quan phối hợp: Không có.

4.7. Kết quả của việc thực hiện thủ tục hành chính:

- Giấy chứng nhận đăng kiểm viên

4.8. Phí, lệ phí: Không có.

4.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính; mẫu kết quả giải quyết TTHC:

- Giấy đề nghị của đơn vị đăng kiểm.

- Lý lịch chuyên môn của người được đề nghị nâng hạng đăng kiểm viên.

- Báo cáo thực tập của người được đề nghị công nhận đăng kiểm viên;

- Giấy chứng nhận đăng kiểm viên.

4.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

- Đã giữ hạng đăng kiểm viên hiện tại liên tục theo Khoản 3 Điều 6, Khoản 1 Điều 7 Thông tư 49/2015/TT-BGTVT được sửa đổi, bổ sung bởi TT 02/2024/TT-BGTVT.

- Đáp ứng đầy đủ tiêu chuẩn về trình độ chuyên môn, ngoại ngữ và kinh nghiệm của hạng đăng kiểm viên đề nghị nâng theo Điều 6 và Điều 7 Thông tư 49/2015/TT-BGTVT được sửa đổi, bổ sung bởi TT 02/2024/TT-BGTVT.

- Được đơn vị đăng kiểm nơi đăng kiểm viên công tác đề nghị bằng văn bản theo Khoản 2 Điều 23 Thông tư 49/2015/TT-BGTVT được sửa đổi, bổ sung bởi TT 02/2024/TT-BGTVT.

4.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Thông tư số 49/2015/TT-BGTVT ngày 22/9/2015 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về tiêu chuẩn, nhiệm vụ, quyền hạn của lãnh đạo, đăng kiểm viên, nhân viên nghiệp vụ của đơn vị đăng kiểm phương tiện thủy nội địa;

- Thông tư số 42/2018/TT-BGTVT ngày 30/7/2018 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của các thông tư trong lĩnh vực đăng kiểm;

- Thông tư số 02/2024/TT-BGTVT ngày 02/02/2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư quy định về tiêu chuẩn, nhiệm vụ và quyền hạn của lãnh đạo, đăng kiểm viên và nhân viên nghiệp vụ của đơn vị đăng kiểm phương tiện thủy nội địa.

- Thông tư số 59/2025/TT-BXD ngày 29/12/2025 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư trong lĩnh vực hàng hải, đường thủy và đăng kiểm

**MẪU GIẤY ĐỀ NGHỊ CÔNG NHẬN/CÔNG NHẬN LẠI/CÔNG NHẬN NÂNG
HẠNG ĐĂNG KIỂM VIÊN PHƯƠNG TIỆN THỦY NỘI ĐỊA**

**ĐƠN VỊ CHỦ QUẢN
ĐƠN VỊ ĐĂNG KIỂM**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:.....

, ngày tháng năm

**GIẤY ĐỀ NGHỊ
CÔNG NHẬN/ CÔNG NHẬN LẠI/ CÔNG NHẬN NÂNG HẠNG
ĐĂNG KIỂM VIÊN PHƯƠNG TIỆN THỦY NỘI ĐỊA**

Kính gửi:

1. Đơn vị đăng kiểm:

2. Địa chỉ:

3. Số điện thoại:..... Số Fax:

4. Đề nghị Cục Đăng kiểm Việt Nam đánh giá đề công nhận/công nhận lại/công nhận nâng hạng (*) đăng kiểm viên phương tiện thủy nội địa cho ông (bà):

Họ và tên:

Ngày tháng năm sinh:

Số CCCD/CMND:

Trình độ chuyên môn nghiệp vụ:.....

Hiện đang là đăng kiểm viên (**): (đã hoàn thành chương trình tập huấn Giấy chứng nhận số (đăng kiểm viên công nhận lần đầu, nâng hạng)/Giấy chứng nhận đăng kiểm viên số (đăng kiểm viên công nhận lại, nâng hạng)).

5. Hạng đăng kiểm viên đề nghị đánh giá công nhận:

Hồ sơ gửi kèm:

Đơn vị đăng kiểm
(Ký tên & đóng dấu)

(*) Gạch bỏ những phần không thích hợp;

(**) Ghi: Đăng kiểm viên thực tập hoặc hạng đăng kiểm viên đang giữ.

MẪU LÝ LỊCH CHUYÊN MÔN CỦA NGƯỜI ĐƯỢC ĐỀ NGHỊ CÔNG NHẬN ĐĂNG KIỂM VIÊN

LÝ LỊCH CHUYÊN MÔN

Phần I

TỰ THUẬT VỀ BẢN THÂN

Họ và tên:..... Nam, Nữ:.....
 Ngày tháng, năm sinh:..... Nơi sinh:.....
 Dân tộc:..... Tôn giáo:.....
 Chỗ ở hiện nay:.....
 Đơn vị công tác:.....
 Trình độ: + Chuyên môn:.....
 + Ngoại ngữ:.....

Đã được đào tạo bổ sung những chuyên ngành khác:

1. Vô tầu thủy " 2. Máy, điện tầu thủy " 3. Vô tuyến điện "

Đã hoàn thành chương trình đào tạo nghiệp vụ Đăng kiểm viên phương tiện thủy nội địa hạng:
 do Cục Đăng kiểm Việt Nam tổ chức từ ngày đến ngày/...../.....
 tại.....

Kết quả đạt loại:.....

Quá trình công tác chuyên môn, nghiệp vụ

TT	Chức danh	Chức vụ	Thời gian		Đơn vị công tác
			Từ	Đến	

1. Đào tạo nghiệp vụ

Tên khóa đào tạo	Địa điểm	Nơi đào tạo	Thời gian (từ --- đến)	Kết quả

2. Khen thưởng kỷ luật:

TT	Hình thức khen thưởng, kỷ luật	Ngày ra quyết định	Thời hạn kỷ luật	Cơ quan ra quyết định khen thưởng, kỷ luật

Phần II

TỰ ĐÁNH GIÁ BẢN THÂN

Đối chiếu với tiêu chuẩn Đăng kiểm viên phương tiện thủy nội địa hạng..... tôi tự xác định như sau:

Về phẩm chất đạo đức Về chuyên môn.....

Về trình độ ngoại ngữ Về trình độ nghiệp vụ Đăng kiểm.....

Tôi xin cam đoan những lời khai trên là đúng, nếu có gì sai tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm.

**MẪU BÁO CÁO THỰC TẬP
CỦA NGƯỜI ĐƯỢC ĐỀ NGHỊ CÔNG NHẬN ĐĂNG KIỂM VIÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

BÁO CÁO THỰC TẬP HÀNG NGÀY

Nơi thực tập:.....

Đăng kiểm viên thực tập:.....

Đăng kiểm viên hướng dẫn:.....

Địa điểm và thời gian:.....

Tên tàu:.....

Loại tàu:.....

I- Nội dung thực hiện của Đăng kiểm viên thực tập: *(Bao gồm cả lý thuyết và thực hành)*

1. Hạng mục kiểm tra/nội dung đào tạo:

.....

2- Quy phạm, tiêu chuẩn, hướng dẫn áp dụng *(Ghi rõ mục, điều, chương)*:

.....

3- Kết quả kiểm tra: *(tốt/đạt/chưa đạt- Nêu lý do đưa ra kết quả-cách khắc phục những khiếm khuyết nếu có)*:.....

.....

II- Đánh giá của Đăng kiểm viên hướng dẫn:

1- Quy phạm, tiêu chuẩn, hướng dẫn áp dụng *(phù hợp/chưa phù hợp)*:

.....

2- Nhận xét thực hành nhiệm vụ của Đăng kiểm viên thực tập *(tốt, đạt, chưa đạt)*:

.....

3- Yêu cầu Đăng kiểm viên thực tập cần thực hiện:

.....

Giám đốc/Phó giám đốc

(Ký, ghi rõ họ tên)

**Đăng kiểm viên
hướng dẫn**

(Ký, ghi rõ họ tên)

Đăng kiểm viên thực tập

(Ký, ghi rõ họ tên)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BÁO CÁO KẾT QUẢ THỰC TẬP

Họ và tên Đảng kiểm viên thực tập:..... Đơn vị đăng kiểm.....

Họ và tên Đảng kiểm viên hướng dẫn:..... Hạng Đảng kiểm viên.....

Thời gian thực tập từ ngàyđến ngày tại:.....

I. Nội dung và quá trình thực tập

TT	Chủ đề thực tập	Ngày thực hiện	Kết quả
1			
2			
3			
....			

II. Đánh giá chung quá trình thực tập

1. Tự nhận xét của Đảng kiểm viên thực tập:

(Ghi rõ những nội dung đã làm được, những nội dung chưa làm được và kiến nghị)

.....

2. Nhận xét chung của Đảng kiểm viên hướng dẫn:

(về tính mẫn cán, khả năng tiếp thu, kết quả đào tạo thực hành của học viên, những học viên có khả năng làm độc lập và những kiến nghị)

.....

III. Nhận xét của Thủ trưởng đơn vị đăng kiểm hướng dẫn:

(Nhận xét theo khả năng, trình độ của học viên)

.....

....., ngày tháng năm

Đảng kiểm viên hướng dẫn

Thủ trưởng đơn vị đăng kiểm hướng dẫn

(Ký tên & đóng dấu)

**MẪU GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KIỆM VIÊN
PHƯƠNG TIỆN THỦY NỘI ĐỊA**

*(Kèm theo Thông tư số 02 /2024/TT-BGTVT
ngày 02 tháng 02 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)*

**BỘ XÂY DỰNG
CỤC ĐĂNG KIỆM VIỆT NAM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

....., ngày..... tháng năm
.....

**GIẤY CHỨNG NHẬN
ĐĂNG KIỆM VIÊN PHƯƠNG TIỆN THỦY NỘI ĐỊA**

CỤC TRƯỞNG CỤC ĐĂNG KIỆM VIỆT NAM CHỨNG NHẬN

Họ và tên:Ngày tháng năm sinh:
Số CCCD/CMND:
Số đăng kiểm viên:.....
Được công nhận là: Đăng kiểm viên phương tiện thủy nội địa
..... Được thực hiện công việc nêu trong (các) phụ lục kèm theo
Giấy chứng nhận này. Giấy chứng nhận này có hiệu lực đến ngày
.....

NGƯỜI CÓ THẨM QUYỀN (*)
(Ký tên & đóng dấu)

Số Giấy chứng nhận:

() Người có thẩm quyền là Cục trưởng hoặc Phó Cục trưởng được ủy quyền.*

**MẪU GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KIỂM VIÊN PHƯƠNG TIỆN THỦY NỘI ĐỊA
THỰC HIỆN CÔNG TÁC KIỂM TRA HẠNG...**

Số

Họ và tên: Chuyên ngành:

Ngày cấp phụ lục:

Chúng nhận rằng đăng kiểm viên có tên trên được phép thực hiện:

I. Phạm vi và loại hình kiểm tra theo chuyên ngành

II. Phạm vi và loại hình kiểm tra theo chuyên ngành được đào tạo bổ sung
(nếu có)

III. Phạm vi kiểm tra, chứng nhận sản phẩm công nghiệp (nếu có)

NGƯỜI CÓ THẨM QUYỀN (*)

(Ký tên & đóng dấu)

() Người có thẩm quyền là Cục trưởng hoặc Phó Cục trưởng được ủy quyền.*

5. Công nhận đăng kiểm viên phương tiện thủy nội địa trong trường hợp đặc biệt

5.1. Trình tự thực hiện:

a) Nộp hồ sơ TTHC:

Đơn vị đăng kiểm nộp hồ sơ đến Cục Đăng kiểm Việt Nam.

b) Giải quyết TTHC:

- Cục Đăng kiểm Việt Nam tiếp nhận, kiểm tra thành phần hồ sơ; trong thời hạn 01 (một) ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ, nếu thành phần hồ sơ không đầy đủ thì hướng dẫn cho đơn vị đăng kiểm để bổ sung theo quy định.

5.2. Cách thức thực hiện:

- Nộp hồ sơ trực tiếp; hoặc
- Qua hệ thống bưu chính; hoặc
- Qua cổng dịch vụ công trực tuyến.

5.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ:

- Trường hợp đề nghị công nhận đăng kiểm viên thuộc nhóm (1) và (4)
 - + Giấy đề nghị của đơn vị đăng kiểm theo mẫu (bản chính);
 - + Lý lịch chuyên môn của đăng kiểm viên theo mẫu (bản chính);
- Trường hợp đề nghị công nhận đăng kiểm viên thuộc mục (2), (3) và (5)
 - + Giấy đề nghị của đơn vị đăng kiểm theo mẫu (bản chính);
 - + Lý lịch chuyên môn của đăng kiểm viên theo mẫu (bản chính);
 - + Bản sao có chứng thực hoặc bản sao được cấp từ sổ gốc hoặc bản sao điện tử được cấp từ sổ gốc hoặc bản sao điện tử được chứng thực từ bản chính báo cáo thực tập nghiệp vụ của người được đề nghị công nhận đăng kiểm viên theo mẫu.

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

5.4. Thời hạn giải quyết:

- Trường hợp đề nghị công nhận đăng kiểm viên thuộc nhóm (1) và (4), thời hạn cấp Giấy chứng nhận đăng kiểm viên: trong 05 (năm) ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.

- Trường hợp đề nghị công nhận đăng kiểm viên thuộc mục (2), (3) và (5) thời hạn cấp Giấy chứng nhận đăng kiểm viên gồm:

- Thời hạn Cục Đăng kiểm Việt Nam thống nhất với đơn vị đăng kiểm về thời gian, địa điểm và phân công đăng kiểm viên để tiến hành kiểm tra thực tế năng lực thực hành nghiệp vụ đối với người được đề nghị công nhận đăng kiểm viên: trong 03 (ba) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ;

- Thời hạn hoàn thành việc kiểm tra thực tế năng lực thực hành nghiệp vụ: tối đa 03 (ba) tháng, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định;

- Thời hạn cấp Giấy chứng nhận đăng kiểm viên, nếu đạt yêu cầu: trong 03 (ba) ngày làm việc, kể từ ngày Cục Đăng kiểm Việt Nam nhận được biên bản kiểm tra.

5.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức.

5.6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền giải quyết: Cục Đăng kiểm Việt Nam
- Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện:

Không có.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Cục Đăng kiểm Việt Nam.
- Cơ quan phối hợp: Không có.

5.7. Kết quả của việc thực hiện thủ tục hành chính:

- Giấy chứng nhận đăng kiểm viên.

5.8. Phí, lệ phí: Không có.

5.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính; mẫu kết quả giải quyết TTHC:

- Giấy đề nghị của đơn vị đăng kiểm.
- Lý lịch chuyên môn của người được đề nghị nâng hạng đăng kiểm viên
- Giấy chứng nhận đăng kiểm viên.

5.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

- Các trường hợp đặc biệt bao: Thuộc đối tượng quy định tại Khoản 1 hoặc Khoản 2 Điều 27 Thông tư 49/2015/TT-BGTVT được sửa đổi bổ sung bởi TT 02/2024/TT-BGTVT, bao gồm:

(1) Đăng kiểm viên tàu biển đã được công nhận theo quy định của pháp luật và còn thời hạn hiệu lực của Giấy chứng nhận đăng kiểm viên tàu biển hoặc đăng kiểm viên của tổ chức đăng kiểm quốc tế là thành viên của Hiệp hội các tổ chức phân cấp quốc tế (IACS), sau khi được tập huấn nghiệp vụ đăng kiểm viên thực hiện công tác kiểm tra phương tiện thủy nội địa sẽ được công nhận là đăng kiểm viên thực hiện công tác kiểm tra phương tiện thủy nội địa với các hạng mục tương ứng với Phụ lục của Giấy chứng nhận đăng kiểm viên tàu

biển thực hiện công tác kiểm tra tàu (đăng kiểm viên tàu biển bậc cao được công nhận tương ứng đăng kiểm viên phương tiện thủy nội địa hạng I, đăng kiểm viên tàu biển được công nhận tương ứng đăng kiểm viên phương tiện thủy nội địa hạng II); sau thời gian 06 (sáu) tháng kể từ ngày công nhận đăng kiểm viên thực hiện công tác kiểm tra hạng II, nếu được tập huấn nghiệp vụ đăng kiểm viên thực hiện công tác kiểm tra hạng I và được kiểm tra thực tế năng lực thực hành nghiệp vụ đạt yêu cầu sẽ được công nhận nâng hạng đăng kiểm viên thực hiện công tác kiểm tra hạng I.

(2) Người đã có từ 01 (một) đến 03 (ba) năm kinh nghiệm làm việc trong lĩnh vực kỹ thuật hoặc vận hành tàu thủy, công trình biển và có thời gian thực tập nghiệp vụ tối thiểu 06 (sáu) tháng, sau khi được tập huấn nghiệp vụ

vụ đăng kiểm viên thực hiện công tác kiểm tra phương tiện thủy nội địa sẽ được kiểm tra thực tế năng lực thực hành nghiệp vụ để công nhận đăng kiểm viên thực hiện công tác kiểm tra hạng III.

(3) Người đã có trên 03 (ba) năm kinh nghiệm làm việc trong lĩnh vực kỹ thuật hoặc vận hành tàu thủy, công trình biển và có thời gian thực tập nghiệp vụ tối thiểu 03 (ba) tháng, sau khi được tập huấn nghiệp vụ đăng kiểm viên thực hiện công tác kiểm tra phương tiện thủy nội địa sẽ được kiểm tra thực tế năng lực thực hành nghiệp vụ để công nhận đăng kiểm viên thực hiện công tác kiểm tra hạng III.

(4) Đăng kiểm viên tàu biển đã được công nhận thực hiện công tác thẩm định thiết kế tàu biển theo quy định của pháp luật và còn thời hạn hiệu lực của Giấy chứng nhận đăng kiểm viên, sau khi được tập huấn nghiệp vụ thẩm định thiết kế phương tiện thủy nội địa sẽ được công nhận đăng kiểm viên thực hiện công tác thẩm định thiết kế phương tiện thủy nội địa với nhiệm vụ, phạm vi thực hiện tương ứng.

(5) Người có thời gian thực hiện nhiệm vụ thiết kế tàu thủy tại các đơn vị thiết kế tàu thủy tối thiểu 02 (hai) năm hoặc đăng kiểm viên thực hiện công tác kiểm tra, đáp ứng quy định tại Khoản 5 Điều 27 của Thông tư 49/2015/TT-BGTVT được sửa đổi, bổ sung bởi TT 02/2024/TT-BGTVT, sau khi được tập huấn nghiệp vụ thẩm định thiết kế phương tiện thủy nội địa, có thời gian thực tập nghiệp vụ tối thiểu 03 (ba) tháng, sẽ được kiểm tra thực tế năng lực thực hành nghiệp vụ để công nhận đăng kiểm viên thẩm định thiết kế phương tiện thủy nội địa.

- Trường hợp đề nghị công nhận đăng kiểm viên nêu tại các nhóm (1) và (4): Trong thời hạn 05 (năm) ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, Hội đồng công nhận đăng kiểm viên căn cứ tiêu chuẩn đăng kiểm viên quy định tại Thông tư này để đề nghị Cục trưởng Cục Đăng kiểm Việt Nam quyết định công nhận đăng kiểm viên, cấp Giấy chứng nhận đăng kiểm viên.

- Trường hợp đề nghị công nhận đăng kiểm viên nêu tại các nhóm (2), (3) và (5): Thủ tục công nhận đăng kiểm viên thực hiện tương tự thủ tục công nhận đăng kiểm viên lần đầu.

5.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Thông tư số 49/2015/TT-BGTVT ngày 22/9/2015 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về tiêu chuẩn, nhiệm vụ, quyền hạn của lãnh đạo, đăng kiểm viên, nhân viên nghiệp vụ của đơn vị đăng kiểm phương tiện thủy nội địa;
- Thông tư số 42/2018/TT-BGTVT ngày 30/7/2018 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của các thông tư trong lĩnh vực đăng kiểm;
- Thông tư số 02/2024/TT-BGTVT ngày 02/02/2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư quy định về tiêu chuẩn, nhiệm vụ và quyền hạn của lãnh đạo, đăng kiểm viên và nhân viên nghiệp vụ của đơn vị đăng kiểm phương tiện thủy nội địa.
- Thông tư số 59/2025/TT-BXD ngày 29/12/2025 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư trong lĩnh vực hàng hải, đường thủy và đăng kiểm

**MẪU GIẤY ĐỀ NGHỊ CÔNG NHẬN/CÔNG NHẬN LẠI/CÔNG NHẬN NÂNG
HẠNG ĐĂNG KIỂM VIÊN PHƯƠNG TIỆN THỦY NỘI ĐỊA**

**ĐƠN VỊ CHỦ QUẢN
ĐƠN VỊ ĐĂNG KIỂM**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:.....

, ngày tháng năm

**GIẤY ĐỀ NGHỊ
CÔNG NHẬN/ CÔNG NHẬN LẠI/ CÔNG NHẬN NÂNG HẠNG
ĐĂNG KIỂM VIÊN PHƯƠNG TIỆN THỦY NỘI ĐỊA**

Kính gửi:

1. Đơn vị đăng kiểm:

2. Địa chỉ:

3. Số điện thoại:..... Số Fax:

4. Đề nghị Cục Đăng kiểm Việt Nam đánh giá đề công nhận/công nhận lại/công nhận nâng hạng (*) đăng kiểm viên phương tiện thủy nội địa cho ông (bà):

Họ và tên:

Ngày tháng năm sinh:

Số CCCD/CMND:

Trình độ chuyên môn nghiệp vụ:.....

Hiện đang là đăng kiểm viên (**): (đã hoàn thành chương trình tập huấn Giấy chứng nhận số (đăng kiểm viên công nhận lần đầu, nâng hạng)/Giấy chứng nhận đăng kiểm viên số (đăng kiểm viên công nhận lại, nâng hạng)).

5. Hạng đăng kiểm viên đề nghị đánh giá công nhận:

Hồ sơ gửi kèm:

Đơn vị đăng kiểm
(Ký tên & đóng dấu)

(*) Gạch bỏ những phần không thích hợp;

(**) Ghi: Đăng kiểm viên thực tập hoặc hạng đăng kiểm viên đang giữ.

MẪU LÝ LỊCH CHUYÊN MÔN CỦA NGƯỜI ĐƯỢC ĐỀ NGHỊ CÔNG NHẬN ĐĂNG KIỂM VIÊN

LÝ LỊCH CHUYÊN MÔN

Phần I

TỰ THUẬT VỀ BẢN THÂN

Họ và tên:..... Nam, Nữ:.....
 Ngày tháng, năm sinh:..... Nơi sinh:.....
 Dân tộc:..... Tôn giáo:.....
 Chỗ ở hiện nay:..... Đơn vị công tác:..... Trình độ:
 + Chuyên môn:.....
 + Ngoại ngữ:.....

Đã được đào tạo bổ sung những chuyên ngành khác:

1. Vô tàu thủy " 2. Máy, điện tàu thủy " 3. Vô tuyến điện "

Đã hoàn thành chương trình đào tạo nghiệp vụ Đăng kiểm viên phương tiện thủy nội địa hạng: do Cục Đăng kiểm Việt Nam tổ chức từ ngày đến ngày/...../..... tại.....

Kết quả đạt loại.....

Quá trình công tác chuyên môn, nghiệp vụ

TT	Chức danh	Chức vụ	Thời gian		Đơn vị công tác
			Từ	Đến	

1. Đào tạo nghiệp vụ

Tên khóa đào tạo	Địa điểm	Nơi đào tạo	Thời gian (từ --- đến)	Kết quả

2. Khen thưởng kỷ luật:

TT	Hình thức khen thưởng, kỷ luật	Ngày ra quyết định	Thời hạn kỷ luật	Cơ quan ra quyết định khen thưởng, kỷ luật

Phần II

TỰ ĐÁNH GIÁ BẢN THÂN

Đối chiếu với tiêu chuẩn Đăng kiểm viên phương tiện thủy nội địa hạng..... tôi tự xác định như sau:

Về phẩm chất đạo đức Về chuyên môn.....

Về trình độ ngoại ngữ Về trình độ nghiệp vụ Đăng kiểm.....

Tôi xin cam đoan những lời khai trên là đúng, nếu có gì sai tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm.

**MẪU BÁO CÁO THỰC TẬP
CỦA NGƯỜI ĐƯỢC ĐỀ NGHỊ CÔNG NHẬN ĐĂNG KIỂM VIÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

BÁO CÁO THỰC TẬP HÀNG NGÀY

Nơi thực tập:.....

Đăng kiểm viên thực tập:.....

Đăng kiểm viên hướng dẫn:.....

Địa điểm và thời gian:.....

Tên tàu:.....

Loại tàu:.....

I- Nội dung thực hiện của Đăng kiểm viên thực tập: *(Bao gồm cả lý thuyết và thực hành)*

1. Hạng mục kiểm tra/nội dung đào tạo:

.....
.....

2- Quy phạm, tiêu chuẩn, hướng dẫn áp dụng *(Ghi rõ mục, điều, chương)*:

.....
.....

3- Kết quả kiểm tra: *(tốt/đạt/chưa đạt- Nêu lý do đưa ra kết quả-cách khắc phục những khiếm khuyết nếu có)*:.....

.....

II- Đánh giá của Đăng kiểm viên hướng dẫn:

1- Quy phạm, tiêu chuẩn, hướng dẫn áp dụng *(phù hợp/chưa phù hợp)*:

.....
.....

2- Nhận xét thực hành nhiệm vụ của Đăng kiểm viên thực tập *(tốt, đạt, chưa đạt)*:

.....
.....

3- Yêu cầu Đăng kiểm viên thực tập cần thực hiện:

.....
.....

Giám đốc/Phó giám đốc

(Ký, ghi rõ họ tên)

**Đăng kiểm viên
hướng dẫn**

(Ký, ghi rõ họ tên)

Đăng kiểm viên thực tập

(Ký, ghi rõ họ tên)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BÁO CÁO KẾT QUẢ THỰC TẬP

Họ và tên Đảng kiểm viên thực tập:..... Đơn vị đăng kiểm.....

Họ và tên Đảng kiểm viên hướng dẫn:..... Hạng Đảng kiểm viên.....

Thời gian thực tập từ ngàyđến ngày tại:.....

I. Nội dung và quá trình thực tập

TT	Chủ đề thực tập	Ngày thực hiện	Kết quả
1			
2			
3			
....			

II. Đánh giá chung quá trình thực tập

1. Tự nhận xét của Đảng kiểm viên thực tập:

(Ghi rõ những nội dung đã làm được, những nội dung chưa làm được và kiến nghị)

.....

2. Nhận xét chung của Đảng kiểm viên hướng dẫn:

(về tính mẫn cán, khả năng tiếp thu, kết quả đào tạo thực hành của học viên, những học viên có khả năng làm độc lập và những kiến nghị)

.....

III. Nhận xét của Thủ trưởng đơn vị đăng kiểm hướng dẫn:

(Nhận xét theo khả năng, trình độ của học viên)

.....

....., ngày tháng năm

Đảng kiểm viên hướng dẫn

Thủ trưởng đơn vị đăng kiểm hướng dẫn

(Ký tên & đóng dấu)

**MẪU GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KIỂM VIÊN
PHƯƠNG TIỆN THỦY NỘI ĐỊA**

*(Kèm theo Thông tư số 02 /2024/TT-BGTVT
ngày 02 tháng 02 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)*

**BỘ XÂY DỰNG
CỤC ĐĂNG KIỂM VIỆT NAM**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

....., ngày..... tháng năm

**GIẤY CHỨNG NHẬN
ĐĂNG KIỂM VIÊN PHƯƠNG TIỆN THỦY NỘI ĐỊA**

CỤC TRƯỞNG CỤC ĐĂNG KIỂM VIỆT NAM CHỨNG NHẬN

Họ và tên:

Ngày tháng năm sinh:

Số CCCD/CMND:

Số đăng kiểm viên:

Được công nhận là: Đăng kiểm viên phương tiện thủy nội địa

Được thực hiện công việc nêu trong (các) phụ lục kèm theo Giấy chứng nhận này.

Giấy chứng nhận này có hiệu lực đến ngày

NGƯỜI CÓ THẨM QUYỀN (*)

(Ký tên & đóng dấu)

Số Giấy chứng nhận:

(*) Người có thẩm quyền là Cục trưởng hoặc Phó Cục trưởng được ủy quyền.

**MẪU GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KIỆM VIÊN PHƯƠNG TIỆN THỦY NỘI ĐỊA
THỰC HIỆN CÔNG TÁC KIỂM TRA HẠNG...**

Số

Họ và tên: Chuyên ngành:

Ngày cấp phụ lục:

Chúng nhận rằng đăng kiểm viên có tên trên được phép thực hiện:

I. Phạm vi và loại hình kiểm tra theo chuyên ngành

II. Phạm vi và loại hình kiểm tra theo chuyên ngành được đào tạo bổ sung
(nếu có)

III. Phạm vi kiểm tra, chứng nhận sản phẩm công nghiệp (nếu có)

NGƯỜI CÓ THẨM QUYỀN (*)

(Ký tên & đóng dấu)

() Người có thẩm quyền là Cục trưởng hoặc Phó Cục trưởng được ủy quyền.*

6. Cấp lại Giấy chứng nhận đăng kiểm viên phương tiện thủy nội địa

6.1. Trình tự thực hiện:

a) Nộp hồ sơ TTHC:

Đơn vị đăng kiểm nộp hồ sơ đến Cục Đăng kiểm Việt Nam.

b) Giải quyết TTHC:

- Trường hợp Giấy chứng nhận đăng kiểm viên còn hiệu lực nhưng bị mất, hư hỏng, đơn vị đăng kiểm có văn bản đề nghị cấp lại theo mẫu. Cục Đăng kiểm Việt Nam sẽ cấp lại Giấy chứng nhận đăng kiểm viên trong thời hạn 02 (hai) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị.

- Trường hợp không cấp lại có văn bản nêu rõ lý do.

- Thời hạn hiệu lực của Giấy chứng nhận đăng kiểm viên được cấp lại bằng thời hạn hiệu lực còn lại của Giấy chứng nhận đăng kiểm viên bị mất, bị hư hỏng.

6.2. Cách thức thực hiện: Gửi trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu chính hoặc qua cổng dịch vụ công trực tuyến

6.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ:

- Văn bản đề nghị cấp lại giấy chứng nhận đăng kiểm viên phương tiện thủy nội địa theo mẫu.

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

6.4. Thời hạn giải quyết:

- Thời hạn cấp lại Giấy chứng nhận đăng kiểm viên: trong 02 (hai) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị.

6.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức.

6.6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền giải quyết: Cục Đăng kiểm Việt Nam

- Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện:

Không có.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Cục Đăng kiểm Việt Nam.

- Cơ quan phối hợp: Không có.

6.7. Kết quả của việc thực hiện thủ tục hành chính: Giấy chứng nhận đăng kiểm viên

6.8. Phí, lệ phí: Không có.

6.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính; mẫu kết quả giải quyết TTHC:

- Giấy đề nghị cấp lại giấy chứng nhận đăng kiểm viên phương tiện thủy nội địa.
- Giấy chứng nhận đăng kiểm viên.

6.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

- Giấy chứng nhận đăng kiểm viên còn hiệu lực nhưng bị mất, rách, hư hỏng theo Khoản 1 Điều 28 Thông tư 49/2015/TT-BGTVT được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 02/2024/TT-BGTVT.

- Có văn bản đề nghị cấp lại của đơn vị đăng kiểm nơi đăng kiểm viên công tác theo Điều 28 Thông tư 49/2015/TT-BGTVT được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 02/2024/TT-BGTVT.

6.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Thông tư số 49/2015/TT-BGTVT ngày 22/9/2015 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về tiêu chuẩn, nhiệm vụ, quyền hạn của lãnh đạo, đăng kiểm viên, nhân viên nghiệp vụ của đơn vị đăng kiểm phương tiện thủy nội địa;

- Thông tư số 42/2018/TT-BGTVT ngày 30/7/2018 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của các thông tư trong lĩnh vực đăng kiểm;

- Thông tư số 02/2024/TT-BGTVT ngày 02/02/2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư quy định về tiêu chuẩn, nhiệm vụ và quyền hạn của lãnh đạo, đăng kiểm viên và nhân viên nghiệp vụ của đơn vị đăng kiểm phương tiện thủy nội địa.

- Thông tư số 59/2025/TT-BXD ngày 29/12/2025 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư trong lĩnh vực hàng hải, đường thủy và đăng kiểm

**MẪU GIẤY ĐỀ NGHỊ CẤP LẠI GIẤY CHỨNG NHẬN
ĐĂNG KIỂM VIÊN PHƯƠNG TIỆN THỦY NỘI ĐỊA**

**ĐƠN VỊ CHỦ QUẢN
ĐƠN VỊ ĐĂNG KIỂM**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:

....., ngày.....tháng.....năm.....

**GIẤY ĐỀ NGHỊ
CẤP LẠI GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KIỂM VIÊN
PHƯƠNG TIỆN THỦY NỘI ĐỊA**

Kính gửi:

1. Đơn vị đăng kiểm:

2. Địa chỉ:

3. Số điện thoại: Số Fax:

4. Đề nghị Cục Đăng kiểm Việt Nam cấp lại Giấy chứng nhận đăng kiểm viên phương tiện thủy nội địa cho ông (bà):

Họ và tên:

Ngày tháng năm sinh:.....

Số CCCD/CMND:

Trình độ chuyên môn nghiệp vụ:

Hiện đang là đăng kiểm viên (*):

Giấy chứng nhận đăng kiểm viên số cấp ngàytháng ...năm

5. Lý do đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận đăng kiểm viên (**):

.....

Đơn vị đăng kiểm

(Ký tên & đóng dấu)

(*) Ghi rõ hạng đăng kiểm viên;

(**) Ghi rõ lý do đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận.

**MẪU GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KIỆM VIÊN
PHƯƠNG TIỆN THỦY NỘI ĐỊA**

*(Kèm theo Thông tư số 02 /2024/TT-BGTVT
ngày 02 tháng 02 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)*

**BỘ XÂY DỰNG
CỤC ĐĂNG KIỆM VIỆT NAM**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

....., ngày..... tháng năm

**GIẤY CHỨNG NHẬN
ĐĂNG KIỆM VIÊN PHƯƠNG TIỆN THỦY NỘI ĐỊA**

CỤC TRƯỞNG CỤC ĐĂNG KIỆM VIỆT NAM CHỨNG NHẬN

Họ và tên:

Ngày tháng năm sinh:

Số CCCD/CMND:

Số đăng kiểm viên:

Được công nhận là: Đăng kiểm viên phương tiện thủy nội địa

Được thực hiện công việc nêu trong (các) phụ lục kèm theo Giấy chứng nhận này.

Giấy chứng nhận này có hiệu lực đến ngày

NGƯỜI CÓ THẨM QUYỀN (*)

(Ký tên & đóng dấu)

Số Giấy chứng nhận:

() Người có thẩm quyền là Cục trưởng hoặc Phó Cục trưởng được ủy quyền.*

**MẪU GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KIỂM VIÊN PHƯƠNG TIỆN THỦY NỘI ĐỊA
THỰC HIỆN CÔNG TÁC KIỂM TRA HẠNG...**

Số

Họ và tên: Chuyên ngành:

Ngày cấp phụ lục:

Chúng nhận rằng đăng kiểm viên có tên trên được phép thực hiện:

I. Phạm vi và loại hình kiểm tra theo chuyên ngành

II. Phạm vi và loại hình kiểm tra theo chuyên ngành được đào tạo bổ sung
(nếu có)

III. Phạm vi kiểm tra, chứng nhận sản phẩm công nghiệp (nếu có)

NGƯỜI CÓ THẨM QUYỀN (*)

(Ký tên & đóng dấu)

() Người có thẩm quyền là Cục trưởng hoặc Phó Cục trưởng được ủy quyền.*

7. Cấp Giấy chứng nhận thẩm định thiết kế cho thiết bị xếp dỡ, nồi hơi và thiết bị áp lực sử dụng trong giao thông vận tải

7.1. Trình tự thực hiện:

a) Nộp hồ sơ TTHC:

Cơ sở thiết kế nộp hồ sơ đến Cục Đăng kiểm Việt Nam

b) Giải quyết TTHC:

- Cục Đăng kiểm Việt Nam tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ; trường hợp hồ sơ không đầy đủ theo quy định thì hướng dẫn hoàn thiện ngay trong ngày làm việc (đối với trường hợp nộp trực tiếp) hoặc hướng dẫn hoàn thiện trong 02 (hai) ngày làm việc (đối với trường hợp nộp hồ sơ qua hệ thống bưu chính hoặc qua cổng dịch vụ công); nếu hồ sơ đầy đủ thì hẹn thời gian trả kết quả;

- Cục Đăng kiểm Việt Nam tiến hành thẩm định thiết kế trong vòng 13 (mười ba) ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ. Nếu hồ sơ không đạt yêu cầu thì thông báo bằng văn bản cho cơ sở thiết kế; nếu đạt yêu cầu thì cấp Giấy chứng nhận thẩm định thiết kế theo mẫu và đóng dấu thẩm định vào tài liệu thiết kế;

- Giấy chứng nhận thẩm định thiết kế được cấp trong phạm vi 02 (hai) ngày làm việc sau khi hoàn thành thẩm định đạt kết quả theo quy định;

- Cơ sở thiết kế nhận kết quả trực tiếp tại Cục Đăng kiểm Việt Nam hoặc qua hệ thống bưu chính hoặc qua cổng dịch vụ công

7.2. Cách thức thực hiện:

Nộp trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu chính hoặc qua cổng dịch vụ công.

7.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ:

- 01 (một) bản chính hoặc bản khai biểu mẫu điện tử Giấy đề nghị thẩm định thiết kế theo mẫu.

- 01 (một) bản sao điện tử tài liệu thiết kế thiết bị (đối với trường hợp nộp cổng dịch vụ công) hoặc 03 (ba) bản chính tài liệu thiết kế thiết bị (đối với trường hợp nộp trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu chính) theo quy định trong quy chuẩn kỹ thuật quốc gia tương ứng.

Trường hợp không có quy định trong các quy chuẩn kỹ thuật quốc gia, hồ sơ thiết kế tối thiểu gồm:

+ Đối với sản xuất thiết bị: bản thuyết minh thiết kế; bản tính toán thiết kế; các bản vẽ tổng thành, kết cấu chính của thiết bị; bản vẽ sơ đồ nguyên lý hoạt động và các đặc trưng kỹ thuật chính; danh mục các tổng thành, bộ phận chính kèm theo các thông số, tính năng kỹ thuật; quy trình kiểm tra và thử thiết bị;

+ Đối với hoán cải thiết bị: bản thuyết minh tính toán thiết kế liên quan đến nội dung hoán cải; bản vẽ tổng thể của thiết bị trước và sau hoán cải; bản vẽ và tài liệu kỹ thuật tổng thành, hệ thống để hoán cải; quy trình kiểm tra và thử thiết bị.

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

7.4. Thời hạn giải quyết:

- Thời hạn thẩm định thiết kế: trong vòng 13 (mười ba) ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ.

- Thời hạn cấp Giấy chứng nhận thẩm định thiết kế: 02 (hai) ngày làm việc sau khi hoàn thành thẩm định đạt kết quả theo quy định.

7.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: là tổ chức, cá nhân hành nghề kinh doanh dịch vụ thiết kế thiết bị theo quy định của pháp luật.

7.6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền giải quyết: Cục Đăng kiểm Việt Nam

- Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không có.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Cục Đăng kiểm Việt Nam.

- Cơ quan phối hợp: Không có.

7.7. Kết quả của việc thực hiện thủ tục hành chính:

- Giấy chứng nhận thẩm định thiết kế;

- Đóng dấu thẩm định vào tài liệu thiết kế

7.8. Giá, lệ phí:

Mức thu giá dịch vụ, lệ phí theo quy định của Bộ Tài chính và thanh toán giá dịch vụ, nộp lệ phí theo quy định cho cơ quan cấp Giấy chứng nhận.

7.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính; mẫu kết quả giải quyết TTHC:

- Giấy đề nghị thẩm định thiết kế

- Giấy chứng nhận thẩm định thiết kế.

7.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

Thỏa mãn các quy định, tiêu chuẩn tương ứng: QCVN 22:2018/BGTVT; QCVN 67:2018/BGTVT.

7.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật số 78/2025/QH15 - Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa số 05/2007/QH12, đã được sửa đổi, bổ sung theo Luật số 35/2018/QH14;

- Nghị định số 132/2008/NĐ-CP ngày 31/12/2008 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa;

- Nghị định số 74/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 132/2008/NĐ-CP;

- Nghị định số 154/2018/NĐ-CP ngày 09/11/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số quy định về điều kiện đầu tư, kinh doanh trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ và một số quy định về kiểm tra chuyên ngành.

- Thông tư số 21/2023/TT-BGTVT ngày 30/6/2023 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 35/2011/TT-BGTVT ngày 06/5/2011 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về thủ tục cấp Giấy chứng nhận chất lượng an toàn kỹ thuật đối với thiết bị xếp dỡ, nồi hơi, thiết bị áp lực sử dụng trong giao thông vận tải.

- Thông tư số 59/2025/TT-BXD ngày 29/12/2025 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư trong lĩnh vực hàng hải, đường thủy và đăng kiểm

MẪU ĐỀ NGHỊ THẨM ĐỊNH THIẾT KẾ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY ĐỀ NGHỊ THẨM ĐỊNH THIẾT KẾ

Kính gửi:

Tổ chức/Cá nhân:

Địa chỉ:

Điện thoại:.....Fax:

Đề nghị thẩm định thiết kế thiết bị:

.....

.....

Hồ sơ gửi kèm:.....

Số lượng sản xuất:.....

Nơi sản xuất:

Giá thiết kế thiết bị:.....

....., ngày tháng năm

TỔ CHỨC/CÁ NHÂN

MẪU GIẤY CHỨNG NHẬN THẨM ĐỊNH THIẾT KẾ

TK



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG NHẬN THẨM ĐỊNH THIẾT KẾ

Số:

Tên thiết kế:

Ký hiệu thiết kế:

Loại thiết kế:

Cơ sở thiết kế:

Văn bản đề nghị số: Ngày:

Báo cáo thẩm định số: Ngày:

CÁC THÔNG SỐ KỸ THUẬT CƠ BẢN

.....

.....

Số thẩm định thiết kế:

Thiết kế phù hợp với Tiêu chuẩn/Quy chuẩn:

Lưu ý:

....., ngày tháng năm

CƠ QUAN THẨM ĐỊNH

8. Cấp Giấy chứng nhận chất lượng an toàn kỹ thuật cho thiết bị xếp dỡ, nồi hơi và thiết bị áp lực nhập khẩu sử dụng trong giao thông vận tải

8.1. Trình tự thực hiện:

a) Nộp hồ sơ TTHC:

- Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ đăng ký kiểm tra đến Cơ quan kiểm tra (Cục Đăng kiểm Việt Nam hoặc Chi cục Đăng kiểm);
- Tờ khai hàng hóa nhập khẩu có xác nhận của tổ chức, cá nhân nhập khẩu có thể nộp trước khi kiểm tra thiết bị.

b) Giải quyết TTHC:

- Cơ quan kiểm tra tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ: Nếu hồ sơ không đầy đủ theo quy định thì hướng dẫn hoàn thiện ngay trong ngày làm việc (đối với trường hợp nộp trực tiếp) hoặc hướng dẫn hoàn thiện trong 02 (hai) ngày làm việc (đối với trường hợp nộp hồ sơ qua hệ thống bưu chính hoặc qua cổng dịch vụ công); nếu hồ sơ đầy đủ theo quy định thì xác nhận vào Giấy đăng ký kiểm tra nhà nước về chất lượng hàng hóa nhập khẩu trong nửa (0,5) ngày làm việc và thống nhất về thời gian, địa điểm kiểm tra;

- Sau khi tổ chức, cá nhân bổ sung Tờ khai hàng hóa nhập khẩu có xác nhận của tổ chức, cá nhân nhập khẩu, Cơ quan kiểm tra tiến hành kiểm tra: Nếu đạt thì cấp Giấy chứng nhận chất lượng an toàn kỹ thuật thiết bị nhập khẩu theo mẫu quy và Thông báo kết quả kiểm tra nhà nước về chất lượng hàng hóa nhập khẩu theo mẫu; nếu không đạt thì cấp Thông báo kết quả kiểm tra nhà nước về chất lượng hàng hóa nhập khẩu theo mẫu;

- Giấy chứng nhận chất lượng an toàn kỹ thuật thiết bị nhập khẩu hoặc thông báo không đạt chất lượng an toàn kỹ thuật thiết bị nhập khẩu được cấp trong phạm vi 02 (hai) ngày làm việc sau khi hoàn thành kiểm tra theo quy định;

- Tổ chức, cá nhân nhận kết quả trực tiếp tại Cơ quan kiểm tra hoặc qua hệ thống bưu chính hoặc qua cổng dịch vụ công.

8.2. Cách thức thực hiện:

Nộp trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu chính hoặc qua cổng dịch vụ công.

8.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ:

- 01 (một) bản chính hoặc biểu mẫu điện tử đăng ký kiểm tra nhà nước về chất lượng hàng hóa nhập khẩu theo mẫu;

- 01 (một) bản sao điện tử (đối với trường hợp nộp thông qua cổng dịch vụ công) hoặc 01 (một) bản sao (đối với trường hợp nộp trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu chính) hồ sơ nhập khẩu theo quy định của pháp luật kiểm tra chuyên ngành đối với hàng hóa nhập khẩu.

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

8.4. Thời hạn giải quyết:

- Thời hạn xác nhận vào Giấy đăng ký kiểm tra và thống nhất về thời gian, địa điểm kiểm tra: trong nửa ngày làm việc nếu hồ sơ đầy đủ theo quy định;

- Thời hạn cấp Giấy chứng nhận chất lượng an toàn kỹ thuật thiết bị nhập khẩu hoặc thông báo không đạt chất lượng an toàn kỹ thuật thiết bị nhập khẩu: 02 (hai) ngày làm việc sau khi hoàn thành kiểm tra theo quy định.

8.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:

Tổ chức, cá nhân.

8.6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền giải quyết: Cục Đăng kiểm Việt Nam, Chi cục Đăng kiểm;
- Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không có;
- Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Cục Đăng kiểm Việt Nam, Chi cục Đăng kiểm;
- Cơ quan phối hợp: Không có.

8.7. Kết quả của việc thực hiện thủ tục hành chính:

- Trường hợp đạt:
 - + Giấy chứng nhận chất lượng an toàn kỹ thuật thiết bị nhập khẩu;
 - + Thông báo kết quả kiểm tra nhà nước về chất lượng hàng hóa nhập khẩu.
- Trường hợp không đạt: Thông báo không đạt chất lượng an toàn kỹ thuật thiết bị nhập khẩu.

8.8. Giá, lệ phí:

- Lệ phí cấp giấy chứng nhận: 50.000 (đồng/giấy);
- Mức thu giá dịch vụ, lệ phí theo quy định của Bộ Tài chính và thanh toán giá dịch vụ, nộp lệ phí theo quy định cho Cơ quan cấp Giấy chứng nhận.

8.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính; mẫu kết quả giải quyết TTHC:

- Đăng ký kiểm tra nhà nước về chất lượng hàng hóa nhập khẩu;
- Giấy chứng nhận chất lượng an toàn kỹ thuật thiết bị nhập khẩu;
- Thông báo kết quả kiểm tra nhà nước về chất lượng hàng hóa nhập khẩu.

8.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

Thỏa mãn các quy định, tiêu chuẩn tương ứng: QCVN 22:2018/BGTVT; QCVN 67:2018/BGTVT.

8.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật số 78/2025/QH15 – Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa số 05/2007/QH12, đã được sửa đổi, bổ sung theo Luật số 35/2018/QH14;
- Nghị định số 132/2008/NĐ-CP ngày 31/12/2008 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa;
- Nghị định số 74/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 132/2008/NĐ-CP;

- Nghị định số 154/2018/NĐ-CP ngày 09/11/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số quy định về điều kiện đầu tư, kinh doanh trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ và một số quy định về kiểm tra chuyên ngành.

- Thông tư số 21/2023/TT-BGTVT ngày 30/6/2023 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 35/2011/TT-BGTVT ngày 06/5/2011 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về thủ tục cấp Giấy chứng nhận chất lượng an toàn kỹ thuật đối với thiết bị xếp dỡ, nồi hơi, thiết bị áp lực sử dụng trong giao thông vận tải.

- Thông tư số 199/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý lệ phí cấp giấy chứng nhận bảo đảm chất lượng, an toàn kỹ thuật đối với máy, thiết bị, phương tiện giao thông vận tải có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn.

- Thông tư số 59/2025/TT-BXD ngày 29/12/2025 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư trong lĩnh vực hàng hải, đường thủy và đăng kiểm

MẪU ĐĂNG KÝ KIỂM TRA NHÀ NƯỚC VỀ CHẤT LƯỢNG HÀNG HÓA NHẬP KHẨU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐĂNG KÝ KIỂM TRA NHÀ NƯỚC VỀ CHẤT LƯỢNG HÀNG HÓA NHẬP KHẨU

Kính gửi: (Tên Cơ quan kiểm tra).....

Người nhập khẩu:.....

Địa chỉ:.....

Điện thoại: Fax: Email:.....

Đăng ký kiểm tra chất lượng hàng hóa sau:

STT	Tên hàng hóa, nhãn hiệu, kiểu loại	Đặc tính kỹ thuật	Xuất xứ, nhà sản xuất	Khối lượng/ số lượng	Cửa khẩu nhập	Thời gian nhập khẩu

Địa chỉ tập kết hàng hóa:

Hồ sơ nhập khẩu gồm:

Hợp đồng (Contract) số:

- Danh mục hàng hóa (Packing list) (nếu có):

- Giấy chứng nhận hợp quy hoặc Giấy chứng nhận chất lượng lô hàng hóa nhập khẩu hoặc

Chứng thư giám định chất lượng lô hàng hóa nhập khẩu:

do Tổ chức cấp ngày:/...../..... tại:

- Giấy chứng nhận Hệ thống quản lý (nếu có) số: do Tổ chức chứng nhận:

..... cấp ngày:/...../..... tại:

- Hóa đơn (Invoice) (nếu có) số:

- Vận đơn (Bill of Lading) (nếu có) số:

- Tờ khai hàng hóa nhập khẩu (nếu có) số:

- Giấy chứng nhận xuất xứ C/O (nếu có) số:

- Giấy Chứng nhận lưu hành tự do CFS (nếu có) số:

- Ảnh hoặc bản mô tả hàng hóa, mẫu nhãn hàng nhập khẩu, nhãn phụ (Nếu nhãn chính chưa đủ nội dung theo quy định).

Chúng tôi xin cam đoan và chịu trách nhiệm về tính hợp lệ, hợp pháp của các nội dung đã khai báo nêu trên về hồ sơ của lô hàng hóa nhập khẩu, đồng thời cam kết chất lượng lô hàng hóa nhập khẩu phù hợp với quy chuẩn kỹ thuật..... và tiêu chuẩn công bố áp dụng

(TÊN CƠ QUAN KIỂM TRA)

Vào sổ đăng ký: Số...../

....., ngày tháng ... năm

(Đại diện Cơ quan kiểm tra ký tên, đóng
dấu)

....., ngày tháng năm

(NGƯỜI NHẬP KHẨU)

(Ký tên, đóng dấu)



Số :.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG NHẬN
CHẤT LƯỢNG AN TOÀN KỸ THUẬT THIẾT BỊ NHẬP KHẨU

Tên thiết bị: Nhân hiệu:.....
 Tình trạng thiết bị: Năm sản xuất:
 Hãng, nước sản xuất:
 Tổ chức/cá nhân nhập khẩu:
 Địa chỉ:.....
 Số tờ khai hàng nhập khẩu:
 Ngày kiểm tra: Nơi kiểm tra:
 Số đăng ký kiểm tra: Số báo cáo kiểm tra:

THÔNG SỐ KỸ THUẬT CƠ BẢN

.....

Tiêu chuẩn, Quy chuẩn thử và kiểm tra:

Thiết bị đã được kiểm tra và đạt chất lượng, an toàn kỹ thuật thiết bị nhập khẩu theo các quy định hiện hành./.

....., ngày tháng năm

CƠ QUAN KIỂM TRA

Giấy chứng nhận này bị mất hiệu lực nếu chất lượng của thiết bị đã kiểm tra bị hư hỏng do vận chuyển, bảo quản, bốc xếp.

THÔNG BÁO KẾT QUẢ KIỂM TRA NHÀ NƯỚC VỀ CHẤT LƯỢNG HÀNG HÓA NHẬP KHẨU

(TÊN CƠ QUAN CHỦ
QUẢN)
**TÊN CƠ QUAN KIỂM
TRA**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:/TB-.....

....., ngày tháng năm

THÔNG BÁO

Kết quả kiểm tra nhà nước về chất lượng hàng hóa nhập khẩu

Số TT	Tên hàng hóa, nhãn hiệu, kiểu loại	Đặc tính kỹ thuật	Xuất xứ, Nhà sản xuất	Khối lượng/ Số lượng	Đơn vị tính	Ghi chú

- Cửa khẩu khẩu nhập:
- Thời gian nhập khẩu:
- Thuộc lô hàng có các chứng từ sau:
 - + Hợp đồng số:
 - + Danh mục hàng hóa số:
 - + Hóa đơn số:
 - + Vận đơn số:
 - + Tờ khai hàng nhập khẩu số:
 - + Giấy chứng nhận xuất xứ số (C/O):
 - + Giấy chứng nhận lưu hành tự do CFS
- Người nhập khẩu:
- Giấy đăng ký kiểm tra số: ngày tháng năm
- Căn cứ kiểm tra:
 - + Tiêu chuẩn công bố áp dụng:
 - + Quy chuẩn kỹ thuật:
 - + Quy định khác:
- Giấy chứng nhận hợp quy hoặc Giấy chứng nhận/giám định chất lượng lô hàng hóa nhập khẩu số: do tổ chức cấp ngày: ... / ... / tại:

KẾT QUẢ KIỂM TRA

Ghi một trong các nội dung:

Đáp ứng yêu cầu chất lượng hàng hóa nhập khẩu

Hoặc Không đáp ứng yêu cầu chất lượng hàng hóa nhập khẩu thì nêu lý do và các yêu cầu khác nếu có

Hoặc Lô hàng không hoàn thiện đầy đủ hồ sơ

Hoặc Lô hàng đề nghị đánh giá sự phù hợp lại tại

Hoặc Lô hàng chờ CQKT tiến hành lấy mẫu và thử nghiệm.

Nơi nhận:

- Người nhập khẩu;
- Hải quan cửa khẩu ...;
- Lưu: VT, (Viết tắt tên CQKT).

CƠ QUAN KIỂM TRA

(Ký tên, đóng dấu)

9. Cấp Giấy chứng nhận chất lượng an toàn kỹ thuật cho thiết bị xếp dỡ, nồi hơi và thiết bị áp lực sản xuất, hoán cải sử dụng trong giao thông vận tải

9.1. Trình tự thực hiện:

a) Nộp hồ sơ TTHC:

Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ đến Cơ quan kiểm tra.

b) Giải quyết TTHC:

- Cơ quan kiểm tra tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ: Nếu hồ sơ không đầy đủ theo quy định thì hướng dẫn hoàn thiện ngay trong ngày làm việc (đối với trường hợp nộp trực tiếp) hoặc hướng dẫn hoàn thiện trong 02 (hai) ngày làm việc (đối với trường hợp nộp hồ sơ qua hệ thống bưu chính hoặc qua cổng dịch vụ công nếu hồ sơ đầy đủ theo quy định thì xác nhận và thông báo thời gian kiểm tra thực tế theo đề nghị của người nộp hồ sơ;

- Cơ quan kiểm tra tiến hành kiểm tra tại cơ sở sản xuất theo quy định: Nếu không đạt thì lập biên bản kiểm tra ghi rõ lý do thiết bị không đạt yêu cầu kiểm tra thông báo tới tổ chức, cá nhân; nếu đạt thì cấp Giấy chứng nhận chất lượng an toàn kỹ thuật thiết bị sản xuất, hoán cải;

- Giấy chứng nhận được cấp trong phạm vi 02 (hai) ngày làm việc sau khi hoàn thành kiểm tra theo quy định.

- Tổ chức, cá nhân nhận kết quả trực tiếp tại Cơ quan kiểm tra hoặc qua hệ thống bưu chính hoặc qua cổng dịch vụ công.

9.2. Cách thức thực hiện:

Nộp trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu chính hoặc qua cổng dịch vụ công.

9.3. Thành phần hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ:

- 01 (một) bản chính hoặc bản khai biểu mẫu điện tử Giấy đề nghị kiểm tra theo mẫu quy định;

- 01 (một) bản sao điện tử (đối với trường hợp nộp qua cổng dịch vụ công) hoặc 01 (một) bản sao (đối với trường hợp nộp trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu chính) hồ sơ thiết kế thiết bị đã được thẩm định; bản kê các tổng thành, bộ phận chính sử dụng để sản xuất, hoán cải thiết bị theo mẫu quy định kèm theo báo cáo kết quả thử nghiệm của cơ sở thử nghiệm.

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

9.4. Thời hạn giải quyết:

- Thời hạn xác nhận và thông báo thời gian kiểm tra thực tế theo đề nghị của người nộp hồ sơ: nếu hồ sơ đầy đủ theo quy định;

- Thời hạn cấp Giấy chứng nhận: 02 (hai) ngày làm việc sau khi hoàn thành kiểm tra theo quy định.

9.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:

Tổ chức, cá nhân.

9.6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền giải quyết: Cục Đăng kiểm Việt Nam, Chi cục Đăng kiểm;
- Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không có;
- Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Cục Đăng kiểm Việt Nam, Chi cục Đăng kiểm;
- Cơ quan phối hợp: Không có.

9.7. Kết quả của việc thực hiện thủ tục hành chính:

- Trường hợp đạt: Giấy chứng nhận chất lượng an toàn kỹ thuật thiết bị sản xuất, hoán cải.
- Trường hợp không đạt: Lập Biên bản kiểm tra ghi rõ lý do thiết bị không đạt yêu cầu kiểm tra thông báo tới tổ chức, cá nhân.

9.8. Giá, lệ phí:

- Lệ phí cấp giấy chứng nhận: 50 000 (đồng/giấy);
- Mức thu giá dịch vụ, lệ phí theo quy định của Bộ Tài chính và thanh toán giá dịch vụ, nộp lệ phí theo quy định cho cơ quan cấp Giấy chứng nhận.

9.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính; mẫu kết quả giải quyết TTHC:

- Đề nghị kiểm tra
- Bản kê các tổng thành, bộ phận chính sử dụng để sản xuất, hoán cải thiết bị
- Giấy chứng nhận chất lượng an toàn kỹ thuật thiết bị sản xuất, hoán cải.

9.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

Thỏa mãn các quy định, tiêu chuẩn tương ứng: QCVN 22:2018/BGTVT; QCVN 67:2018/BGTVT.

9.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật số 78/2025/QH15 – Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa số 05/2007/QH12, đã được sửa đổi, bổ sung theo Luật số 35/2018/QH14;
- Nghị định số 132/2008/NĐ-CP ngày 31/12/2008 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa;
- Nghị định số 74/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 132/2008/NĐ-CP;

- Nghị định số 154/2018/NĐ-CP ngày 09/11/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số quy định về điều kiện đầu tư, kinh doanh trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ và một số quy định về kiểm tra chuyên ngành.

- Thông tư số 21/2023/TT-BGTVT ngày 30/6/2023 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 35/2011/TT-BGTVT ngày 06/5/2011 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về thủ tục cấp Giấy chứng nhận chất lượng an toàn kỹ thuật đối với thiết bị xếp dỡ, nồi hơi, thiết bị áp lực sử dụng trong giao thông vận tải.

- Thông tư số 199/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý lệ phí cấp giấy chứng nhận bảo đảm chất lượng, an toàn kỹ thuật đối với máy, thiết bị, phương tiện giao thông vận tải có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn.

- Thông tư số 59/2025/TT-BXD ngày 29/12/2025 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư trong lĩnh vực hàng hải, đường thủy và đăng kiểm.

MẪU GIẤY ĐỀ NGHỊ KIỂM TRA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY ĐỀ NGHỊ KIỂM TRA

Kính gửi:

Tổ chức/Cá nhân:

Địa chỉ:

Điện thoại: Fax:

Đề nghị kiểm tra/kiểm định thiết bị (*):

.....

Hồ sơ gửi kèm:

Thời gian và địa điểm kiểm tra/kiểm định dự kiến (*):

....., ngày tháng năm

TỔ CHỨC / CÁ NHÂN

(*) *Gạch bỏ nếu không phù hợp.*

**MẪU GIẤY CHỨNG NHẬN CHẤT LƯỢNG
AN TOÀN KỸ THUẬT THIẾT BỊ SẢN XUẤT, HOÁN CẢI**

SX-HC



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**GIẤY CHỨNG NHẬN
CHẤT LƯỢNG AN TOÀN KỸ THUẬT THIẾT BỊ SẢN XUẤT,
HOÁN CẢI**

Số:

Tên thiết bị: Nhận hiệu:
Cơ sở sản xuất, hoán cải: Nơi kiểm tra:
Số báo cáo kiểm tra:
Số thẩm định thiết kế:

ĐẶC TÍNH KỸ THUẬT CƠ BẢN

.....
.....

Tiêu chuẩn, Quy chuẩn thử, kiểm tra:
Thiết bị đã được kiểm tra và đạt chất lượng an toàn kỹ thuật theo các quy định hiện hành.
Được đóng dấu ấn chỉ và số kiểm tra có ký hiệu như sau:

.....

....., ngày tháng năm

CƠ QUAN KIỂM TRA

Giấy chứng nhận này bị mất hiệu lực nếu chất lượng của thiết bị đã kiểm tra bị hư hỏng do vận chuyển, bảo quản, bốc xếp ...

10. Kiểm định và chứng nhận chất lượng an toàn kỹ thuật và phòng ngừa ô nhiễm môi trường cho công-te-nơ, máy, vật liệu, trang thiết bị sử dụng cho tàu biển trong chế tạo, lắp ráp, nhập khẩu, sửa chữa phục hồi, hoán cải

10.1. Trình tự thực hiện:

a) Nộp hồ sơ TTHC: Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ đến Cục Đăng kiểm Việt Nam hoặc Chi cục Đăng kiểm (sau đây gọi là cơ quan đăng kiểm).

b) Giải quyết TTHC:

- Cơ quan đăng kiểm tiếp nhận hồ sơ, kiểm tra thành phần hồ sơ: nếu hồ sơ không đầy đủ thì ngay trong ngày làm việc hướng dẫn tổ chức, cá nhân để hoàn thiện hồ sơ (trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua cổng dịch vụ công trực tuyến) hoặc hướng dẫn hoàn thiện trong 02 (hai) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ (trường hợp nộp hồ sơ qua hệ thống bưu chính và hình thức phù hợp khác); nếu hồ sơ đầy đủ thì thống nhất với người nộp hồ sơ về thời gian kiểm tra thực tế tại địa điểm do người nộp hồ sơ yêu cầu trong thời hạn không quá 05 (năm) ngày làm việc kể từ ngày người nộp hồ sơ đề nghị.

- Sau khi kiểm tiến hành kiểm tra, nếu kết quả kiểm tra đạt yêu cầu, cơ quan đăng kiểm cấp Giấy chứng nhận theo quy định trong thời hạn 02 (hai) ngày làm việc, kể từ ngày hoàn thành kiểm tra; nếu không đạt thì thông báo bằng văn bản cho tổ chức, cá nhân.

- Tổ chức, cá nhân nhận kết quả trực tiếp tại cơ quan tiếp nhận hồ sơ hoặc qua hệ thống bưu chính hoặc cổng dịch vụ công trực tuyến hoặc hình thức phù hợp khác.

10.2. Cách thức thực hiện:

- Gửi trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu chính hoặc qua cổng dịch vụ công trực tuyến hoặc bằng hình thức phù hợp khác.

10.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ:

- 01 (một) bản chính hoặc biểu mẫu điện tử giấy đề nghị theo mẫu;

- 01 (một) bản sao bộ hồ sơ kỹ thuật bao gồm thông số kỹ thuật và các báo cáo kiểm tra, thử công-te-nơ, máy, vật liệu, trang thiết bị (trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu chính) hoặc bản sao điện tử (trường hợp nộp hồ sơ qua cổng dịch vụ công trực tuyến hoặc bằng hình thức phù hợp khác).

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

10.4. Thời hạn giải quyết:

- Trong thời hạn 02 (hai) ngày làm việc, kể từ ngày hoàn thành kiểm tra.

10.5. Đối tượng thực hiện TTHC:

- Tổ chức, cá nhân.

10.6. Cơ quan thực hiện TTHC:

- Cơ quan có thẩm quyền giải quyết: Cục Đăng kiểm Việt Nam hoặc Chi cục Đăng kiểm;
- Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không có;

- Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Cục Đăng kiểm Việt Nam hoặc Chi cục Đăng kiểm;

- Cơ quan phối hợp: Không có.

10.7. Kết quả của việc thực hiện TTHC:

- Giấy chứng nhận chất lượng an toàn kỹ thuật.

10.8. Phí, lệ phí:

- Lệ phí: 50.000 đồng /01 giấy chứng nhận.

- Giá thẩm định thiết kế tính theo biểu giá ban hành kèm theo Thông tư số 237/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ Tài chính về việc quy định về giá kiểm định an toàn kỹ thuật và chất lượng phương tiện thủy nội địa.

10.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính; mẫu kết quả giải quyết TTHC:

- Đề nghị kiểm định và chứng nhận chất lượng an toàn kỹ thuật và phòng ngừa ô nhiễm môi trường cho công-te-nơ, máy, vật liệu, trang thiết bị sử dụng trên tàu biển.

- Mẫu Giấy chứng nhận sản phẩm công nghiệp; Giấy chứng nhận công nhận thiết kế; Giấy chứng nhận công nhận kiểu (Mode A, B); Giấy chứng nhận công nhận quy trình chế tạo được quy định tại Thông tư số 71/2015/TT-BGTVT ngày 09 tháng 11 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải.

10.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC:

Công-te-nơ, máy, vật liệu, trang thiết bị sử dụng trên tàu biển trong chế tạo, lắp ráp, nhập khẩu, sửa chữa phục hồi, hoán cải phải thỏa mãn quy định của các quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn công-te-nơ, phân cấp và đóng tàu biển, trang bị an toàn tàu biển, thiết bị nâng dùng trên tàu biển, các hệ thống ngăn ngừa ô nhiễm của tàu biển. Ngoài ra, công-te-nơ, máy, trang thiết bị sử dụng trên tàu biển hoạt động tuyến quốc tế còn phải thỏa mãn các điều ước quốc tế về an toàn hàng hải, an ninh hàng hải, điều kiện lao động hàng hải và phòng ngừa ô nhiễm môi trường mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên.

10.11. Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Thông tư số 40/2016/TT-BGTVT ngày 07/12/2016 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về đăng kiểm tàu biển.

- Thông tư số 16/2022/TT-BGTVT ngày 30/6/2022 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của các thông tư trong lĩnh vực đăng kiểm.

- Thông tư 17/2023/TT-BGTVT ngày 30/6/2023 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 40/2016/TT-BGTVT ngày 7/12/2016 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về đăng kiểm tàu biển Việt Nam và Thông tư số 51/2017/TT-BGTVT ngày 29/12/2017 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về đăng kiểm viên và nhân viên nghiệp vụ đăng kiểm tàu biển.

- Thông tư số 199/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý lệ phí cấp giấy chứng nhận bảo đảm chất lượng, an toàn kỹ thuật đối với máy, thiết bị, phương tiện giao thông vận tải có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn.

- Thông tư số 234/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về giá dịch vụ kiểm định an toàn kỹ thuật và chất lượng tàu biển, công trình biển; sản phẩm công nghiệp lắp đặt trên tàu biển, công trình biển; đánh giá, chứng nhận hệ thống quản lý an toàn và phê duyệt, kiểm tra, đánh giá, chứng nhận lao động hàng hải.

- Thông tư số 59/2025/TT-BXD ngày 29/12/2025 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư trong lĩnh vực hàng hải, đường thủy và đăng kiểm

MẪU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc****ĐỀ NGHỊ KIỂM ĐỊNH VÀ CHỨNG NHẬN CHẤT LƯỢNG AN TOÀN KỸ THUẬT VÀ
PHÒNG NGỪA Ô NHIỄM MÔI TRƯỜNG CHO CÔNG-TE-NƠ, MÁY, VẬT LIỆU,
TRANG THIẾT BỊ SỬ DỤNG TRÊN TÀU BIỂN**

Số _____ Địa điểm _____ Ngày _____

Kính gửi:

Tổ chức/cá nhân đề nghị:

Địa chỉ:

Điện thoại:Fax: Email:

Đề nghị kiểm định và chứng nhận chất lượng an toàn kỹ thuật và phòng ngừa ô nhiễm môi trường cho công-te-nơ/máy/vật liệu/trang thiết bị sử dụng cho tàu biển¹ (sau đây gọi là “thiết bị”) dưới đây:

Tên thiết bị:

Tên, địa chỉ nhà sản xuất:

Ngày sản xuất:

Thời gian kiểm định dự kiến:

Địa điểm kiểm định:

Thông số kỹ thuật và các báo cáo kiểm tra, thử thiết bị trong quá trình sản xuất được gửi kèm theo đề nghị này.

Người đề nghị

(Ký tên và đóng dấu)

⁽¹⁾ Gạch bỏ nếu không phù hợp



MẪU GIẤY CHỨNG NHẬN SẢN PHẨM CÔNG NGHIỆP
CỤC ĐĂNG KIỂM VIỆT NAM
VIETNAM REGISTER

CP

Số:
No.:

GIẤY CHỨNG NHẬN SẢN PHẨM CÔNG NGHIỆP
CERTIFICATE OF MARINE PRODUCT

CỤC ĐĂNG KIỂM VIỆT NAM CHỨNG NHẬN (các) sản phẩm sau đây đã được kiểm tra và phù hợp với QCVN 64: 2015/BGTVT “Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về kiểm tra sản phẩm công nghiệp dùng cho tàu biển”

VIETNAM REGISTER CERTIFIES THAT The following products have been inspected and are found in compliance with the QCVN 64: 2015/BGTVT “National Technical Regulation for Inspection of sea-going ship’s products”.

SỐ LƯỢNG VÀ TÊN SẢN PHẨM
NUMBER AND NAME OF PRODUCTS

Cơ sở chế tạo:.....

Manufacturer

Sử dụng cho:.....

Intended for

Số chứng nhận công nhận:

Số thẩm định thiết kế:.....

Approval Certificate No

Approval design No

Số xuất xưởng:.....

Serial No.

Hạn chế áp dụng:.....

Restriction for Application

Tiêu chuẩn kiểm tra/Inspection Standards:

Được đóng dấu ấn chỉ và số kiểm tra như sau.

For identification inspection mark and test number were stamped as follows.

Cấp tại:

Ngày:

Issued at

Date



CỤC ĐĂNG KIỂM VIỆT NAM
VIETNAM REGISTER

CÁC ĐẶC TÍNH
Particulars

THỬ VÀ KIỂM TRA
Test and Inspection



MẪU GIẤY CHỨNG NHẬN CÔNG NHẬN THIẾT KẾ
CỤC ĐĂNG KIỂM VIỆT NAM
VIETNAM REGISTER

CDA 1/2

Số:
No.:

GIẤY CHỨNG NHẬN CÔNG NHẬN THIẾT KẾ
CERTIFICATE OF DESIGN APPROVAL

CỤC ĐĂNG KIỂM VIỆT NAM CHỨNG NHẬN thiết kế dưới đây được thiết kế bởi nhà thiết kế nêu trong giấy chứng nhận này phù hợp với QCVN 64: 2015/BGTVT “Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về kiểm tra sản phẩm công nghiệp dùng cho tàu biển” (sau đây gọi là “Quy chuẩn”).

VIETNAM REGISTER CERTIFIES that the following design designed by the designer stated in the certificate are found in compliance with the QCVN 64: 2015/BGTVT “National Technical Regulation for Inspection of sea-going ship’s products”. (hereinafter refer to as “the Regulation”).

Thiết kế được công nhận/ Design Approved:

Nhà thiết kế/Designer:

Tiêu chuẩn công nhận/Approval Standards:

Giấy chứng nhận này có hiệu lực đến ngày:

This Certificate is valid until:

Cấp tại:

Issued at

Ngày:

Date

**CỤC ĐĂNG KIỂM VIỆT NAM
VIETNAM REGISTER**

Đặc tính của sản phẩm/ Product description

Bản vẽ được thẩm định và tính toán thiết kế/Approved Drawings and Design Calculations

Báo cáo thử mẫu đầu tiên (kiểu)/Prototype (type)Test Report

Phạm vi sử dụng/Application

Các điều kiện khác/Other conditions



MẪU GIẤY CHỨNG NHẬN CÔNG NHẬN KIỂU A
CỤC ĐĂNG KIỂM VIỆT NAM
VIETNAM REGISTER

CTA-A 1/3

Số:

No.:

GIẤY CHỨNG NHẬN CÔNG NHẬN KIỂU
CERTIFICATE OF TYPE APPROVAL

Mode A

CỤC ĐĂNG KIỂM VIỆT NAM CHỨNG NHẬN sản phẩm dưới đây được sản xuất bởi cơ sở sản xuất nêu trong giấy chứng nhận này phù hợp với QCVN 64: 2015/BGTVT “Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về kiểm tra sản phẩm công nghiệp dùng cho tàu biển” (sau đây gọi là “Quy chuẩn”).

VIETNAM REGISTER CERTIFIES THAT the following products produced by the manufacturer stated in the certificate are found in compliance with the QCVN 64: 2015/BGTVT “National Technical Regulation for Inspection of sea-going ship’s products”. (hereinafter refer to as “the Regulation”)

Sản phẩm được công nhận/ Product Approved:

Kiểu/Type:

Cơ sở chế tạo/ Manufacturer:

Phạm vi áp dụng/Application:

Tiêu chuẩn công nhận/Approval Standard:

Giấy chứng nhận này có hiệu lực đến ngày:

This Certificate is valid until:

với điều kiện phải được xác nhận chu kỳ phù hợp với Quy chuẩn.

subject to periodical endorsement in accordance with the Regulation.

Ngày ấn định đánh giá chu kỳ:

Periodical assessment date:

Cấp tại:

Issued at

Ngày:

Date

**CỤC ĐĂNG KIỂM VIỆT NAM
VIETNAM REGISTER**

Bản vẽ và tính toán thiết kế được thẩm định /Approved Drawings and Design Calculation:

Thử/Tests carried out:

Đặc tính của sản phẩm/Product description

Đánh dấu trên sản phẩm/Marking of product:

Các điều kiện khác/Other conditions:

XÁC NHẬN CHU KỲ**PERIODICAL ENDORSEMENT**

Căn cứ vào kết quả đánh giá chu kỳ, xác nhận tình trạng của cơ sở chế tạo được duy trì phù hợp với Quy chuẩn.

Based on the periodical assessment, the condition of the manufacturer is maintained in compliance with the Regulation.

Ngày:
Date

CỤC ĐĂNG KIỂM VIỆT NAM
VIETNAM REGISTER

GHI CHÚ - REMARKS:

Giấy chứng nhận này mất hiệu lực khi:

The approval may be cancelled in cases:

- Chất lượng của (các) sản phẩm do cơ sở chế tạo không theo đúng quy định.

The quality of the product(s) is in doubt .

- Đăng kiểm viên nhận thấy có những thiếu sót trong hệ thống hoạt động của cơ sở.

The surveyor has found major deficiencies in the operating system of the Manufacturer.

- Cơ sở không thông báo những thay đổi lớn trong hệ thống hoạt động của cơ sở tới VR.

The Manufacturer fails to inform of any alteration in the system to Vietnam Register.

- Cơ sở không thực hiện các đợt đánh giá theo quy định.

In case the required assessment is not carried out.



MẪU GIẤY CHỨNG NHẬN CÔNG NHẬN KIỂU B
CỤC ĐĂNG KIỂM VIỆT NAM
VIETNAM REGISTER

CTA-B 1/2

Số:

No.:

GIẤY CHỨNG NHẬN CÔNG NHẬN KIỂU
CERTIFICATE OF TYPE APPROVAL

Mode B

CỤC ĐĂNG KIỂM VIỆT NAM CHỨNG NHẬN sản phẩm dưới đây được sản xuất bởi cơ sở sản xuất nêu trong giấy chứng nhận này phù hợp với QCVN 64: 2015/BGTVT “Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về kiểm tra sản phẩm công nghiệp dùng cho tàu biển” (sau đây gọi là “Quy chuẩn”).

VIETNAM REGISTER CERTIFIES THAT the following products produced by the manufacturer stated in the certificate are found in compliance with the QCVN 64: 2015/BGTVT “National Technical Regulation for Inspection of sea-going ship’s products”. (hereinafter refer to as “the Regulation”)

Sản phẩm được công nhận/ Product Approved:

Kiểu/Type:

Cơ sở chế tạo/ Manufacturer:

Phạm vi áp dụng/ Application:

Tiêu chuẩn công nhận/ Approval Standard:

Giấy chứng nhận này có hiệu lực đến ngày:

This Certificate is valid until:

Cấp tại:
Issued at

Ngày:
Date

**CỤC ĐĂNG KIỂM VIỆT NAM
VIETNAM REGISTER**

Bản vẽ và tính toán thiết kế được thẩm định /Approved Drawings and Design Calculation:

Thử/Tests carried out:

Đặc tính của sản phẩm/Product description

Đánh dấu trên sản phẩm/Marking of product:

Các điều kiện khác/Other conditions:



MẪU GIẤY CHỨNG NHẬN CÔNG NHẬN KIỂU QUY TRÌNH CHẾ TẠO

CỤC ĐĂNG KIỂM VIỆT NAM

CWA 1/3

VIETNAM REGISTER

Số:

No.:

GIẤY CHỨNG NHẬN CÔNG NHẬN QUY
TRÌNH CHẾ TẠO

CERTIFICATE OF WORKS APPROVAL

CỤC ĐĂNG KIỂM VIỆT NAM CHỨNG NHẬN
VIETNAM REGISTER CERTIFIES THAT**Cơ sở chế tạo/ Manufacturer:****Địa chỉ:**

Address:

Đã được đánh giá và công nhận để sản xuất (các) sản phẩm sau đây phù hợp với QCVN 64: 2015/BGTVT “Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về kiểm tra sản phẩm công nghiệp dùng cho tàu biển” (sau đây gọi là “Quy chuẩn”).

Has been assessed and approved to manufacture the following product(s) in compliance with the QCVN 64: 2015/BGTVT “ National Technical Regulation for Inspection of sea-going ship’s products”. (hereinafter refer to as “the Regulation”).

Sản phẩm được công nhận/ Product Approved:

Giấy chứng nhận này có hiệu lực đến ngày:

This Certificate is valid until:

với điều kiện phải được xác nhận chu kỳ phù hợp với Quy chuẩn.

subject to periodical endorsement in accordance with the Regulation.

Ngày ấn định đánh giá chu kỳ:

Periodical assessment date:

Cấp tại:

Issued at

Ngày:

*Date*CỤC ĐĂNG KIỂM VIỆT NAM
VIETNAM REGISTER

Phạm vi áp dụng/Application:

Tiêu chuẩn công nhận/Approval Standard:

Bản vẽ và tính toán thiết kế được thẩm định/Approved Drawings and Design Calculation:

Thử/Tests carried out:

Đặc tính của sản phẩm/Product description

Đánh dấu trên sản phẩm/Marking of product:

Các điều kiện khác/Other conditions:

XÁC NHẬN CHU KỲ**PERIODICAL ENDORSEMENT**

Căn cứ vào kết quả đánh giá chu kỳ, xác nhận tình trạng của cơ sở chế tạo được duy trì phù hợp với Quy chuẩn.

Based on the periodical assessment, the condition of the manufacturer is maintained in compliance with the Regulation.

Ngày:
Date

CỤC ĐĂNG KIỂM VIỆT NAM
VIETNAM REGISTER

GHI CHÚ - REMARKS:

Giấy chứng nhận này mất hiệu lực khi:

The approval may be cancelled in cases:

- Chất lượng của (các) sản phẩm do cơ sở chế tạo không theo đúng quy định.
The quality of the product(s) is in doubt .
- Đăng kiểm viên nhận thấy có những thiếu sót trong hệ thống hoạt động của cơ sở.
The surveyor has found major deficiencies in the operating system of the Manufacturer.
- Cơ sở không thông báo những thay đổi lớn trong hệ thống hoạt động của cơ sở tới VR.
The Manufacturer fails to inform of any alteration in the system to Vietnam Register.
- Cơ sở không thực hiện các đợt đánh giá theo quy định.
In case the required assessment is not carried out.

11. Cấp Giấy chứng nhận thẩm định thiết kế phương tiện, thiết bị thăm dò, khai thác và vận chuyển dầu khí trên biển (công trình biển)

11.1. Trình tự thực hiện:

a) Nộp hồ sơ TTHC:

Cơ sở thiết kế nộp hồ sơ thiết kế cho Cơ quan Đăng kiểm (Cục Đăng kiểm Việt Nam, các Chi cục Đăng kiểm trực thuộc Cục Đăng kiểm Việt Nam).

b) Giải quyết TTHC:

- Cơ quan Đăng kiểm tiếp nhận hồ sơ thiết kế, kiểm tra thành phần hồ sơ thiết kế: nếu hồ sơ thiết kế chưa đầy đủ thành phần theo quy định thì trả lời bằng văn bản hướng dẫn Cơ sở thiết kế hoàn thiện lại; nếu hồ sơ thiết kế đầy đủ thành phần theo quy định thì viết Giấy hẹn thời gian trả kết quả.

- Cơ quan Đăng kiểm thực hiện thẩm định thiết kế: nếu hồ sơ thiết kế chưa đạt yêu cầu thì trả lời bằng văn bản cho Cơ sở thiết kế để bổ sung, sửa đổi; nếu hồ sơ thiết kế đạt yêu cầu thì cấp Giấy chứng nhận thẩm định thiết kế.

- Thời gian thẩm định thiết kế và cấp Giấy chứng nhận hoặc thông báo hồ sơ thiết kế không đạt yêu cầu chậm nhất trong vòng 18 (mười tám) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định. Trường hợp thiết kế công trình biển kiểu mới hoặc phức tạp, thời gian thẩm định thiết kế phải kéo dài, Cơ quan Đăng kiểm thẩm định thiết kế sẽ thỏa thuận với Cơ sở thiết kế.

11.2 Cách thức thực hiện: trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu chính hoặc qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến hoặc hình thức phù hợp khác.

11.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Trường hợp cơ sở thiết kế nộp trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu chính hoặc qua hình thức phù hợp khác: 01 bản sao giấy đề nghị thẩm định thiết kế theo mẫu tại Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư số 33/2011/TT-BGTVT; 03 bản sao tài liệu thiết kế công trình biển;

b) Trường hợp cơ sở thiết kế nộp qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến: 01 biểu mẫu điện tử Giấy đề nghị thẩm định thiết kế theo mẫu tại Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư số 33/2011/TT-BGTVT và 01 (một) bộ tài liệu thiết kế ở dạng điện tử;

c) Khối lượng, nội dung tài liệu thiết kế công trình biển được quy định chi tiết tại các quy phạm, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật và các công ước quốc tế tương ứng áp dụng cho từng loại công trình biển nêu tại Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 33/2011/TT-BGTVT và trình bày theo các quy định hiện hành.

11.4. Thời hạn giải quyết:

Thời gian thẩm định thiết kế và cấp Giấy chứng nhận hoặc thông báo hồ sơ thiết kế không đạt yêu cầu chậm nhất trong vòng 18 (mười tám) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định. Trường hợp thiết kế công trình biển kiểu mới hoặc phức tạp, thời gian thẩm định thiết kế phải kéo dài, Cơ quan Đăng kiểm thẩm định thiết kế sẽ thỏa thuận với Cơ sở thiết kế.

11.5. Đối tượng thực hiện TTHC:

Tổ chức, cá nhân

11.6. Cơ quan giải quyết TTHC:

- Cơ quan có thẩm quyền giải quyết: Cục Đăng kiểm Việt Nam, các Chi cục Đăng kiểm trực thuộc Cục Đăng kiểm Việt Nam;

- Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không có;

- Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Cục Đăng kiểm Việt Nam, các Chi cục Đăng kiểm trực thuộc Cục Đăng kiểm Việt Nam;

- Cơ quan phối hợp: Không có.

11.7. Kết quả thực hiện TTHC:

Tài liệu thiết kế được thẩm định và Giấy chứng nhận thẩm định thiết kế công trình biển.

11.8. Giá dịch vụ, lệ phí:

- Lệ phí: 50.000 Đồng (50.000 đồng/01 giấy chứng nhận)

- Giá dịch vụ kiểm tra chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi theo quy định tại Thông tư số 234/2016/TT-BTC ngày 11 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

11.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính; mẫu kết quả giải quyết TTHC:

- Mẫu Giấy đề nghị thẩm định thiết kế/ kiểm tra;

- Mẫu Giấy chứng nhận thẩm định thiết kế.

11.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC:

Hồ sơ thiết kế công trình biển phải thỏa mãn các yêu cầu của tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật của Việt Nam và các công ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên có liên quan đến an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường tương ứng với từng loại công trình biển quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 33/2011/TT-BGTVT ngày 19/4/2011 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về thủ tục cấp giấy chứng nhận chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện, thiết bị thăm dò, khai thác và vận chuyển dầu khí trên biển.

11.11. Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Thông tư số 33/2011/TT-BGTVT ngày 19/4/2011 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải Quy định về thủ tục cấp giấy chứng nhận chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện, thiết bị thăm dò, khai thác và vận chuyển dầu khí trên biển;

- Thông tư số 16/2022/TT-BGTVT ngày 30/06/2022 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư quy định về đăng kiểm phương tiện thủy nội địa;

- Thông tư số 59/2025/TT-BXD ngày 29/12/2025 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư trong lĩnh vực hàng hải, đường thủy và đăng kiểm

MẪU GIẤY ĐỀ NGHỊ
THẨM ĐỊNH THIẾT KẾ/ KIỂM TRA

TỔ CHỨC/CÁ NHÂN
(Name of Organization/Personal)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số (No):.....
V/v (Subject):.....

....., Ngày tháng năm ...
Date Month Year

GIẤY ĐỀ NGHỊ
THẨM ĐỊNH THIẾT KẾ(*)/ KIỂM TRA (*)
REQUEST FOR
DESIGN APPROVAL(*)/SURVEY (*)

Kính gửi (To) : (Tên Cơ quan Đăng kiểm)

Tên Tổ chức/Cá nhân:.....
(Name of Organization/Personal):.....

Địa chỉ (Address):.....

Điện thoại (Phone No):.....Fax No:.....Email:.....

Nội dung đề nghị (Request for):.....

Địa điểm và thời gian (Place and time):.....

TỔ CHỨC/CÁ NHÂN
(Organization/Personal)
Ký tên, đóng dấu
(Sign, Stamp)

Nơi nhận (To):

- Như trên (As above);
- Lưu (Archive):...

MẪU GIẤY CHỨNG NHẬN THẨM ĐỊNH THIẾT KẾ

D.OFF

BỘ XÂY DỰNG
CỤC ĐĂNG KIỂM VIỆT NAM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:
No.

GIẤY CHỨNG NHẬN THẨM ĐỊNH THIẾT KẾ CERTIFICATE OF DESIGN APPROVAL

Cục Đăng kiểm Việt Nam chứng nhận rằng:
Vietnam Register certifies that:

Tên/ ký hiệu thiết kế:
Design name

Kiểu thiết kế:
Design type

Cơ sở thiết kế:
Designed by

Cơ quan sử dụng thiết kế:
Design user

Mô tả thiết kế được thẩm định:
Description of approved design

Đã được thiết kế phù hợp với:
The above design is complied with

Những lưu ý:
Noted

Số thẩm định: Ngày thẩm định:
Number of approval Date of approval

Đơn vị kiểm tra:
Surveyed by

Cấp tại , ngày
Issued at date

CỤC ĐĂNG KIỂM VIỆT NAM
VIETNAM REGISTER

12. Thẩm định thiết kế tàu biển

12.1. Trình tự thực hiện:

a) Nộp hồ sơ TTHC:

- Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ đề nghị thẩm định thiết kế tàu biển đến Cục Đăng kiểm Việt Nam.

b) Giải quyết TTHC:

- Cục Đăng kiểm Việt Nam tiếp nhận hồ sơ, kiểm tra thành phần hồ sơ: nếu hồ sơ không đầy đủ thì hướng dẫn tổ chức, cá nhân hoàn thiện ngay trong ngày làm việc (nếu nộp hồ sơ trực tiếp); hoặc hướng dẫn hoàn thiện trong 02 (hai) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ đối với trường hợp nộp hồ sơ qua hệ thống bưu chính và hình thức phù hợp khác; nếu hồ sơ đầy đủ thì hẹn thời gian trả kết quả.

- Trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ khi nhận đầy đủ hồ sơ hoặc theo thỏa thuận nếu thiết kế tàu biển mới hoặc phức tạp nhưng không quá 60 (sáu mươi) ngày, Cục Đăng kiểm Việt Nam tiến hành thẩm định thiết kế, nếu không đạt yêu cầu thì trả lời tổ chức, cá nhân; nếu đạt yêu cầu thì cấp giấy chứng nhận thẩm định thiết kế và đóng dấu thẩm định vào tài liệu thiết kế.

12.2. Cách thức thực hiện:

- Nộp trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu chính hoặc qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến hoặc bằng hình thức phù hợp khác.

12.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ:

- Giấy đề nghị theo mẫu (01 bản chính hoặc biểu mẫu điện tử);

- Tài liệu thiết kế (01 tài liệu thiết kế dạng điện tử đối với trường hợp nộp thông qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến; hoặc 03 bản chính đối với trường hợp nộp trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu chính hoặc hình thức phù hợp khác).

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

12.4. Thời hạn giải quyết:

- 15 (mười lăm) ngày, kể từ khi nhận đầy đủ hồ sơ hoặc theo thỏa thuận nếu thiết kế tàu biển mới hoặc phức tạp nhưng không quá 60 (sáu mươi) ngày.

12.5. Đối tượng thực hiện TTHC: Tổ chức, cá nhân.

12.6. Cơ quan thực hiện TTHC:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Cục Đăng kiểm Việt Nam;

- Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không có;

- Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Cục Đăng kiểm Việt Nam;

- Cơ quan phối hợp: Không có.

12.7. Kết quả của việc thực hiện TTHC:

- Giấy chứng nhận thẩm định thiết kế tàu biển và tài liệu thiết kế được thẩm định.

12.8. Phí, lệ phí, giá:

- Lệ phí: 50.000 Đồng (50.000 đồng/01 giấy chứng nhận).
- Giá thẩm định: Theo Thông tư số 234/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ Tài chính.

12.9. Tên mẫu đơn, tờ khai hành chính; mẫu kết quả giải quyết TTHC:

- Giấy đề nghị thẩm định thiết kế;
- Giấy chứng nhận thẩm định thiết kế tàu biển.

12.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC:

- Thiết kế tàu biển phải thỏa mãn quy định của các quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về phân cấp và đóng tàu biển, đo dung tích tàu biển, trang bị an toàn tàu biển, thiết bị nâng dùng trên tàu biển, các hệ thống ngăn ngừa ô nhiễm của tàu biển. Ngoài ra, tàu biển hoạt động tuyến quốc tế còn phải thỏa mãn các điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên áp dụng cho tàu biển về an toàn hàng hải, an ninh hàng hải, điều kiện lao động hàng hải và phòng ngừa ô nhiễm môi trường.

12.11. Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Thông tư số 40/2016/TT-BGTVT ngày 07/12/2016 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về đăng kiểm tàu biển Việt Nam;
- Thông tư số 16/2022/TT-BGTVT ngày 30/6/2022 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư trong lĩnh vực đăng kiểm;
- Thông tư số 17/2023/TT-BGTVT ngày 30/6/2023 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 40/2016/TT-BGTVT ngày 7/12/2016 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về đăng kiểm tàu biển Việt Nam và Thông tư số 51/2017/TT-BGTVT ngày 29/12/2017 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về đăng kiểm viên và nhân viên nghiệp vụ đăng kiểm tàu biển;
- Thông tư số 59/2025/TT-BXD ngày 29/12/2025 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư trong lĩnh vực hàng hải, đường thủy và đăng kiểm
- Thông tư số 199/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý lệ phí cấp giấy chứng nhận bảo đảm chất lượng, an toàn kỹ thuật đối với máy, thiết bị, phương tiện giao thông vận tải có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn;
- Thông tư số 234/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về giá dịch vụ kiểm định an toàn kỹ thuật và chất lượng tàu biển, công trình biển; Sản phẩm công nghiệp lắp đặt trên tàu biển, công trình biển; đánh giá, chứng nhận hệ thống quản lý an toàn và phê duyệt, kiểm tra, đánh giá, chứng nhận lao động hàng hải.

MẪU GIẤY ĐỀ NGHỊ THẨM ĐỊNH THIẾT KẾ
CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐỀ NGHỊ THẨM ĐỊNH THIẾT KẾ TÀU BIỂN

Số : Địa điểm : Ngày :

Kính gửi: Cục Đăng kiểm Việt Nam

Cơ sở thiết kế:

Địa chỉ:

Điện thoại: Fax: Email:

I/ Thiết kế đóng mới⁽¹⁾

Tên/ký hiệu thiết kế:

Các thông số chính của tàu:

Chiều dài ($L_{\max}/L$): (m)

Chiều rộng ($B_{\max}/B$): (m)

Chiều cao mạn (D): (m)

Chiều chìm thiết kế lớn nhất (d): (m)

Tổng dung tích (GT):

Trọng tải toàn phần (DW): (t)

Số lượng thuyền viên tối đa trên tàu: (người)

Số lượng hành khách/người khác tối đa trên tàu : (người)

Ký hiệu máy chính : Số lượng : (chiếc) ; Công suất : (kW)

Vật liệu thân tàu :

Kiểu và công dụng của tàu :

Loại hàng chuyên chở :

Tốc độ thiết kế của tàu :

Cấp thiết kế dự kiến :

Vùng hoạt động : Tuyến nội địa ; Tuyến quốc tế⁽²⁾

Chủ sử dụng thiết kế :

Nơi đóng :

II/ Thiết kế hoán cải/sửa đổi⁽²⁾

Tên tàu/kí hiệu thiết kế ban đầu:...../

Kí hiệu thiết kế mới (nếu có):

Số Phân cấp/Phân biệt⁽²⁾:..... Số IMO⁽²⁾:

Chủ tàu/Công ty tàu biển:.....

Nội dung đề nghị hoán cải/sửa đổi⁽²⁾:

.....

.....

.....

.....

.....

Vùng hoạt động sau hoán cải/sửa đổi⁽²⁾: Tuyến nội địa/Tuyến quốc tế⁽²⁾

Nơi thi công:

Người đề nghị
(Ký tên & đóng dấu)

Chú thích :

(1) Loại bỏ nếu không phù hợp

(2) Gạch bỏ nếu không phù hợp

MẪU GIẤY CHỨNG NHẬN THẨM ĐỊNH THIẾT KẾ TÀU BIỂN

CỤC ĐĂNG KIỂM VIỆT NAM



GIẤY CHỨNG NHẬN THẨM ĐỊNH THIẾT KẾ TÀU BIỂN

Số:

Cấp theo các quy định của Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia:

CỤC ĐĂNG KIỂM VIỆT NAM CHỨNG NHẬN:

Tên/ký hiệu thiết kế: /

Loại thiết kế:

Kiểu và công dụng của tàu:

Vật liệu thân tàu:

Chiều dài (L_{max}/L): (m); Tổng dung tích (GT)

Chiều rộng (B_{max}/B): (m); Trọng tải toàn phần (DW): (t)

Chiều cao mạn (D): (m); Số thuyền viên: (người)

Chiều chìm thiết kế (d): (m); Số hành khách/người khác:/(người)

Ký hiệu máy chính: Số lượng: (chiếc); Công suất: (kW)

Cấp tàu:

Vùng hoạt động:

Số thẩm định:

Công văn đề nghị thẩm định số: Ngày:

Cơ sở thiết kế:

Chủ sử dụng thiết kế:

Nơi đóng:

Đơn vị giám sát:

Những lưu ý:

.....

Cấp tại: Ngày:

CỤC ĐĂNG KIỂM VIỆT NAM

II. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH DO TRUNG ƯƠNG VÀ ĐỊA PHƯƠNG GIẢI QUYẾT

1. Cấp Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường cho phương tiện thủy nội địa

1.1. Trình tự thực hiện:

a) Nộp hồ sơ TTHC:

- Tổ chức, cá nhân gửi hồ sơ đề nghị đến đơn vị đăng kiểm (Chi cục Đăng kiểm trực thuộc Cục Đăng kiểm Việt Nam hoặc Đơn vị đăng kiểm thuộc Sở Xây dựng).

b) Giải quyết TTHC:

- Đơn vị đăng kiểm tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ, trường hợp hồ sơ không đầy đủ theo quy định thì hướng dẫn hoàn thiện ngay trong ngày làm việc (đối với trường hợp nộp trực tiếp) hoặc hướng dẫn hoàn thiện trong 01 (một) ngày làm việc (đối với trường hợp nộp hồ sơ qua hệ thống bưu chính hoặc qua cổng dịch vụ công trực tuyến hoặc hình thức phù hợp khác); nếu hồ sơ đầy đủ thì thông nhất thời gian, địa điểm kiểm tra.

- Đơn vị đăng kiểm tiến hành kiểm tra, trong thời hạn 01 (một) ngày làm việc, kể từ khi kết thúc kiểm tra tại hiện trường, đơn vị đăng kiểm cấp giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện thủy nội địa theo quy định nếu kết quả kiểm tra phương tiện thỏa mãn các quy định của quy chuẩn kỹ thuật quốc gia, tiêu chuẩn quốc gia; thông báo cho tổ chức, cá nhân đề nghị nếu kết quả kiểm tra không đạt yêu cầu.

- Tổ chức, cá nhân đề nghị kiểm tra phương tiện nộp giá dịch vụ, lệ phí theo quy định và có thể nhận kết quả trực tiếp tại đơn vị đăng kiểm hoặc qua hệ thống bưu chính hoặc qua cổng dịch vụ công trực tuyến hoặc các hình thức phù hợp khác.

1.2. Cách thức thực hiện:

- Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc gửi qua hệ thống bưu chính hoặc qua cổng dịch vụ công trực tuyến hoặc hình thức phù hợp khác.

1.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ:

- Đối với kiểm tra và cấp giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường cho phương tiện đóng mới, hoán cải, sửa chữa phục hồi (bao gồm các loại tàu thuyền không phải là phương tiện thủy nội địa chuyển đổi thành phương tiện thủy nội địa); phương tiện đã đóng không có sự giám sát của đăng kiểm (bao gồm tàu làm nhiệm vụ quốc phòng, an ninh, tàu cá chuyển đổi thành phương tiện thủy nội địa):

+ Giấy đề nghị kiểm tra theo mẫu quy định;

+ Bản sao giấy xóa đăng ký (đối với tàu biển, tàu cá chuyển đổi thành phương tiện thủy nội địa);

+ Văn bản chấp thuận sử dụng thiết kế của đơn vị thiết kế (đối với phương tiện đóng theo loạt).

- Đối với kiểm tra và cấp giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường cho phương tiện đang khai thác:

+ Giấy đề nghị kiểm tra theo mẫu quy định;

+ Bản sao có chứng thực hợp đồng mua bán phương tiện (đối với trường hợp thay đổi chủ sở hữu phương tiện).

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

1.4. Thời hạn giải quyết:

- 01 (một) ngày làm việc kể từ khi kết thúc kiểm tra tại hiện trường.

1.5. Đối tượng thực hiện TTHC:

- Tổ chức, cá nhân.

1.6. Cơ quan thực hiện TTHC:

- Cơ quan có thẩm quyền giải quyết: Chi cục Đăng kiểm trực thuộc Cục Đăng kiểm Việt Nam, Đơn vị đăng kiểm thuộc Sở Xây dựng;

- Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không có;

- Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Chi cục Đăng kiểm trực thuộc Cục Đăng kiểm Việt Nam, Đơn vị đăng kiểm thuộc Sở Xây dựng;

- Cơ quan phối hợp: Không có.

1.7. Kết quả của việc thực hiện TTHC:

- Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường cho phương tiện thủy nội địa.

1.8. Phí, lệ phí:

- Lệ phí: 50.000 đồng /01 giấy chứng nhận.

- Giá dịch vụ kiểm định an toàn kỹ thuật và chất lượng phương tiện thủy nội địa theo biểu giá ban hành kèm theo Thông tư số 237/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ Tài chính về việc quy định về giá kiểm định an toàn kỹ thuật và chất lượng phương tiện thủy nội địa.

1.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính; mẫu kết quả giải quyết TTHC:

- Giấy đề nghị kiểm tra.

- Mẫu Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường cho phương tiện thủy nội địa (Mẫu số III.01, Mẫu số III.02, Mẫu số III.03 ban hành theo Phụ lục III của Thông tư số 20/2022/TT-BGTVT ngày 29/7/2022 của Bộ trưởng Bộ GTVT).

1.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC:

Thỏa mãn các quy chuẩn, tiêu chuẩn tương ứng: Sửa đổi 1:2016 QCVN 01:2008/BGTVT, Sửa đổi 2:2016 QCVN 17:2011/BGTVT, QCVN 25:2015/BGTVT, QCVN50:2012/BGTVT, QCVN51:2012/BGTVT, QCVN 54:2013/BGTVT, QCVN56:2013/BGTVT, Sửa đổi 1:2015 QCVN 72:2013/BGTVT, QCVN 72:2014/BGTVT, QCVN 84:2014/BGTVT, QCVN 85:2014/BGTVT, QCVN 95:2015/BGTVT, QCVN 96:2016/BGTVT.

1.11. Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Thông tư số 48/2015/TT-BGTVT ngày 22/9/2015 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về đăng kiểm phương tiện thủy nội địa và các sửa đổi;

- Thông tư số 16/2023/TT-BGTVT ngày 30/6/2023 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư trong lĩnh vực đăng kiểm;

- Thông tư 20/2022/TT-BGTVT ngày 29/7/2022 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về các biểu mẫu giấy chứng nhận, sổ an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường cấp cho tàu biển, ụ nổi, kho chứa nổi, giàn di động, phương tiện thủy nội địa và sản phẩm công nghiệp sử dụng cho phương tiện thủy nội địa;

- Thông tư số 26/2024/TT-BGTVT ngày 02/7/2024 đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 20/2022/TT-BGTVT ngày 29/7/2022 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về các biểu mẫu giấy chứng nhận, sổ an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường cấp cho tàu biển, ụ nổi, kho chứa nổi, giàn di động, phương tiện thủy nội địa và sản phẩm công nghiệp sử dụng cho phương tiện thủy nội địa;

- Thông tư số 199/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý lệ phí cấp giấy chứng nhận bảo đảm chất lượng, an toàn kỹ thuật đối với máy, thiết bị, phương tiện giao thông vận tải có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn;

- Thông tư số 237/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về giá dịch vụ kiểm định an toàn kỹ thuật và chất lượng phương tiện thủy nội địa.

- Thông tư số 59/2025/TT-BXD ngày 29/12/2025 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư trong lĩnh vực hàng hải, đường thủy và đăng kiểm.

MẪU GIẤY ĐỀ NGHỊ KIỂM TRA PHƯƠNG TIỆN / SẢN PHẨM CÔNG NGHIỆP SỬ
DỤNG CHO PHƯƠNG TIỆN THỦY NỘI ĐỊA
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

....., ngày ... tháng... năm

**GIẤY ĐỀ NGHỊ KIỂM TRA PHƯƠNG TIỆN/SẢN PHẨM CÔNG NGHIỆP SỬ
DỤNG CHO PHƯƠNG TIỆN THỦY NỘI ĐỊA**

Kính gửi:

Tổ chức, cá nhân đề nghị:

Địa chỉ:

Số điện thoại: Số Fax:

Đề nghị Cơ quan Đăng kiểm kiểm tra và cấp giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường cho phương tiện thủy nội địa/ giấy chứng nhận chất lượng an toàn kỹ thuật sản phẩm công nghiệp sử dụng cho phương tiện sau:

Tên tàu/tên sản phẩm công nghiệp: /

Số thẩm định thiết kế:

Số ĐKHC/ Số Đăng kiểm (*):/

Nội dung kiểm tra:

Tên, địa chỉ cơ sở đóng tàu/nhà sản xuất (**):

Thời gian dự kiến kiểm tra:

Địa điểm kiểm tra:

Tên Tổ chức/cá nhân trả phí đăng kiểm:

Địa chỉ, số điện thoại, số fax:

Mã số thuế:

Nội dung khác (nếu có):

Chúng tôi đồng ý trả đầy đủ giá và lệ phí cấp giấy chứng nhận theo quy định hiện hành và xin cam đoan và chịu trách nhiệm về tính hợp lệ, hợp pháp của các nội dung nêu trên về hồ sơ thiết kế và tài liệu hướng dẫn, về tính hợp lệ, hợp pháp của các hồ sơ, tài liệu gửi kèm theo, đồng thời cam kết hồ sơ thiết kế phù hợp với quy chuẩn kỹ thuật quốc gia, tiêu chuẩn quốc gia mà phương tiện/sản phẩm công nghiệp áp dụng.

Đơn vị đề nghị

(Ký, ghi rõ họ tên & đóng dấu nếu có)

(*) Áp dụng cho phương tiện đang khai thác.

(**) Áp dụng cho kiểm tra sản phẩm công nghiệp sử dụng cho phương tiện.

2. Cấp giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường cho phương tiện nhập khẩu

2.1. Trình tự thực hiện:

a) Nộp hồ sơ TTHC:

- Tổ chức, cá nhân gửi hồ sơ đề nghị đến đơn vị đăng kiểm (Chi cục Đăng kiểm trực thuộc Cục Đăng kiểm Việt Nam hoặc Đơn vị đăng kiểm trực thuộc Sở GTVT).

b) Giải quyết TTHC:

- Đơn vị đăng kiểm tiếp nhận hồ sơ và xác nhận vào phiếu; trường hợp hồ sơ không đầy đủ theo quy định thì hướng dẫn hoàn thiện ngay trong ngày làm việc (đối với trường hợp nộp trực tiếp) hoặc hướng dẫn hoàn thiện trong 01 (một) ngày làm việc (đối với trường hợp nộp hồ sơ qua hệ thống bưu chính hoặc cổng dịch vụ công trực tuyến hoặc hình thức phù hợp khác); nếu hồ sơ đầy đủ thì thông nhất thời gian kiểm tra thực tế tại địa điểm do người nộp hồ sơ yêu cầu.

- Đơn vị đăng kiểm thực hiện kiểm tra như sau:

+ Đối với phương tiện nhập khẩu đã được tổ chức đăng kiểm nước ngoài kiểm tra, chứng nhận an toàn kỹ thuật: tiến hành kiểm tra thực tế để xác nhận tình trạng kỹ thuật của phương tiện phù hợp với hồ sơ chứng nhận của tổ chức đăng kiểm nước ngoài cấp cho phương tiện và hồ sơ thiết kế được thẩm định;

+ Đối với phương tiện nhập khẩu chưa được tổ chức đăng kiểm nước ngoài kiểm tra và cấp giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật: tiến hành kiểm tra thực tế phương tiện với loại hình kiểm tra lần đầu phù hợp với hồ sơ thiết kế được thẩm định;

+ Đối với mô tô nước: tiến hành kiểm tra thực tế phương tiện ở trạng thái hoạt động phù hợp với tài liệu hướng dẫn vận hành.

- Trong thời hạn 01 (một) ngày làm việc, kể từ khi kết thúc kiểm tra tại hiện trường, đơn vị đăng kiểm cấp giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện thủy nội địa theo quy định nếu kết quả kiểm tra phương tiện thỏa mãn các quy định của quy chuẩn kỹ thuật quốc gia, tiêu chuẩn quốc gia; thông báo cho tổ chức, cá nhân đề nghị nếu kết quả kiểm tra không đạt yêu cầu.

- Tổ chức, cá nhân đề nghị kiểm tra phương tiện nhập khẩu nộp giá dịch vụ, lệ phí theo quy định và có thể nhận kết quả trực tiếp tại đơn vị đăng kiểm hoặc qua hệ thống bưu chính hoặc hình thức phù hợp khác.

2.2. Cách thức thực hiện:

- Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc gửi qua hệ thống bưu chính hoặc qua cổng dịch vụ công trực tuyến hoặc hình thức phù hợp khác.

2.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ:

- 01 (một) bản chính hoặc biểu mẫu điện tử Giấy đề nghị kiểm tra theo mẫu quy định;

- Bản sao có xác nhận của đơn vị nhập khẩu hoặc bản sao điện tử có giá trị pháp lý hồ sơ xác định tuổi của phương tiện (thể hiện trên hồ sơ đăng kiểm hoặc trên giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa (CO) do cơ quan quản lý quốc gia hoặc tổ chức được cơ quan quản lý quốc gia ủy quyền hoặc phòng thương mại quốc tế hoặc các hồ sơ khác do cơ quan quản lý của quốc gia mà phương tiện được đóng đã cấp cho phương tiện);

- Các tài liệu theo quy định của pháp luật kiểm tra chuyên ngành đối với hàng hóa nhập khẩu và hồ sơ kỹ thuật của phương tiện nhập khẩu. Hồ sơ kỹ thuật của phương tiện nhập khẩu quy định như sau:

+ Đối với phương tiện nhập khẩu đã được tổ chức đăng kiểm nước ngoài kiểm tra, chứng nhận an toàn kỹ thuật: tài liệu kỹ thuật liên quan đến phương tiện (nếu có), hồ sơ chứng nhận do tổ chức đăng kiểm nước ngoài cấp cho phương tiện (bản sao có xác nhận của đơn vị nhập khẩu);

+ Đối với phương tiện nhập khẩu chưa được tổ chức đăng kiểm nước ngoài kiểm tra và cấp giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật: bản sao có xác nhận của đơn vị nhập khẩu các tài liệu kỹ thuật liên quan đến phương tiện (nếu có);

+ Đối với mô tô nước: bản sao có xác nhận của đơn vị nhập khẩu tài liệu hướng dẫn vận hành và bản sao các tài liệu kỹ thuật khác (nếu có).

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

2.4. Thời hạn giải quyết:

- 01 (một) ngày làm việc, kể từ khi kết thúc kiểm tra tại hiện trường.

2.5. Đối tượng thực hiện TTHC:

- Tổ chức, cá nhân.

2.6. Cơ quan thực hiện TTHC:

- Cơ quan có thẩm quyền giải quyết: Chi cục Đăng kiểm trực thuộc Cục Đăng kiểm Việt Nam; Đơn vị đăng kiểm trực thuộc Sở Xây dựng;

- Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không có;

- Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Chi cục Đăng kiểm trực thuộc Cục Đăng kiểm Việt Nam; Đơn vị đăng kiểm trực thuộc Sở Xây dựng;

- Cơ quan phối hợp: Không có.

2.7. Kết quả của việc thực hiện TTHC:

- Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện thủy nội địa.

2.8. Phí, lệ phí:

- Lệ phí: 50.000 đồng /01 giấy chứng nhận.

- Giá: Tính theo biểu giá ban hành kèm theo Thông tư số 237/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ Tài chính về việc quy định về giá kiểm định an toàn kỹ thuật và chất lượng phương tiện thủy nội địa.

2.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính; mẫu kết quả giải quyết TTHC:

- Giấy đề nghị kiểm tra.

- Mẫu Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện thủy nội địa (Mẫu số III.01, Mẫu số III.02, Mẫu số III.03 ban hành theo Phụ lục III của Thông tư số 20/2022/TT-BGTVT ngày 29/7/2022 của Bộ trưởng Bộ GTVT)

2.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC:

Thỏa mãn các quy chuẩn, tiêu chuẩn tương ứng: Sửa đổi 1:2016 QCVN 01:2008/BGTVT, Sửa đổi 2:2016 QCVN 17:2011/BGTVT, QCVN 25:2015/BGTVT, QCVN50:2012/BGTVT, QCVN51:2012/BGTVT, QCVN 54:2013/BGTVT, QCVN56:2013/BGTVT, Sửa đổi 1:2015 QCVN 72:2013/BGTVT, QCVN 72:2014/BGTVT, QCVN 84:2014/BGTVT, QCVN 85:2014/BGTVT, QCVN 95:2015/BGTVT, QCVN 96:2016/BGTVT.

2.11. Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Thông tư số 48/2015/TT-BGTVT ngày 22/9/2015 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về đăng kiểm phương tiện thủy nội địa và các sửa đổi;

- Thông tư số 16/2023/TT-BGTVT ngày 30/6/2023 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư trong lĩnh vực đăng kiểm;

- Thông tư 20/2022/TT-BGTVT ngày 29/7/2022 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về các biểu mẫu giấy chứng nhận, sổ an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường cấp cho tàu biển, ụ nổi, kho chứa nổi, giàn di động, phương tiện thủy nội địa và sản phẩm công nghiệp sử dụng cho phương tiện thủy nội địa;

- Thông tư số 26/2024/TT-BGTVT ngày 02/7/2024 đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 20/2022/TT-BGTVT ngày 29/7/2022 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về các biểu mẫu giấy chứng nhận, sổ an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường cấp cho tàu biển, ụ nổi, kho chứa nổi, giàn di động, phương tiện thủy nội địa và sản phẩm công nghiệp sử dụng cho phương tiện thủy nội địa;

- Thông tư số 199/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý lệ phí cấp giấy chứng nhận bảo đảm chất lượng,

an toàn kỹ thuật đối với máy, thiết bị, phương tiện giao thông vận tải có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn;

- Thông tư số 237/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về giá dịch vụ kiểm định an toàn kỹ thuật và chất lượng phương tiện thủy nội địa.

- Thông tư số 59/2025/TT-BXD ngày 29/12/2025 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư trong lĩnh vực hàng hải, đường thủy và đăng kiểm

MẪU GIẤY ĐỀ NGHỊ KIỂM TRA PHƯƠNG TIỆN / SẢN PHẨM CÔNG NGHIỆP SỬ
DỤNG CHO PHƯƠNG TIỆN THỦY NỘI ĐỊA
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: , ngày ... tháng ... năm

**GIẤY ĐỀ NGHỊ KIỂM TRA PHƯƠNG TIỆN/SẢN PHẨM CÔNG NGHIỆP SỬ
DỤNG CHO PHƯƠNG TIỆN THỦY NỘI ĐỊA**

Kính gửi:

Tổ chức, cá nhân đề nghị:

Địa chỉ:

Số điện thoại: Số Fax:

Đề nghị Cơ quan Đăng kiểm kiểm tra và cấp giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường cho phương tiện thủy nội địa/ giấy chứng nhận chất lượng an toàn kỹ thuật sản phẩm công nghiệp sử dụng cho phương tiện sau:

Tên tàu/tên sản phẩm công nghiệp: /

Số thẩm định thiết kế:

Số ĐKHC/ Số Đăng kiểm (*): /

Nội dung kiểm tra:

Tên, địa chỉ cơ sở đóng tàu/nhà sản xuất (**):

Thời gian dự kiến kiểm tra:

Địa điểm kiểm tra:

Tên Tổ chức/cá nhân trả phí đăng kiểm:

Địa chỉ, số điện thoại, số fax:

Mã số thuế:

Nội dung khác (nếu có):

Chúng tôi đồng ý trả đầy đủ giá và lệ phí cấp giấy chứng nhận theo quy định hiện hành và xin cam đoan và chịu trách nhiệm về tính hợp lệ, hợp pháp của các nội dung nêu trên về hồ sơ thiết kế và tài liệu hướng dẫn, về tính hợp lệ, hợp pháp của các hồ sơ, tài liệu gửi kèm theo, đồng thời cam kết hồ sơ thiết kế phù hợp với quy chuẩn kỹ thuật quốc gia, tiêu chuẩn quốc gia mà phương tiện/sản phẩm công nghiệp áp dụng.

Đơn vị đề nghị

(Ký, ghi rõ họ tên & đóng dấu nếu có)

(*) Áp dụng cho phương tiện đang khai thác.

(**) Áp dụng cho kiểm tra sản phẩm công nghiệp sử dụng cho phương tiện.

3. Cấp giấy chứng nhận sản phẩm công nghiệp sử dụng cho phương tiện thủy nội địa

3.1. Trình tự thực hiện:

a) Nộp hồ sơ TTHC:

- Tổ chức, cá nhân gửi hồ sơ đề nghị đến đơn vị đăng kiểm (Chi cục Đăng kiểm trực thuộc Cục Đăng kiểm Việt Nam hoặc Đơn vị đăng kiểm trực thuộc Sở GTVT).

b) Giải quyết TTHC:

- Đơn vị đăng kiểm tiếp nhận hồ sơ, kiểm tra thành phần hồ sơ, trong trường hợp sản phẩm công nghiệp nhập khẩu thì xác nhận vào phiếu: nếu hồ sơ không đầy đủ thì ngay trong ngày làm việc hướng dẫn tổ chức, cá nhân hoàn thiện (đối với trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp) hoặc trong 01 (một) ngày làm việc hướng dẫn hoàn thiện, kể từ ngày nhận được hồ sơ (đối với trường hợp nộp hồ sơ qua hệ thống bưu chính hoặc qua cổng dịch vụ công trực tuyến hoặc hình thức phù hợp khác); nếu hồ sơ đầy đủ thì thống nhất thời gian kiểm tra thực tế tại địa điểm do người nộp hồ sơ yêu cầu.

- Đơn vị đăng kiểm tiến hành kiểm tra thực tế tại địa điểm do người nộp hồ sơ yêu cầu. Kể từ khi kết thúc kiểm tra tại hiện trường, trong thời hạn 01 (một) ngày làm việc, đơn vị đăng kiểm cấp giấy chứng nhận sản phẩm công nghiệp sử dụng cho phương tiện thủy nội địa theo quy định nếu kết quả kiểm tra thỏa mãn các quy định của quy chuẩn kỹ thuật quốc gia hoặc thông báo cho tổ chức, cá nhân đề nghị nếu kết quả kiểm tra không đạt yêu cầu.

- Tổ chức, cá nhân đề nghị kiểm tra sản phẩm công nghiệp nộp giá dịch vụ, lệ phí theo quy định và nhận kết quả trực tiếp tại đơn vị đăng kiểm hoặc qua hệ thống bưu chính hoặc qua cổng dịch vụ công trực tuyến hoặc hình thức phù hợp khác.

3.2. Cách thức thực hiện:

- Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc gửi qua hệ thống bưu chính hoặc qua cổng dịch vụ công trực tuyến hoặc hình thức phù hợp khác.

3.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ:

- 01 (một) bản chính hoặc biểu mẫu điện tử giấy đề nghị theo mẫu quy định;
- Các tài liệu theo quy định của pháp luật kiểm tra chuyên ngành đối với hàng hóa nhập khẩu;

- 01 (một) bản sao hoặc bản sao điện tử bộ hồ sơ kỹ thuật bao gồm thông số kỹ thuật, các báo cáo kiểm tra thử sản phẩm công nghiệp (nếu có).

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

3.4. Thời hạn giải quyết:

- 01 (một) ngày làm việc, kể từ khi kết thúc kiểm tra tại hiện trường.

3.5. Đối tượng thực hiện TTHC:

- Tổ chức, cá nhân.

3.6. Cơ quan thực hiện TTHC:

- Cơ quan có thẩm quyền giải quyết: Chi cục Đăng kiểm trực thuộc Cục Đăng kiểm Việt Nam; Đơn vị đăng kiểm trực thuộc Sở Giao thông vận tải;
- Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không có;
- Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Chi cục Đăng kiểm trực thuộc Cục Đăng kiểm Việt Nam; Đơn vị đăng kiểm trực thuộc Sở Giao thông vận tải;
- Cơ quan phối hợp: Không có.

3.7. Kết quả của việc thực hiện TTHC:

- Giấy chứng nhận sản phẩm công nghiệp sử dụng cho các phương tiện thủy nội địa.

3.8. Phí, lệ phí:

- Lệ phí: 50.000 đồng /01 giấy chứng nhận.
- Giá: Tính theo biểu giá ban hành kèm theo Thông tư số 237/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ Tài chính về việc quy định về giá kiểm định an toàn kỹ thuật và chất lượng phương tiện thủy nội địa.

3.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính; mẫu kết quả giải quyết TTHC:

- Giấy đề nghị kiểm tra.
- Mẫu Giấy chứng nhận sản phẩm công nghiệp sử dụng cho các phương tiện thủy nội địa (Mẫu số IV.01, IV.03, IV.04 ban hành theo Phụ lục IV của Thông tư số 20/2022/TT-BGTVT ngày 29/7/2022 của Bộ trưởng Bộ GTVT)

3.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC:

Thỏa mãn các quy chuẩn, tiêu chuẩn tương ứng: Sửa đổi 1:2016 QCVN 01:2008/BGTVT, Sửa đổi 2:2016 QCVN 17:2011/BGTVT, QCVN 25:2015/BGTVT, QCVN50:2012/BGTVT, QCVN51:2012/BGTVT, QCVN 54:2013/BGTVT, QCVN56:2013/BGTVT, Sửa đổi 1:2015 QCVN 72:2013/BGTVT, QCVN 72:2014/BGTVT, QCVN 84:2014/BGTVT, QCVN 85:2014/BGTVT, QCVN 95:2015/BGTVT, QCVN 96:2016/BGTVT.

3.11. Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Thông tư số 48/2015/TT-BGTVT ngày 22/9/2015 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về đăng kiểm phương tiện thủy nội địa và các sửa đổi;

- Thông tư số 16/2023/TT-BGTVT ngày 30/6/2023 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư trong lĩnh vực đăng kiểm;

- Thông tư 20/2022/TT-BGTVT ngày 29/7/2022 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về các biểu mẫu giấy chứng nhận, sổ an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường cấp cho tàu biển, ụ nổi, kho chứa nổi, giàn di động, phương tiện thủy nội địa và sản phẩm công nghiệp sử dụng cho phương tiện thủy nội địa;

- Thông tư số 26/2024/TT-BGTVT ngày 02/7/2024 đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 20/2022/TT-BGTVT ngày 29/7/2022 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về các biểu mẫu giấy chứng nhận, sổ an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường cấp cho tàu biển, ụ nổi, kho chứa nổi, giàn di động, phương tiện thủy nội địa và sản phẩm công nghiệp sử dụng cho phương tiện thủy nội địa;

- Thông tư số 199/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý lệ phí cấp giấy chứng nhận bảo đảm chất lượng, an toàn kỹ thuật đối với máy, thiết bị, phương tiện giao thông vận tải có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn;

- Thông tư số 237/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về giá dịch vụ kiểm định an toàn kỹ thuật và chất lượng phương tiện thủy nội địa.

- Thông tư số 59/2025/TT-BXD ngày 29/12/2025 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư trong lĩnh vực hàng hải, đường thủy và đăng kiểm.

MẪU GIẤY ĐỀ NGHỊ KIỂM TRA PHƯƠNG TIỆN / SẢN PHẨM CÔNG NGHIỆP SỬ
DỤNG CHO PHƯƠNG TIỆN THỦY NỘI ĐỊA
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

....., ngày ... tháng... năm

**GIẤY ĐỀ NGHỊ KIỂM TRA PHƯƠNG TIỆN/SẢN PHẨM CÔNG NGHIỆP SỬ
DỤNG CHO PHƯƠNG TIỆN THỦY NỘI ĐỊA**

Kính gửi:

Tổ chức, cá nhân đề nghị:

Địa chỉ:

Số điện thoại: Số Fax:

Đề nghị Cơ quan Đăng kiểm kiểm tra và cấp giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường cho phương tiện thủy nội địa/ giấy chứng nhận chất lượng an toàn kỹ thuật sản phẩm công nghiệp sử dụng cho phương tiện sau:

Tên tàu/tên sản phẩm công nghiệp: /

Số thẩm định thiết kế:

Số ĐKHC/ Số Đăng kiểm (*):/

Nội dung kiểm tra:

Tên, địa chỉ cơ sở đóng tàu/nhà sản xuất (**):

Thời gian dự kiến kiểm tra:

Địa điểm kiểm tra:

Tên Tổ chức/cá nhân trả phí đăng kiểm:

Địa chỉ, số điện thoại, số fax:

Mã số thuế:

Nội dung khác (nếu có):

Chúng tôi đồng ý trả đầy đủ giá và lệ phí cấp giấy chứng nhận theo quy định hiện hành và xin cam đoan và chịu trách nhiệm về tính hợp lệ, hợp pháp của các nội dung nêu trên về hồ sơ thiết kế và tài liệu hướng dẫn, về tính hợp lệ, hợp pháp của các hồ sơ, tài liệu gửi kèm theo, đồng thời cam kết hồ sơ thiết kế phù hợp với quy chuẩn kỹ thuật quốc gia, tiêu chuẩn quốc gia mà phương tiện/sản phẩm công nghiệp áp dụng.

Đơn vị đề nghị

(Ký, ghi rõ họ tên & đóng dấu nếu có)

(*) Áp dụng cho phương tiện đang khai thác.

(**) Áp dụng cho kiểm tra sản phẩm công nghiệp sử dụng cho phương tiện.

4. Cấp giấy chứng nhận thợ hàn

4.1. Trình tự thực hiện:

a) Nộp hồ sơ TTHC: Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ đến Chi cục Đăng kiểm.

b) Giải quyết TTHC:

- Chi cục Đăng kiểm tiếp nhận hồ sơ, kiểm tra thành phần hồ sơ: nếu hồ sơ không đầy đủ thì ngay trong ngày làm việc hướng dẫn tổ chức, cá nhân để hoàn thiện hồ sơ (trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua cổng dịch vụ công trực tuyến) hoặc hướng dẫn hoàn thiện trong 02 (hai) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ (trường hợp nộp hồ sơ qua hệ thống bưu chính và hình thức phù hợp khác); nếu hồ sơ đầy đủ thì thông nhất thời gian kiểm tra tay nghề thực tế.

- Sau khi kiểm tra tay nghề thực tế, nếu kết quả kiểm tra tay nghề đạt yêu cầu, Chi cục Đăng kiểm cấp Giấy chứng nhận theo quy định trong thời hạn 02 (hai) ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc kiểm tra tay nghề thực tế.

- Tổ chức, cá nhân nhận kết quả trực tiếp tại Chi cục Đăng kiểm hoặc qua hệ thống bưu chính hoặc cổng dịch vụ công trực tuyến hoặc hình thức phù hợp khác.

4.2. Cách thức thực hiện:

- Gửi trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu chính hoặc qua cổng dịch vụ công trực tuyến hoặc bằng hình thức phù hợp khác.

4.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ:

- 01 (một) bản chính hoặc biểu mẫu điện tử giấy đề nghị theo mẫu.

- 01 (một) ảnh màu cỡ 3 x 4 cm của người đề nghị được cấp giấy chứng nhận thợ hàn chụp trong thời gian không quá 06 tháng (mặt sau của ảnh có ghi họ, tên và ngày, tháng, năm sinh).

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

4.4. Thời hạn giải quyết:

- Trong thời hạn 02 (hai) ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc kiểm tra tay nghề thực tế.

4.5. Đối tượng thực hiện TTHC:

Tổ chức, cá nhân.

4.6. Cơ quan thực hiện TTHC:

- Cơ quan có thẩm quyền giải quyết: Chi cục Đăng kiểm.

- Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không có;

- Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Chi cục Đăng kiểm.

- Cơ quan phối hợp: Không có.

4.7. Kết quả của việc thực hiện TTHC:

- Giấy chứng nhận thợ hàn.

4.8. Phí, lệ phí:

- Phí, lệ phí: Không có.
- Giá kiểm tra chứng nhận tay nghề thợ hàn tính theo Thông tư số 234/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

4.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính; mẫu kết quả giải quyết TTHC:

- Đề nghị cấp giấy chứng nhận thợ hàn.
- Giấy chứng nhận thợ hàn.

4.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC:

Thợ hàn được cấp giấy chứng nhận phải thỏa mãn quy định của các quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về phân cấp và đóng tàu biển.

4.11. Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Thông tư số 40/2016/TT-BGTVT ngày 07/12/2016 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về đăng kiểm tàu biển.
- Thông tư số 16/2022/TT-BGTVT ngày 30/6/2022 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư trong lĩnh vực đăng kiểm.
- Thông tư số 17/2023/TT-BGTVT ngày 30/6/2023 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 40/2016/TT-BGTVT ngày 7/12/2016 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về đăng kiểm tàu biển Việt Nam và Thông tư số 51/2017/TT-BGTVT ngày 29/12/2017 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về đăng kiểm viên và nhân viên nghiệp vụ đăng kiểm tàu biển.
- Thông tư số 234/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về giá dịch vụ kiểm định an toàn kỹ thuật và chất lượng tàu biển, công trình biển; sản phẩm công nghiệp lắp đặt trên tàu biển, công trình biển; đánh giá, chứng nhận hệ thống quản lý an toàn và phê duyệt, kiểm tra, đánh giá, chứng nhận lao động hàng hải.
- Thông tư số 59/2025/TT-BXD ngày 29/12/2025 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư trong lĩnh vực hàng hải, đường thủy và đăng kiểm

MẪU ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN THỢ HÀN
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN THỢ HÀN

Số

Địa điểm

Ngày

Kính gửi:

Tổ chức/cá nhân đề nghị:

.....

Địa chỉ:

.....

Điện thoại:Fax: Email:

Đề nghị cấp giấy chứng nhận thợ hàn theo quy định của quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về phân cấp và đóng tàu biển cho những người có tên sau đây:

TT	Họ và tên	Mã số thợ hàn (nếu có)	Số điện thoại/Email	Đơn vị công tác (nếu có)

Thời gian và địa điểm dự kiến kiểm tra tay nghề:

.....

.....

.....

01 ảnh màu cỡ 4 x 6 cm của mỗi người có tên trên được gửi kèm theo đề nghị này.

Người đề nghị
 (Ký tên và đóng dấu)

MẪU GIẤY CHỨNG NHẬN CÔNG NHẬN THỢ HÀN



CỤC ĐĂNG KIỂM VIỆT NAM
VIETNAM REGISTER

WQC 1/2

GIẤY CHỨNG NHẬN CÔNG NHẬN THỢ HÀN
CERTIFICATE OF WELDER'S QUALIFICATION APPROVAL

CỤC ĐĂNG KIỂM VIỆT NAM CHỨNG NHẬN thợ hàn sau đây đã được kiểm tra và thử phù hợp với:

VIETNAM REGISTER CERTIFIES THAT the following welder have been inspected and tested are found in compliance with the

Tên thợ hàn:

Welder's name

Năm, nơi sinh:

Date, Place of Birth

Mã số thợ hàn:

Welder's ID

Nơi công tác:

Employer

ẢNH MÀU
3X4

đã được kiểm tra và đạt trình độ
QCVN)

Loại:..... /Bậc:...../Cấp:(theo

has been qualified and permitted for carrying out:

Tiêu chuẩn công nhận/Approval Standards:

Giấy chứng nhận này có hiệu lực đến ngày:

This Certificate is valid until:

Cấp tại:
Issued at

Ngày:
Date

CỤC ĐĂNG KIỂM VIỆT NAM
VIETNAM REGISTER

5. Cấp Giấy chứng nhận chất lượng an toàn kỹ thuật cho thiết bị xếp dỡ, nôi hơi và thiết bị áp lực đang khai thác sử dụng trong giao thông vận tải

5.1. Trình tự thực hiện:

a) Nộp hồ sơ TTHC:

- Tổ chức, cá nhân lập 01 bộ hồ sơ đến Tổ chức kiểm định *(là tổ chức được cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định kỹ thuật an toàn lao động theo quy định tại Nghị định số 44/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật An toàn, vệ sinh lao động về hoạt động kiểm định kỹ thuật an toàn lao động, huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động và quan trắc môi trường lao động và Nghị định số 140/2018/NĐ-CP ngày 08/10/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung các Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh và thủ tục hành chính thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Lao động - Thương binh và xã hội)*;

b) Giải quyết TTHC:

- Tổ chức kiểm định tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ: Nếu hồ sơ không đầy đủ theo quy định thì hướng dẫn hoàn thiện ngay trong ngày làm việc (đối với trường hợp nộp trực tiếp) hoặc hướng dẫn hoàn thiện trong 02 (hai) ngày làm việc (đối với trường hợp nộp hồ sơ qua hệ thống bưu chính hoặc qua cổng dịch vụ công); nếu hồ sơ đầy đủ theo quy định thì xác nhận và thông báo với tổ chức, cá nhân về thời gian và địa điểm kiểm định;

- Tổ chức kiểm định tiến hành kiểm định tại địa điểm đã được thông nhất: Nếu không đạt thì lập biên bản kiểm định ghi rõ lý do thiết bị không đạt yêu cầu kiểm định và thông báo tới tổ chức, cá nhân; nếu đạt thì dán Tem kiểm định và cấp Giấy chứng nhận kết quả kiểm định;

- Giấy chứng nhận được cấp trong thời hạn không quá 02 (hai) ngày làm việc, kể từ ngày hoàn thành kiểm định theo quy định.

- Tổ chức, cá nhân nhận kết quả trực tiếp tại Tổ chức kiểm định hoặc qua hệ thống bưu chính hoặc qua cổng dịch vụ công.

5.2. Cách thức thực hiện:

Nộp trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu chính hoặc qua cổng dịch vụ công.

5.3. Thành phần hồ sơ:

- 01 (một) bản chính hoặc bản khai biểu mẫu điện tử Giấy đề nghị kiểm định theo mẫu

- 01 (một) bản sao điện tử (đối với trường hợp nộp qua cổng dịch vụ công) hoặc 01 (một) bản sao (đối với trường hợp nộp trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu chính) Giấy chứng nhận chất lượng an toàn kỹ thuật thiết bị nhập khẩu hoặc Giấy chứng nhận chất lượng an toàn kỹ thuật thiết bị sản xuất, hoàn cải hoặc Giấy chứng nhận kết quả kiểm định của lần kiểm định trước. Đối với những thiết bị đang sử dụng trước ngày Thông tư này có hiệu lực mà không có các giấy tờ nêu trên thì nộp tài liệu kỹ thuật hoặc hồ sơ kỹ thuật của thiết bị được cơ sở thiết kế lập.

5.4. Thời hạn giải quyết:

- Thời hạn xác nhận và thông báo với tổ chức, cá nhân về thời gian và địa điểm kiểm định: nếu hồ sơ đầy đủ theo quy định;

- Thời hạn cấp Giấy chứng nhận: trong thời hạn không quá 02 (hai) ngày làm việc, kể từ ngày hoàn thành kiểm định theo quy định.

5.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:

Tổ chức, cá nhân.

5.6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền giải quyết: Tổ chức kiểm định;
- Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không có;
- Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức kiểm định;
- Cơ quan phối hợp: Không có.

5.7. Kết quả của việc thực hiện thủ tục hành chính:

- Trường hợp đạt: Tem kiểm định và cấp Giấy chứng nhận kết quả kiểm định.
- Trường hợp không đạt: Lập biên bản kiểm định ghi rõ lý do thiết bị không đạt yêu cầu kiểm định.

5.8. Giá, lệ phí:

- Lệ phí cấp giấy chứng nhận: 50 000 (đồng/giấy);
- Mức thu giá dịch vụ, lệ phí theo quy định của Bộ Tài chính và thanh toán giá dịch vụ, nộp lệ phí theo quy định cho cơ quan cấp Giấy chứng nhận.

5.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính; mẫu kết quả giải quyết TTHC:

- Giấy đề nghị kiểm tra, kiểm định.
- Giấy chứng nhận kết quả kiểm định.
- Tem kiểm định.

5.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

Thỏa mãn các quy định, tiêu chuẩn tương ứng: QCVN 22:2018/BGTVT; QCVN 67:2018/BGTVT.

5.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật số 78/2025/QH15 – Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa số 05/2007/QH12, đã được sửa đổi, bổ sung theo Luật số 35/2018/QH14;
- Nghị định số 132/2008/NĐ-CP ngày 31/12/2008 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa;
- Nghị định số 74/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 132/2008/NĐ-CP;
- Nghị định số 154/2018/NĐ-CP ngày 09/11/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số quy định về điều kiện đầu tư, kinh doanh trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ và một số quy định về kiểm tra chuyên ngành.
- Thông tư số 21/2023/TT-BGTVT ngày 30/6/2023 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 35/2011/TT-BGTVT ngày 06/5/2011 của

Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về thủ tục cấp Giấy chứng nhận chất lượng an toàn kỹ thuật đối với thiết bị xếp dỡ, nồi hơi, thiết bị áp lực sử dụng trong giao thông vận tải.

- Thông tư số 199/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý lệ phí cấp giấy chứng nhận bảo đảm chất lượng, an toàn kỹ thuật đối với máy, thiết bị, phương tiện giao thông vận tải có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn.

- Thông tư số 59/2025/TT-BXD ngày 29/12/2025 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư trong lĩnh vực hàng hải, đường thủy và đăng kiểm

MẪU GIẤY ĐỀ NGHỊ KIỂM ĐỊNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY ĐỀ NGHỊ KIỂM ĐỊNH

Kính gửi:

Tổ chức/Cá nhân:

Địa chỉ:

Điện thoại: Fax:

Đề nghị kiểm tra/kiểm định thiết bị (*):

.....

.....

.....

Hồ sơ gửi kèm:

Thời gian và địa điểm kiểm tra/kiểm định dự kiến (*):

....., ngày tháng năm

TỔ CHỨC / CÁ NHÂN

(*) *Gạch bỏ nếu không phù hợp.*

MẪU GIẤY CHỨNG NHẬN KẾT QUẢ KIỂM ĐỊNH VÀ TEM KIỂM ĐỊNH

**GIẤY CHỨNG NHẬN KẾT QUẢ KIỂM ĐỊNH VÀ TEM KIỂM ĐỊNH
(MẶT TRƯỚC)**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG NHẬN KẾT QUẢ KIỂM ĐỊNH

N₀: (Số seri)

(MẶT SAU)

TÊN TỔ CHỨC KIỂM ĐỊNH

Địa chỉ:

Điện thoại: Số đăng ký chứng nhận:...(1)...

I. TỔ CHỨC, CÁ NHÂN SỬ DỤNG

Tên tổ chức, cá nhân sử dụng:

Địa chỉ:

II. ĐỐI TƯỢNG KIỂM ĐỊNH

Tên đối tượng kiểm định:

Mã hiệu:Số chế tạo:

Nhà sản xuất/nước sản xuất:

Năm chế tạo:

Đặc tính, thông số kỹ thuật:

.....

.....

.....

Địa điểm lắp đặt:

Đã được kiểm định (lần đầu, định kỳ, bất thường) đạt yêu cầu theo biên bản kiểm định số ngày tháng ... năm(*)

Tem kiểm định số:

Giấy chứng nhận kết quả kiểm định có hiệu lực đến ngày:

....., ngày tháng năm

GIÁM ĐỐC

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

(*) Với điều kiện tổ chức, cá nhân sử dụng phải tuân thủ các quy định về sử dụng và bảo quản tại quy chuẩn kỹ thuật và quy định của nhà sản xuất

(Giấy chứng nhận có kích thước khổ A5)

(1) Số đăng ký chứng nhận của Tổ chức kiểm định do cơ quan có thẩm quyền cấp.

TEM KIỂM ĐỊNH

TÊN TỔ CHỨC KIỂM ĐỊNH Mã số tổ chức kiểm định: Địa chỉ/Số điện thoại:	TEM KIỂM ĐỊNH Số seri:	A
	Tên đối tượng: Mã hiệu: Ngày kiểm định: ngày tháng năm 20.... Có hiệu lực đến: ngày tháng năm 20....	
C	B	

Chú thích:

1. Ngày kiểm định: ghi ngày, tháng, năm kiểm định (ví dụ: ngày 01 tháng 05 năm 2023).
2. Có hiệu lực đến ngày: ghi ngày, tháng, năm hết hiệu lực của tem kiểm định (ví dụ: ngày 01 tháng 05 năm 2024).
3. Số seri: là các số tự nhiên kế tiếp nhau để quản lý và theo dõi, số màu đỏ.
4. Nền tem màu vàng, viền màu xanh, có chi tiết, hoa văn có thể do đơn vị kiểm định tự chọn).
5. Màu chữ: “Tên đơn vị kiểm định”: màu đỏ; các chữ còn lại: màu đen.
6. Kích thước của tem:
 - $B = 5/6 A$;
 - $C = 1/5 B$.

6. Kiểm định, cấp hồ sơ đăng kiểm cho tàu biển

6.1. Trình tự thực hiện:

a) Nộp hồ sơ TTHC:

Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ đến Chi cục Đăng kiểm.

b) Giải quyết TTHC:

- Chi cục Đăng kiểm tiếp nhận hồ sơ, kiểm tra thành phần hồ sơ: nếu hồ sơ không đầy đủ thì ngay trong ngày làm việc hướng dẫn tổ chức, cá nhân để hoàn thiện hồ sơ (trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua cổng dịch vụ công trực tuyến) hoặc hướng dẫn hoàn thiện trong 02 (hai) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ (trường hợp nộp hồ sơ qua hệ thống bưu chính và hình thức phù hợp khác); nếu hồ sơ đầy đủ, trong thời hạn không quá 04 (bốn) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, thống nhất với người nộp hồ sơ về thời gian kiểm tra thực tế tại địa điểm do người nộp hồ sơ yêu cầu.

- Sau khi tiến hành kiểm định tàu biển, nếu kết quả kiểm định đạt yêu cầu thì cấp hồ sơ đăng kiểm cho tàu biển trong thời hạn 02 (hai) ngày làm việc, kể từ khi hoàn thành kiểm định lần đầu, định kỳ và trong thời hạn 01 (một) ngày làm việc, kể từ khi hoàn thành kiểm định hàng năm, trên đà, trung gian, bất thường. Nếu kết quả kiểm định không đạt thì thông báo bằng văn bản cho tổ chức, cá nhân.

- Trường hợp tàu biển nhập khẩu, Chi cục Đăng kiểm cấp văn bản xác nhận trạng thái kỹ thuật tàu biển sau khi hoàn thành kiểm định lần đầu đạt yêu cầu.

6.2. Cách thức thực hiện:

- Nộp hồ sơ trực tiếp; hoặc
- Qua hệ thống bưu chính; hoặc
- Qua cổng dịch vụ công trực tuyến; hoặc
- Hình thức phù hợp khác.

6.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ: 01 (một) bản chính hoặc biểu mẫu điện tử giấy đề nghị theo Mẫu.

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

6.4. Thời hạn giải quyết:

- Thời hạn thống nhất kiểm tra thực tế: 04 (bốn) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ.

- Thời hạn cấp Hồ sơ đăng kiểm:

+ Trong thời hạn 02 (hai) ngày làm việc, kể từ khi hoàn thành kiểm định lần đầu, định kỳ.

+ Trong thời hạn 01 (một) ngày làm việc, kể từ khi hoàn thành kiểm định hàng năm, trên đà, trung gian, bất thường.

6.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức, cá nhân.

6.6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền giải quyết: Chi cục Đăng kiểm.

- Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không có.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Chi cục Đăng kiểm.

- Cơ quan phối hợp: Không có.

6.7. Kết quả của việc thực hiện thủ tục hành chính:

Các giấy chứng nhận theo quy định của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải về Danh mục giấy chứng nhận và tài liệu của tàu biển, tàu biển công vụ, tàu ngầm, tàu lặn Việt Nam và điều ước quốc tế liên quan mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên.

6.8. Phí, lệ phí:

- Lệ phí cấp giấy chứng nhận: 50 000 (đồng/giấy).

- Giá dịch vụ kiểm định được tính theo Thông tư số 234/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

6.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính; mẫu kết quả giải quyết TTHC:

- Đề nghị kiểm định và cấp hồ sơ đăng kiểm cho tàu biển.

- Biểu mẫu Giấy chứng nhận đăng kiểm tàu biển theo Phụ lục I (từ Mẫu số I.01 đến Mẫu số I.29) và Phụ lục V (từ Mẫu số V.01 đến Mẫu số V.05) ban hành theo Thông tư số 20/2022/TT-BGTVT ngày 29/7/2022 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về các biểu mẫu giấy chứng nhận, sổ an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường cấp cho tàu biển, ụ nổi, kho chứa nổi, giàn di động, phương tiện thủy nội địa).

6.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

Tàu biển Việt Nam được cấp hồ sơ đăng kiểm phải thỏa mãn các quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về phân cấp và đóng tàu biển, đo dung tích tàu biển, trang bị an toàn tàu biển, thiết bị nâng dùng trên tàu biển, các hệ thống ngăn ngừa ô nhiễm của tàu biển. Ngoài ra, tàu biển hoạt động tuyến quốc tế còn phải thỏa mãn các điều ước quốc tế áp dụng cho tàu biển về an toàn hàng hải, an ninh hàng hải, điều kiện lao động hàng hải và phòng ngừa ô nhiễm môi trường mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên.

6.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật số 95/2015/QH13 Bộ luật Hàng hải năm 2015.

- Thông tư số 40/2016/TT-BGTVT ngày 07/12/2016 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về đăng kiểm tàu biển;

- Thông tư số 16/2022/TT-BGTVT ngày 30/6/2022 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của các thông tư trong lĩnh vực đăng kiểm;

- Thông tư số 17/2023/TT-BGTVT ngày 30/6/2023 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 40/2016/TT-BGTVT ngày 7/12/2016 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về đăng kiểm tàu biển Việt Nam và Thông tư số 51/2017/TT-BGTVT ngày 29/12/2017 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về đăng kiểm viên và nhân viên nghiệp vụ đăng kiểm tàu biển;

- Thông tư số 59/2025/TT-BXD ngày 29/12/2025 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư trong lĩnh vực hàng hải, đường thủy và đăng kiểm

- Thông tư số 20/2022/TT-BGTVT ngày 29/7/2022 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về các biểu mẫu giấy chứng nhận, số an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường cấp cho tàu biển, ụ nổi, kho chứa nổi, giàn di động, phương tiện thủy nội địa và sản phẩm công nghiệp sử dụng cho phương tiện thủy nội địa;

- Thông tư số 55/2019/TT-BGTVT ngày 31/12/2019 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về Danh mục giấy chứng nhận và tài liệu của tàu biển, tàu biển công vụ, tàu ngầm, tàu lặn, ụ nổi, kho chứa nổi, giàn di động trên biển.

- Thông tư số 199/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý lệ phí cấp giấy chứng nhận bảo đảm chất lượng, an toàn kỹ thuật đối với máy, thiết bị, phương tiện giao thông vận tải có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn.

- Thông tư số 234/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về giá dịch vụ kiểm định an toàn kỹ thuật và chất lượng tàu biển, công trình biển; sản phẩm công nghiệp lắp đặt trên tàu biển, công trình biển; đánh giá, chứng nhận hệ thống quản lý an toàn và phê duyệt, kiểm tra, đánh giá, chứng nhận lao động hàng hải.

MẪU ĐỀ NGHỊ KIỂM ĐỊNH VÀ CẤP HỒ SƠ ĐĂNG KIỂM CHO TÀU BIỂN
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐỀ NGHỊ KIỂM ĐỊNH VÀ CẤP HỒ SƠ ĐĂNG KIỂM CHO TÀU BIỂN

Số _____ Địa điểm _____ Ngày _____

Kính gửi:

Tổ chức/cá nhân đề nghị:

Địa chỉ:

Điện thoại: Fax: Email:

Đề nghị thực hiện kiểm định và cấp các giấy chứng nhận cho tàu sau đây:

1. THÔNG TIN VỀ TÀU

Tên tàu		Số phân cấp/ Số IMO.	
Dấu hiệu cấp tàu		Tổ chức đăng kiểm khác ⁽¹⁾	
Quốc tịch		Cảng đăng ký	
Công dụng của tàu		Tổng dung tích	
LppxBxDxd (m)		Trọng tải (tấn)	
Vùng hoạt động của tàu	☐ Tuyến quốc tế/ ☐ Tuyến nội địa ☐ Không hạn chế/ ☐ Hạn chế (chỉ rõ vùng hạn chế):		

⁽¹⁾ Đề nghị tổ chức đăng kiểm khác trong trường hợp tàu có mang đồng thời cấp của tổ chức đó.

2. THÔNG TIN VỀ KIỂM ĐỊNH

Thời gian kiểm định	Từ ngày:	đến ngày:
Địa điểm kiểm định		
Người liên hệ, địa chỉ, điện thoại, fax, email		

3. PHẠM VI KIỂM ĐỊNH (Mô tả yêu cầu kiểm tra, loại hình kiểm tra phân cấp/ theo luật)

4. CẤP/ XÁC NHẬN GIẤY CHỨNG NHẬN (Mô tả các giấy chứng nhận yêu cầu cấp/xác nhận)

Người đề nghị
 (Ký tên và đóng dấu)

7. Đánh giá, chứng nhận năng lực cơ sở thử nghiệm, cung cấp dịch vụ kiểm tra, thử trang thiết bị an toàn và cơ sở chế tạo liên quan đến chất lượng an toàn kỹ thuật và phòng ngừa ô nhiễm môi trường tàu biển

7.1. Trình tự thực hiện:

a) Nộp hồ sơ TTHC:

Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ đến Chi cục Đăng kiểm.

b) Giải quyết TTHC:

- Chi cục Đăng kiểm tiếp nhận hồ sơ, kiểm tra thành phần hồ sơ: nếu hồ sơ không đầy đủ thì ngay trong ngày làm việc hướng dẫn tổ chức, cá nhân để hoàn thiện hồ sơ (trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua cổng dịch vụ công trực tuyến) hoặc hướng dẫn hoàn thiện trong 02 (hai) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ (đối với trường hợp nộp hồ sơ qua hệ thống bưu chính và hình thức phù hợp khác); nếu hồ sơ đầy đủ thì tiến hành xem xét hồ sơ.

- Trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ, nếu kết quả xem xét hồ sơ chưa hợp lệ, Chi cục Đăng kiểm hướng dẫn tổ chức, cá nhân hoàn thiện hồ sơ theo quy định; nếu kết quả xem xét hồ sơ hợp lệ thì trả lời bằng văn bản và thống nhất với người nộp hồ sơ về thời gian đánh giá thực tế tại cơ sở trong thời hạn không quá 03 (ba) ngày làm việc, kể từ ngày thống nhất.

- Sau khi Chi cục Đăng kiểm tiến hành đánh giá. Nếu kết quả đánh giá đạt yêu cầu, Chi cục Đăng kiểm cấp Giấy chứng nhận theo quy định và công bố danh sách các cơ sở đủ năng lực trên Trang thông tin điện tử của Cục Đăng kiểm Việt Nam, trong thời hạn 01 (một) ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc đánh giá thực tế tại cơ sở.

- Nếu kết quả đánh giá không đạt yêu cầu, Chi cục Đăng kiểm có văn bản gửi cơ sở nêu rõ lý do không đạt trong thời hạn 01 (một) ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc đánh giá thực tế tại cơ sở.

7.2. Cách thức thực hiện:

- Nộp hồ sơ trực tiếp; hoặc
- Qua hệ thống bưu chính; hoặc
- Qua cổng dịch vụ công trực tuyến; hoặc
- Hình thức phù hợp khác.

7.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ:

- 01 (một) bản chính hoặc biểu mẫu điện tử giấy đề nghị theo Mẫu;
- 01 (một) bản sao bộ tài liệu bao gồm sổ tay chất lượng và các quy trình làm việc (trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu chính) hoặc bản sao điện tử (trường hợp nộp hồ sơ qua cổng dịch vụ công trực tuyến) theo quy định của quy chuẩn kỹ thuật quốc gia, điều ước quốc tế liên quan mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên.

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

7.4. Thời hạn giải quyết: Trong thời hạn 01 (một) ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc đánh giá thực tế tại cơ sở.

7.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức, cá nhân.

7.6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền giải quyết: Chi cục Đăng kiểm.
- Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không có.
- Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Chi cục Đăng kiểm.
- Cơ quan phối hợp: Không có.

7.7. Kết quả của việc thực hiện thủ tục hành chính:

Giấy chứng nhận năng lực cơ sở thử nghiệm, cung cấp dịch vụ kiểm tra, thử trang thiết bị an toàn và cơ sở chế tạo liên quan đến chất lượng an toàn kỹ thuật và phòng ngừa ô nhiễm môi trường tàu biển.

7.8. Phí, lệ phí:

- Lệ phí cấp giấy chứng nhận: Không có
- Giá dịch vụ đánh giá và chứng nhận năng lực được tính theo Thông tư số 234/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

7.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính; mẫu kết quả giải quyết TTHC:

- Đề nghị đánh giá, chứng nhận năng lực cơ sở thử nghiệm, cung cấp dịch vụ kiểm tra, thử trang thiết bị an toàn và cơ sở chế tạo liên quan đến chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường tàu biển
- Giấy chứng nhận năng lực cơ sở chế tạo; Giấy chứng nhận công nhận năng lực cơ sở cung cấp dịch vụ (theo Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về đánh giá năng lực cơ sở chế tạo và cung cấp dịch vụ tàu biển (QCVN 65:2025/BGTVT) ban hành theo Thông tư số 71/2015/TT-BGTVT ngày 09/11/2015 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

7.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

Cơ sở thử nghiệm, cung cấp dịch vụ kiểm tra, thử trang thiết bị an toàn và cơ sở chế tạo liên quan đến chất lượng an toàn kỹ thuật và phòng ngừa ô nhiễm môi trường tàu biển phải thỏa mãn các quy định liên quan của các quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về phân cấp và đóng tàu biển, trang bị an toàn tàu biển, thiết bị nâng dùng trên tàu biển, các hệ thống ngăn ngừa ô nhiễm của tàu biển. Ngoài ra, cơ sở thử nghiệm, cung cấp dịch vụ kiểm tra, thử trang thiết bị an toàn và cơ sở chế tạo liên quan đến chất lượng an toàn kỹ thuật và phòng ngừa ô nhiễm môi trường tàu biển hoạt động tuyến quốc tế còn phải thỏa mãn các điều ước quốc tế về an toàn hàng hải, an ninh hàng hải, điều kiện lao động hàng hải và phòng ngừa ô nhiễm môi trường mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên.

7.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật số 95/2015/QH13 Bộ luật Hàng hải năm 2015.
- Thông tư số 40/2016/TT-BGTVT ngày 07/12/2016 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về đăng kiểm tàu biển Việt Nam;
- Thông tư số 16/2022/TT-BGTVT ngày 30/6/2022 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư trong lĩnh vực đăng kiểm;
- Thông tư 17/2023/TT-BGTVT ngày 30/6/2023 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 40/2016/TT-BGTVT ngày 7/12/2016 của Bộ

trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về đăng kiểm tàu biển Việt Nam và Thông tư số 51/2017/TT-BGTVT ngày 29/12/2017 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về đăng kiểm viên và nhân viên nghiệp vụ đăng kiểm tàu biển;

- Thông tư số 59/2025/TT-BXD ngày 29/12/2025 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư trong lĩnh vực hàng hải, đường thủy và đăng kiểm

- Thông tư số 234/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về giá dịch vụ kiểm định an toàn kỹ thuật và chất lượng tàu biển, công trình biển; Sản phẩm công nghiệp lắp đặt trên tàu biển, công trình biển; đánh giá, chứng nhận hệ thống quản lý an toàn và phê duyệt, kiểm tra, đánh giá, chứng nhận lao động hàng hải

MẪU ĐỀ NGHỊ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**ĐỀ NGHỊ ĐÁNH GIÁ, CHỨNG NHẬN NĂNG LỰC CƠ SỞ THỬ NGHIỆM, CUNG CẤP
 DỊCH VỤ KIỂM TRA, THỬ TRANG THIẾT BỊ AN TOÀN VÀ CƠ SỞ CHẾ TẠO LIÊN
 QUAN ĐẾN CHẤT LƯỢNG AN TOÀN KỸ THUẬT VÀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG TÀU
 BIỂN**

Số _____ Địa điểm _____ Ngày _____

Kính gửi:

Tổ chức/cá nhân đề nghị:

Địa chỉ:

Điện thoại: Fax: Email:

Đề nghị đánh giá, chứng nhận năng lực cơ sở thử nghiệm/cơ sở cung cấp dịch vụ kiểm tra, thử trang thiết bị an toàn/cơ sở chế tạo liên quan đến chất lượng an toàn kỹ thuật và phòng ngừa ô nhiễm môi trường tàu biển⁽¹⁾ (sau đây gọi là “cơ sở”) dưới đây:

Tên cơ sở:

Địa chỉ cơ sở:

Điện thoại: Fax: Email:

Các dịch vụ/sản phẩm⁽¹⁾ do cơ sở cung cấp/chế tạo⁽¹⁾:

.....

Ngày dự kiến đánh giá tại cơ sở:

Sổ tay chất lượng, sơ đồ tổ chức và các quy trình làm việc liên quan của cơ sở được gửi kèm theo đề nghị này.

Người đề nghị
 (Ký tên và đóng dấu)

⁽¹⁾ Gạch bỏ nếu không phù hợp.

MẪU GIẤY CHỨNG NHẬN CÔNG NHẬN NĂNG LỰC CƠ SỞ CHẾ TẠO



CỤC ĐĂNG KIỂM VIỆT NAM
VIETNAM REGISTER

MS.C 1/2

**GIẤY CHỨNG NHẬN CÔNG NHẬN NĂNG LỰC
CƠ SỞ CHẾ TẠO**

certificate of APPROVAL FOR MANUFACTURES

Số:

No:

CỤC ĐĂNG KIỂM VIỆT NAM CHỨNG NHẬN

Vietnam Register certifies that

Cơ sở / Service Supplier:

Địa chỉ:

Address:

Đã được đánh giá và công nhận năng lực để chế tạo (các) sản phẩm sau đây phù hợp với QCVN 65: 2015/BGTVT “Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về đánh giá năng lực cơ sở chế tạo và cung cấp dịch vụ tàu biển” (sau đây gọi là “Quy chuẩn”):

Has been assessed and approved to manufacture the following product(s) in compliance with the QCVN 65: 2015/BGTVT “National Technical Regulation on the assessment sea-going ship’s manufactures and service suppliers”. (hereinafter refer to as “the Regulation”):

Giấy chứng nhận này có hiệu lực đến ngày:

This Certificate is valid until:

với điều kiện phải được xác nhận chu kỳ phù hợp với Quy chuẩn.

subject to periodical endorsement in accordance with the Regulation.

Ngày ấn định đánh giá chu kỳ:

Periodical assessment date:

Cấp tại: Ngày:

Issued at Date

CỤC ĐĂNG KIỂM VIỆT NAM
VIETNAM REGISTER

XÁC NHẬN CHU KỲ
PERIODICAL ENDORSEMENT

MS.C 2/2

Căn cứ vào kết quả đánh giá chu kỳ, xác nhận tình trạng của cơ sở chế tạo được duy trì phù hợp với Quy chuẩn.

Based on the periodical assessment, the condition of the manufacturer is maintained in compliance with the Regulation.

Ngày:
Date vietnam register

CỤC ĐĂNG KIỂM VIỆT NAM

GHI CHÚ - REMARKS:

Giấy chứng nhận này mất hiệu lực khi:

The approval may be cancelled in cases:

- Chất lượng của (các) sản phẩm do cơ sở chế tạo không theo đúng quy định.
The quality of the product(s) is in doubt .
- Đăng kiểm viên nhận thấy có những thiếu sót trong hệ thống hoạt động của cơ sở.
The surveyor has found major deficiencies in the operating system of the Manufacturer.
- Cơ sở không thông báo những thay đổi lớn trong hệ thống hoạt động của cơ sở tới VR.
The Manufacturer fails to inform of any alteration in the system to Vietnam Register.
- Cơ sở không thực hiện các đợt đánh giá theo quy định.
In case the required assessment is not carried out.

MẪU GIẤY CHỨNG NHẬN CÔNG NHẬN NĂNG LỰC CƠ SỞ CUNG CẤP DỊCH VỤ



CỤC ĐĂNG KIỂM VIỆT NAM
VIETNAM REGISTER

SS.C 1/2

GIẤY CHỨNG NHẬN
CÔNG NHẬN NĂNG LỰC CƠ SỞ CUNG CẤP DỊCH VỤ
certificate of APPROVAL FOR SERVICE SUPPLIER

Số:

No:

CỤC ĐĂNG KIỂM VIỆT NAM CHỨNG NHẬN**Vietnam Register certifies that****Cơ sở / Service Supplier:****Địa chỉ:***Address:*

Đã được đánh giá và công nhận năng lực để cung cấp (các) dịch vụ sau đây phù hợp với QCVN 65: 2015/BGTVT “Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về đánh giá năng lực cơ sở chế tạo và cung cấp dịch vụ tàu biển” (sau đây gọi là “Quy chuẩn”):

Has been assessed and approved to provide the following service(s) in compliance with the QCVN 65: 2015/BGTVT “National Technical Regulation on the assessment sea-going ship’s manufactures and service suppliers”. (hereinafter refer to as “the Regulation”):

-

Giấy chứng nhận này có hiệu lực đến ngày:

This Certificate is valid until:

với điều kiện phải được xác nhận chu kỳ phù hợp với Quy chuẩn.

subject to periodical endorsement in accordance with the Regulation.

Ngày ấn định đánh giá chu kỳ:

Periodical assessment date:

Cấp tại: Ngày:

Issued at Date

CỤC ĐĂNG KIỂM VIỆT NAM
VIETNAM REGISTER

XÁC NHẬN CHU KỲ
PERIODICAL ENDORSEMENT

SS.C 2/2

Căn cứ vào kết quả đánh giá chu kỳ, xác nhận tình trạng của cơ sở chế tạo được duy trì phù hợp với Quy chuẩn.

Based on the periodical assessment, the condition of the manufacturer is maintained in compliance with the Regulation.

Ngày:
Date vietnam register

CỤC ĐĂNG KIỂM VIỆT NAM

GHI CHÚ - REMARKS:

Giấy chứng nhận này mất hiệu lực khi:

The Certificate may be cancelled in cases:

- Cơ sở thực hiện cung cấp dịch vụ không đúng các yêu cầu hoặc kết quả ghi sai.
The service provided is improperly carried out or the results are improperly reported.
- Đăng kiểm viên nhận thấy có những thiếu sót trong hệ thống hoạt động của Cơ sở.
The surveyor has found major deficiencies in the operating system of the Service Supplier.
- Cơ sở không thông báo những thay đổi lớn trong hệ thống hoạt động của Cơ sở tới VR.
The Service Supplier fails to inform of any alteration in the system to Vietnam Register